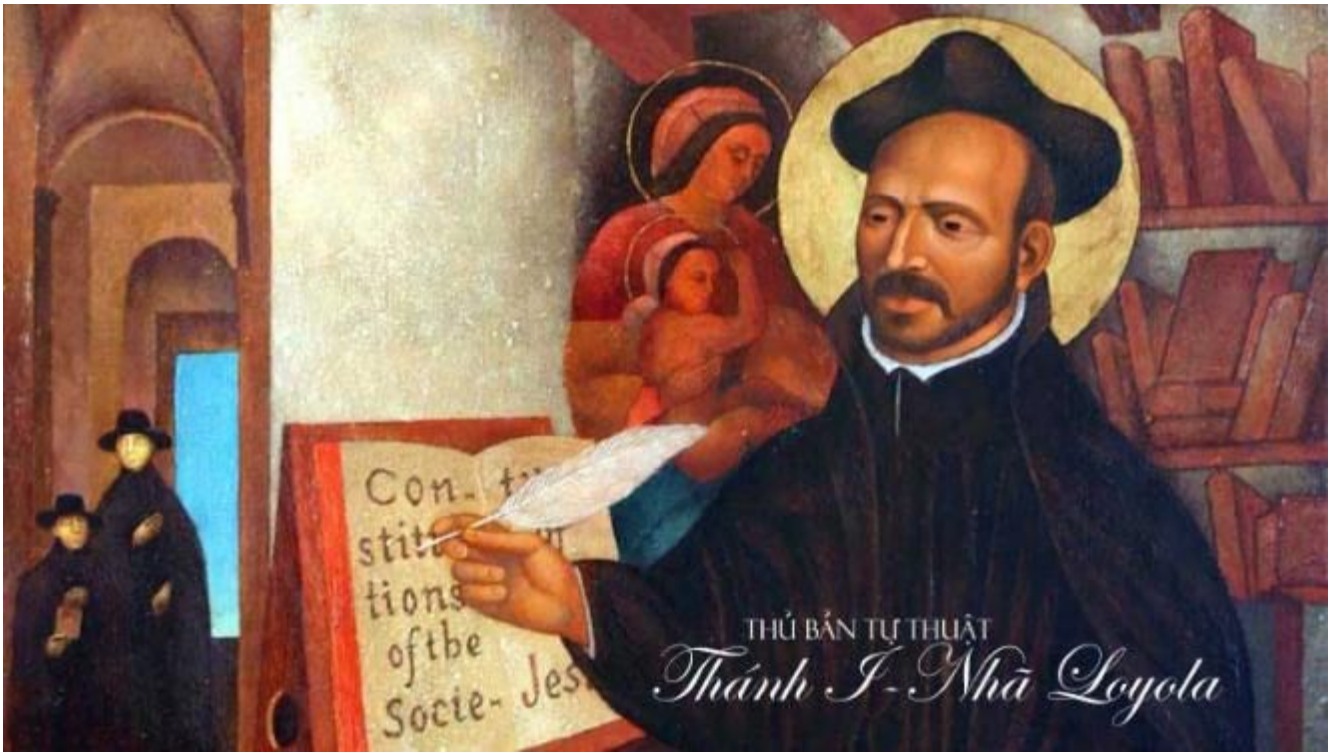

Thủ Bản Tự Thuật Thánh I-Nhã Loyola

Do cha Hoàng Văn Lục (Sesto Quescetti), S.J. dịch

Chú thích của Trần Minh Quân, S.J. và Kevin Dyer, S.J.

Nguồn: http://www.donghanh.org/

NỘI DUNG

Lời tựa của Cha Luis Gonçalves da Câmara

Chương 1- Tĩnh Dưỡng và Hoán Cải 1521-1522

Chương 2 - Hiệp Sĩ của Thánh Mẫu Monserrate 1522

Chương 3 - Chúa Dạy I-Nhã tại Manrêsa 1522-1523

Chương 4 - Hành Hương Thánh Địa 1523

Chương 5 - Đường Trở Về 1523-1524

Chương 6 - Ngày Học tại Barcelôna và Alcala 1524-1527

Chương 7 - Bị Điệu Ra Tòa tại Salamanca 1527

Chương 8 - Đại Học & Những Người Bạn Tiên Khởi 1528-1535

Chương 9 - Về Thăm Quê Nhà 1535

Chương 10 - Chờ Đợi Hành Hương Đất Thánh 1535-1537

Chương 11 - Năm đầu tại kinh thành muôn thủa Roma 1538

LỜI TỰA

Của Cha Luis Gonçalves da Câmara

1. Vào buổi sáng thứ sáu ngày 4 tháng 8 năm 1553, trước ngày lễ Đức Mẹ Xuống Tuyết (1), khi Cha I-Nhã đang ở trong vườn gần nhà gọi là 'nhà công tước' (2). Tôi trình bày với Cha một số vấn đề của tâm hồn, trong đó có vấn đề ham danh. Để giúp tôi giải quyết vấn đề đó, Cha khuyên tôi: nên nhiều lần qui về Chúa tất cả những gì tôi có và dâng cho Chúa tất cả những gì tốt đẹp có thể có trong đời tôi, và cảm tạ Chúa với nhận thức rằng tất cả các ân huệ đó thuộc về Ngài. Nghe Cha nói, tôi được an ủi nhiều. Không cầm nổi nước mắt, Cha kể lại chuyện chính Cha suốt hai năm đã phải đau khổ vì tật xấu này, đến độ lúc sắp sửa lên tầu ở Barcelôna để đi Giêrusalem (3), Cha không dám nói với ai Cha sắp đi đâu. Cha nói thêm rằng, về điểm đó, từ lúc ấy trở về sau Cha thấy tâm hồn hết sức bình thản.

Một hai tiếng đồng hồ sau chúng tôi đi dùng cơm. Đang khi ngồi bàn ăn, có Cha I-Nhã, cha Polancô và tôi, Cha nói rằng: cha Nadal và nhiều cha khác trong Dòng đã nhiều lần xin Cha làm một công việc mà Cha chưa quyết định làm (4). Tuy nhiên, sau khi đã nói chuyện với tôi và cầm trí một lúc trong phòng, Cha cảm thấy được thúc giục và xác tín đến độ Cha đã nhất quyết phải làm (theo cách Cha nói thì thấy Thiên Chúa đã soi sáng rõ ràng cho Cha phải làm việc đó). Đó là việc trình bày những gì xảy đến trong tâm hồn Cha từ xưa đến nay. Cha cũng đã quyết định tôi là người sẽ được Cha tiết lộ những việc đó.

2. Hồi đó Cha đau rất nặng. Thường thì ngài không dám tính sẽ sống thêm được một ngày. Khi nghe người ta nói: "Tôi sẽ làm việc này trong vòng hai tuần lễ hoặc tám ngày," thì Cha thường tỏ vẻ ngạc nhiên và hỏi: "Vậy hả, anh chắc sẽ sống được đến ngày đó sao?" Tuy nhiên, lần đó ngài nói rằng ngài hy vọng sống thêm được ba bốn tháng nữa để hoàn tất công việc đó. Ngày hôm sau tôi hỏi Cha xem ngài muốn chừng nào bắt đầu? Cha bảo tôi phải nhắc Cha mỗi ngày, cho đến khi Cha có sức khỏe và giờ rảnh để bắt tay vào việc. Nhưng vì bận rộn nhiều việc và không có thì giờ rảnh, nên Cha lại bảo tôi phải nhắc ngài mỗi Chúa Nhật. Vào tháng chín Cha gọi tôi, và bắt đầu kể chuyện về cuộc đời ngài và các lỗi lầm của thời thanh niên một cách rõ ràng, rành mạch, không bỏ xót một chi tiết nào (5). Cũng trong tháng đó, Cha lại gọi tôi ba, bốn lần nữa và kể chuyện đến khúc nói rằng Cha định ở lại Manrêsa ít hôm, từ đoạn đó thấy chữ tôi viết có vẻ khác trước.

3. Cách thức Cha kể chuyện thì giống như cách Cha làm mọi việc khác. Nghĩa là hết sức rõ ràng, khiến cho những công việc xảy ra trong quá khứ có vẻ như đang xảy ra bây giờ. Hơn nữa không cần phải hỏi ngài điều gì. Bởi vì cần gì để hiểu rõ câu chuyện thì Cha nhớ và nói hết. Không nói gì cho Cha biết, tôi biên chép tất cả, trước hết là những điểm chính, rồi sau mới viết lại đầy đủ hơn, đó là bản văn đang có đây. Tôi đã cố gắng tránh không viết chữ nào mà Cha đã không dùng. Chỉ sợ thất bại ở một điểm: là khi cố gắng trung thành chép lại các lời Cha nói, đôi khi tôi đã không làm nổi bật được một vài lời nói của Cha.

Như vậy, tôi đã soạn tài liệu này kể từ tháng 9 năm 1553 như đã kể trên. Từ đó cho đến khi cha Nadal về, tức là ngày 18 tháng 10 năm 1554, Cha I-Nhã hay xin hoãn lại vì đau yếu hoặc vì bận việc nọ việc kia. Cha thường nói: "Việc này xong thì con lại nhắc Cha nhá!" Khi xong việc rồi, tôi nhắc Cha, nhưng Cha lại bảo: "Bây giờ bận việc này nữa, xong rồi thì con nhớ nhắc Cha lại."

4. Lúc về nhà, thấy công việc đã bắt đầu rồi, cha Nadal mừng lắm, và bảo tôi phải luôn luôn nhắc Cha I-Nhã. Ngài còn nói nhiều lần với tôi rằng bây giờ không có việc gì quí hơn mà Cha I-Nhã có thể làm cho Dòng, vì đó là góp phần vào việc thành lập Dòng. Chính ngài đã nhiều lần nói với Cha I-Nhã như thế, và Cha I-Nhã bảo tôi, khi nào xong về vụ tìm nguồn lợi để thành lập trường (6) rồi thì tôi nhắc Cha

lại. Nhưng vụ đó xong rồi, thì lại phải chờ cho hết vụ về Prester John (7), và lại còn việc gửi thư từ cho xong.

Vậy, chúng tôi lại tiếp tục công việc và bắt đầu vào ngày mùng 9 tháng 3. Ít lâu sau, Đức Thánh Cha Giuliô III bắt đầu nguy tử và ngày 23 thì băng hà. Vậy Cha hoãn lại công việc đó cho đến khi có Đức Thánh Cha mới. Khi có rồi (tức là Đức Giáo Hoàng Marcelô), thì Đức Thánh Cha mới cũng lại đau và băng hà nữa. Cha lại phải hoãn đến khi tấn phong Giáo Hoàng Phaolô IV. Sau đó vì trời nóng bức và bận rộn nhiều việc nên Cha bị trở ngại cho đến ngày 21 tháng 9 là khi Cha bắt đầu định sai tôi đi Tây Ban Nha. Tôi nài nỉ ngài giữ lời hứa với tôi, thì ngài hẹn gặp tôi vào sáng ngày 22 tại Tháp Đỏ (8). Lễ xong tôi đến hỏi Cha xem đã đến giờ chưa.

5. Ngài bảo tôi đi Tháp Đỏ trước chờ ngài đến sau. Tôi đoán chắc phải chờ lâu. Đang khi đứng ngoài sân nói chuyện với một trợ sĩ đã hỏi tôi một điều gì đó, thì Cha đến và trách tại sao không vâng lời chờ Cha tại Tháp Đỏ. Rồi suốt ngày hôm đó Cha không muốn nói gì. Về sau chúng tôi lại năn nỉ, thì Cha tới Tháp Đỏ và lại tiếp tục kể chuyện, vừa kể vừa đi lại như các lần trước. Muốn quan sát bộ mặt của Cha tôi hay tới gần ngài, thì ngài bảo: "Hãy giữ luật"(9). Một lúc sau, quên lời dặn tôi lại đến gần Cha, hai, ba lần ngài lập lại lời đó rồi bỏ luôn. Nhưng cuối cùng Cha trở về Tháp Đỏ rồi kể chuyện tiếp. Tuy nhiên, vì từ mấy hôm trước tôi đang chuẩn bị lên đường - Cha đã gặp tôi kể chuyện lần chót là ngày trước khi tôi đi - nên không thể viết ra đây đủ tại Roma được. Tôi đem theo bản tóm tắt, và tại Genova, vì không có người viết chữ Tây Ban Nha, nên tôi đọc bằng tiếng Ý Đại Lợi.

Tài liệu này được viết xong tại Genova, tháng 12 năm 1555.

CHƯƠNG 1

Tịnh Dưỡng và Hoán Cải -

1521 - 1522

1. Từ thời niên thiếu cho đến năm 26 tuổi (1), I-Nhã chỉ lo chạy theo những chuyện vớ vẩn của người đời, đặc biệt ham mê võ thuật và ao ước được danh tiếng trước mặt người ta (2).

Một hôm đang khi bị quân Pháp bao vây thành Pamplôna, tất cả mọi người đều đồng ý đầu hàng để thoát chết, vì thấy không thể nào chống cự lại được. Nhưng I-Nhã đưa ra mọi lý lẽ và thuyết phục được vị chỉ huy trưởng là cứ chống trả. Dù không mấy đồng ý, tất cả các sĩ quan thấy khí phách của I-Nhã cũng lấy làm vững tâm hơn. Đến ngày tấn công, trước khi giao chiến, I-Nhã xưng tội với một người đồng đội (3). Trận đánh kéo dài một lúc lâu thì I-Nhã bị trúng đạn, một chân bị gẫy và chân kia cũng bị thương khá nặng.

2. Thấy I-Nhã ngã gục, lập tức cả đơn vị trong thành đầu hàng. Sau khi chiếm được thành, quân Pháp đối xử tử tế với I-Nhã. Sau khi lưu lại tại Pamplona độ mười lăm ngày, họ đặt ông trên một cái cáng và khiêng về đến tận nhà ở thành Loyola.

Thấy I-Nhã nằm lâu ngày và đau rất nặng, người nhà đã nhờ nhiều y sĩ khắp vùng đến chữa trị. Họ thấy nguyên nhân chưa khỏi vì xương chân của ông chưa được ráp lại đúng chỗ, và họ quyết định mổ chân lại một lần nữa. Thế là I-Nhã bị làm thịt lần thứ hai. Suốt cuộc giải phẫu, cũng như lần trước, và

lần sau đó nữa, I-Nhã không hề thốt ra một tiếng nào, chỉ thấy ông nắm chặt hai bàn tay vì đau điếng(4).

3. Tình trạng sức khoẻ càng ngày càng trầm trọng, I-Nhã không thể ăn ống được gì và có những triệu chứng sắp chết. Vài ngày trước lễ Thánh Gioan, do không mấy hy vọng I-Nhã sẽ thoát chết, nên người nhà đề nghị ông xưng tội. Sau khi nhận các bí tích rồi, trước ngày lễ Thánh Phêrô và Phaolô, các y sĩ nói rằng, nếu trước nửa đêm không có dấu hiệu nào cho thấy bệnh nhân khá hơn, thì coi như chắc chắn sẽ chết. I-Nhã thường sùng kính Thánh Phêrô, nhờ ơn Chúa, vào đúng nửa đêm, bệnh nhân cảm thấy bớt đau, và ngày hôm sau thì hết nguy hiểm.

4. Dần dần các miếng xương dính lại với nhau, nhưng dưới đầu gối lại thấy có một miếng khác lòi ra khiến chân bị rút ngắn lại và có một cái gò trông rất khó coi. Vì đã quyết tâm theo hư danh thế gian, nên I-Nhã hỏi y sĩ có thể cắt bớt miếng xương xấu xí kia được không. Họ trả lời có thể được nhưng sẽ đau đớn hơn lần trước, vì xương đã lành rồi và việc cưa bớt lại rất công phu. Thế là I-Nhã quyết định chịu cực hình chỉ vì thích như thế. Nghe vậy, ông anh hết hồn bảo rằng, chính ông dù khoẻ mạnh cũng không dám chịu đau đớn ngần ấy. Thế mà I-Nhã đã chịu được như mấy lần trước.

5. Sau khi cắt bớt miếng thịt và cưa xương, để chân khỏi rút ngắn quá, suốt ngày các y sĩ đã xoa nhiều thứ thuốc và kéo chân dài ra bằng các thứ dụng cụ hành hạ bệnh nhân. Tuy nhiên, Chúa ban cho I-Nhã lấy lại sức khoẻ, dù chân vẫn chưa đi được khiến bệnh nhân phải nằm giường.

Dù không thể làm được gì, nhưng thấy khoẻ mạnh I-Nhã xin người nhà đem đến mấy cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp đọc chơi cho đỡ buồn, vì ông mê đọc những chuyện phù phiếm viển vông này. Nhưng vì trong nhà không có cuốn tiểu thuyết nào, nên người nhà mang cho ông một cuốn sánh nhan đề: “Cuộc Đời Chúa Kitô" và cuốn "Đời Sống Các Thánh" viết bằng tiếng Tây Ban Nha (5).

6. Đọc đi đọc lại, đôi khi I-Nhã cảm thấy thích thú. Lâu lâu bỏ sách xuống một bên, ông suy nghĩ đến những gì đã đọc, có khi lại nghĩ sang những chuyện mà ông thường hay nghĩ. Trong số những chuyện vớ vẩn này, có một chuyện thu hút ông đến độ ông mơ màng suốt ba bốn tiếng đồng hồ liền mà không hay. Ông tưởng tượng đến những công việc mà ông sẽ thực hiện để hầu hạ một tiểu thơ kia, rồi cách thức để đi đến nơi nàng ở, những bài thơ và những lời lẽ ông sẽ nói với nàng, và cả những trận đánh thắng quân thù để dâng tặng nàng. Ông say mê và tự phụ quá, nên thấy rằng những việc như thế không thể nào không thực hiện nổi. Vì nàng không phải là một bá tước hay công tước phu nhân, nhưng chắc còn phải còn cao sang hơn thế nữa! (6)

7. Tuy nhiên Thiên Chúa soi sáng giúp I-Nhã bỏ rơi những chuyện tưởng tượng đó và nghĩ đến những gì ông đang đọc trong sách. Đọc về Cuộc Đời Chúa và các Thánh, thỉnh thoảng ông dừng lại và tự hỏi mình: "Giá mà tôi cũng làm được những việc như Thánh Phanxicô (thành Assisi) hay Thánh Đa-Minh đã làm thì sao?" Như thế, ông suy niệm về nhiều việc lành có thể làm được, cũng không thấy khó khăn cho lắm! Mỗi lần như thế, ông lại tự nhủ: “Thánh Phanxicô đã làm việc này thì tôi cũng phải làm được! Thánh Đa-Minh đã làm được việc kia thì tôi cũng phải làm!" (7)

Hai loại tư tưởng trên gây ra những phản ứng khác nhau. Lúc nghĩ đến chuyện đời, I-Nhã cảm thấy rất thích thú, nhưng khi hết nghĩ đến thì ông cảm thấy khô khan và trống rỗng. Trái lại, lúc nghĩ đến việc đi chân không đến Đất Thánh, không ăn uống gì trừ rau cỏ và sống khắc khổ như các Thánh đã sống thì ông cảm thấy rất phấn khởi, không những trong lúc nghĩ đến, mà cả khi hết còn nghĩ đến nữa, ông vẫn cảm thấy vui và hài lòng.

8. Lúc bấy giờ ông chưa để ý phân tích kỹ các phản ứng khác nhau đó. Cho tới khi nhận ra, ông lấy làm lạ và bắt đầu suy nghĩ mà tự hỏi tại sao sau khi nghĩ đến việc này thì thấy buồn, nhưng sau khi nghĩ đến việc kia lại thấy vui. Từ đó, ông khám phá ra hai phản ứng khác nhau và ảnh hưởng trên tâm hồn: một thứ do ma quỉ bày ra, còn một thứ khác do Thiên Chúa soi sáng (8).

9. Nhờ đọc sách và cảm nhận được cuộc đời mình dưới một luồng sáng mới, I-Nhã ý thức cần phải ăn năn hối cải (9). Từ đó ông cảm thấy có ý muốn noi gương các Thánh, muốn làm những gì y hệt như các Thánh đã làm, nhờ ơn Chúa giúp. Có một việc ông muốn làm trên hết: đó là khi nào khoẻ mạnh lại, ông sẽ đi tận Giêrusalem đồng thời tự đánh tội và nhịn ăn với tất cả lòng sốt mến của một tâm hồn hăng say.

10. Nhờ ý muốn Thánh thiện này, các chuyện phù phiếm kia dần dần bị quên lãng, và I-Nhã được củng cố tinh thần bởi một thị kiến thiêng liêng như sau:

Một đêm kia khi thức giấc, ông nhìn thấy hình dạng Đức Mẹ với Chúa Hài Đồng trong một lúc lâu. Nhờ xem thấy hình ảnh đó, ông cảm thấy tâm hồn phấn khởi lạ thường, đồng thời ghê tởm tất cả quãng đời quá khứ, đặc biệt là những đam mê xác thịt. Ông có cảm tưởng tất cả những hình ảnh cũ bị tẩy xoá trong tâm hồn. Từ giây phút đó trở đi (cho đến tháng 8 năm 1553 khi cuốn sách nầy được viết), không một lần nào ông nghĩ đến các đam mê xác thịt mà lấy làm thích thú nữa. Với kết quả như thế, thì chắc là thị kiến do Chúa mà đến, mặc dù I-Nhã chưa dám định quả quyết, nhưng chỉ kể chuyện đã xảy ra thôi. Tuy nhiên, ông anh và tất cả mọi người trong nhà nhìn thấy cách thức cư xử bên ngoài, đều nhận thấy được rằng I-Nhã đang thay đổi bên trong (10).

11. Tuy nhiên, ông cứ điềm nhiên tiếp tục đọc sách và nghĩ đến những việc ông sẽ làm. Mỗi lần nói chuyện với người trong nhà, ông chỉ nói đến Chúa để giúp đỡ họ. Vì đọc sách thiêng liêng thấy có ích lợi, I-Nhã nẩy ý muốn chép một số đoạn chính trong đời sống của Chúa và các Thánh. Ông lấy một tập vở và bắt đầu biên chép các đoạn sách. Lời Chúa ông viết bằng mực đỏ, lời Đức Mẹ ông viết bằng mực xanh rất cẩn thận trên giấy láng có hàng kẻ. Nét chữ của ông rất đẹp nên cả cuốn vở trở nên vô cùng hấp dẫn. Suốt ngày I-Nhã chỉ lo chép sách và cầu nguyện. Ông thấy phấn khởi, nhất là khi nhìn lên bầu trời và các vì sao. Nhìn nhiều lần và nhìn rất lâu, nhờ đó mà ông cảm thấy đủ nghị lực để phục vụ Chúa. Ông hay nghĩ đến dự tính đi Giêrusalem, và mong chóng được bình phục để lên đường.

12. Ông dự tính thêm sau khi đi Giêrusalem về, ông sẽ sống khắc khổ tại một đan viện khổ tu ở Sevilla. Ông sẽ giấu tên để khỏi được kính nể và ông sẽ chỉ ăn rau cỏ mà thôi. Nhưng sau đó khi nghĩ mình có thể sống khắc khổ khi đi khắp thiên hạ, ông cảm thấy không còn muốn dừng chân tại đan viện, vì e rằng sẽ không được phép tự hành hạ mình đủ. Dù vậy lúc sắp sửa lên đường đi tới Burgos, ông đã nhờ một người ở hỏi dùm luật lệ ở đan viện, và ông thấy hài lòng. Tuy nhiên vì những lý do nói trên, và vì lúc bấy giờ ông chỉ nghĩ đến việc sửa soạn ra đi, nên việc vào đan viện ông không mấy để ý đến mà quyết định để khi về mới tính tiếp.

Thấy tạm khoẻ lại và có thể lên đường, I-Nhã nói với ông anh: “Thưa anh, Công Tước Najera, như anh biết, đã hay tin em khỏi rồi. “Có lẽ em nên đi thăm ông hiện đang ở Navarrete.” Ông anh đã đưa I-Nhã đi vào một phòng, rồi tiếp đến sang phòng thứ hai, và với tất cả niềm trìu mến, cố gắng thuyết phục em đừng lao mình vào một cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Ông nhắc nhở I-Nhã rằng: "Bao nhiêu người đang tin tưởng em, bao nhiêu công việc cao trọng em có thể làm," và còn thêm nhiều lời lẽ tương tự với mục đích thuyết phục I-Nhã bỏ ý định tốt đẹp. I-Nhã trả lời khéo, dù không nói dối, bởi vì về điểm này ông thường rất cẩn thận, và cuối ông cũng tránh né và từ giã được ông anh (11).

CHƯƠNG 2

HIỆP SĨ CỦA THÁNH MẪU Ở MONSERRATE

1522

13. Thế là I-Nhã cưỡi một con la cái lên đường với một người anh tới tỉnh Onate, gần đó có nhà thờ Đức Mẹ là nơi hành hương. Dọc đường I-Nhã thuyết phục người anh vui lòng ghé nhà thờ, thức đêm cầu nguyện để lấy sức mạnh tinh thần mà đi tiếp. Sáng hôm sau hai người chia tay, người anh tới thăm một người chị ở Onate và I-Nhã lên đường đi Navarete.

Tới nơi, vì nhớ ra rằng nhà người công tước mắc nợ ông một số tiền, I-Nhã viết giấy xin lãnh số tiền đó. Người thủ quĩ trả lời là lúc bấy giờ không đủ tiền để trả. Nghe như thế, ông công tước bảo viên thủ quĩ khất nợ ai thì khất, chứ khất nợ một người của dòng họ Loyola thì không. Hơn nữa ông ta còn muốn ban cho I-Nhã chức quan phó, gọi là để tưởng nhớ công lao trong quá khứ. Lãnh tiền rồi, I-Nhã chia một phần cho một số người đã có công với ông, phần còn lại ông đưa người ta tu bổ và trang hoàng thêm một tượng Đức Mẹ đã bị hư hại. Xong việc, I-Nhã cho hai người ở ra về và cưỡi la rời Navarrete hướng về Monserrate.

14. Trên đoạn đường này, có xảy ra một việc cần được trình bày để thấy cách thức Chúa hướng dẫn tâm hồn I-Nhã, một tâm hồn vẫn thô sơ, mặc dù rất ước ao được biết cách thức để phục vụ Chúa. Xin nhắc lại là I-Nhã đã quyết tâm sống khắc khổ với mục đích làm đẹp lòng Chúa, hơn là chuộc tội. Nhớ đến việc khổ hạnh các Thánh đã thực hiện, I Nhã quyết định làm theo, và còn có ý định sẽ làm khổ hơn thế nữa. Mỗi lần quyết định như vậy, ông cảm thấy an vui, nhưng chưa biết phân tích các động lực trong tâm hồn, ông cũng không hiểu các nhân đức khiêm nhường, bác ái, kiên nhẫn là gì, nhất là đức khôn ngoan chỉ dẫn các nhân đức kia. Ông chỉ muốn thực hiện các công việc lớn lao bởi vì các Thánh đã làm như thế cho sáng danh Chúa, chứ ông không hề bận tâm xét đến hoàn cảnh đặc biệt trong đời sống các Thánh.

15. Vậy khi I-Nhã đang đi trên đường thì một người Mauri cỡi la theo kịp. Hai người vừa đi vừa nói chuyện với nhau, từ chuyện này bắt sang chuyện khác, cuối cùng họ nói về Đức Mẹ. Người Mauri đồng ý Đức Mẹ mang thai không do người đàn ông, nhưng không tin dù sinh con Đức Mẹ vẫn còn đồng trinh. Người Lữ Khách (12) đưa ra nhiều bằng cớ nhưng vẫn không thể nào làm cho người Mauri bỏ lập trường nghịch đạo của mình.

Bỗng người Mauri vọt tới trước và I-Nhã không còn thấy người đó nữa. Người lữ khách bắt đầu suy nghĩ đến cuộc nói chuyện với người Mauri vừa qua. Trong thâm tâm, ông cảm thấy bất mãn với chính mình, vì cho rằng đã không làm đủ bổn phận, đồng thời cảm thấy nổi giận vì đáng lý ông không thể để một người Mauri nói những điều chướng tai về Đức Mẹ như thế, và ông nghĩ mình có bổn phận dàn xếp chuyện này. Ông đã tính chạy theo người Mauri cầm dao găm đâm hắn mấy cái vì những lời lẽ hắn đã nói. Nhưng ông do dự một lúc lâu, không biết bổn phận đòi hỏi ông nên làm gì. Trước khi vọt tới trước, người Mauri đã nói rằng hắn sẽ đi đến một làng xa hơn một chút, gần đường chính rẽ sang con đường phụ.

16. Do không biết quyết định ra sao, nên I-Nhã thả cương con la để nó đi tự do tới ngã ba: nếu con la quặt vào đường phụ, ông sẽ kiếm người Mauri và sẽ đâm hắn, còn nếu nó tiếp tục đi trên con đường chính, thì ông sẽ bỏ qua (13). Mặc dù làng nằm ngay bên cạnh đường chính, chỉ cách xa khoảng bốn

chục bước, và đường đi tới làng thì tốt và rộng hơn đường chính, nhưng Chúa đã khiến con lừa bỏ con đường làng, và tiếp tục đi vào con đường chính.

Tới một làng khá lớn trước khi tới Monserrate, I-Nhã dừng lại, mua một cái áo thô để mặc trên đường đi Giêrusalem. Người mua thứ vải làm bao bố, loại thưa có nhiều gai, và nhờ người ta may một cái áo dài tới chân. Người mua thêm cây gậy đi hành hương, một cái bầu đựng nước và treo tất cả lên cốt yên la. Người còn mua đôi giầy vải và chỉ đi một chiếc ở chân đau thôi, không phải để lập dị nhưng vì chân này còn phải băng bó. Hơn nữa, mặc dù cưỡi la, cứ đến tối chân ấy lại sưng vù lên.

17. I-Nhã lại lên đường đi tới Monserrate và như thường lệ, ông suy nghĩ đến những việc phi thường ông sẽ làm để phục vụ Chúa. Vì trí tưởng tượng còn đầy những hình ảnh thấy trong sách kể chuyện các hiệp sĩ, ông nẩy ý bắt chước họ và quyết định cởi bỏ quần áo thường mặc, mang huy hiệu Chúa Kitô và canh thức suốt đêm trước bàn thờ Đức Mẹ tại Monserrate, không ngồi, không nằm, nhưng đứng hoặc quỳ, y như một hiệp sĩ.

Ông vừa cỡi la, vừa suy nghĩ đến ý định ông sẽ thực hiện. Tới nhà thờ Monseratte, sau khi cầu nguyện, và bàn hỏi với một Cha linh hướng, trong ba ngày I-Nhã viết ra mọi tội lỗi trên một tờ giấy rồi xưng tội (14). Ông còn điều đình với Cha linh hướng cho đan viện giữ lại con la, còn cái gươm và con dao găm thì ông treo trên bàn thờ Đức Mẹ. Trước đó I-Nhã chưa trình bày ý định cho linh mục nào biết; đây là người đầu tiên biết câu chuyện.

18. Vào buổi tối ngày hôm trước lễ Đức Mẹ Truyền Tin tháng 3 năm 1522, I-Nhã lén lút đi tìm một người nghèo. Tìm được rồi, ông cởi quần áo ra và đưa cho anh ta, mặc áo thô như đã ước ao, trở về nhà thờ gậy cầm trên tay, khi quì, khi đứng mà canh thức suốt đêm trước bàn thờ Đức Mẹ (15).

Sáng sớm hôm sau để người ta khỏi nhận ra, và vì sợ gặp nhiều người quen kính nể, ông không đi thẳng tới Bacelôna, nhưng đi một đường vòng tới một phố nhỏ tên là Manrêsa. Ông tính sẽ ở lại đó vài ngày trọ tại nhà thương thí, để ghi chép một số ý tưởng vào một tập vở mà ông luôn đem theo và giữ gìn cẩn thận. Tập vở này nâng đỡ tinh thần ông rất nhiều (16).

Đi khỏi Monserrate chừng một trăm dặm, I-Nhã thấy một người chạy theo hỏi có phải ông đã đem quần áo cho một người nghèo như anh này nói không. I-Nhã trả lời có và rưng rưng nước mắt thương xót người nghèo vì thấy người ta làm khó dễ anh, nghi ngờ anh ăn cắp.

Dù I-Nhã đã hết sức cẩn thận để tránh người ta tôn kính, nhưng sau một thời gian không lâu, họ bắt đầu đồn đãi về công việc ông làm tại Monserrate. Danh tiếng ông tràn ra và thổi phồng lên vượt xa sự thật, rằng ông đã từ bỏ bao nhiêu là lợi lộc, v.v.

CHƯƠNG 3

CHÚA DẠY I-NHÃ TẠI MANRÊSA

1522 - 1523

19. Tại Manrêsa, mỗi ngày I-Nhã đi ăn xin, không ăn thịt và uống rượu dù người ta vẫn cho. Vào ngày chủ nhật thì ông không ăn Chay và uống chút rượu, nếu có ai cho. Vì trước kia, ông thường chăm sóc mái tóc rất cẩn thận theo thời trang, nay I-Nhã quyết định để tóc mọc lên tự nhiên, không cắt không chải

và cũng không thay đổi gì ngày cũng như đêm. Về móng tay và móng chân cũng vậy, vì trước kia đã săn sóc kỹ lưỡng, nên bây giờ không cắt và không ngó ngàng tới nữa.

Tại nhà thương thí, nơi ông trọ, đã nhiều lần giữa ban ngày I-Nhã thấy ở gần mình, trên không trung một hình bóng hết sức hấp dẫn làm cho ông rất phấn khởi. Ông không thấy rõ nó có hình dạng gì nhưng có vẻ giống một con rắn với nhiều chấm lấp lánh như là những mắt của nó, dù đó không phải là mắt. Thấy hình dạng này I-Nhã rất lấy làm thích thú và phấn chấn, càng thấy nhiều thì lại càng cảm khích nhưng lúc nó biến mất thì lại thấy buồn chán (17).

20. Trước kia chưa có kinh nghiệm về đời sống thiêng liêng nội tâm, I-Nhã vẫn bình an và luôn luôn vui vẻ (18). Trong những ngày ông thấy hình bóng kia thì hình như một thời gian trước khi nó bắt đầu, I-Nhã bị dày vò mãnh liệt vì một tư tưởng nảy sinh trong tâm hồn. Người thấy cả cuộc đời mình cực khổ và hình như có ai nói trong thâm tâm: 'Làm sao anh có thể chịu đựng một cuộc đời cực khổ như thế này suốt 70 năm còn lại trong đời anh?' Tuy nhiên, hiểu rằng đó là tiếng nói thù địch, I-Nhã rất cương quyết trả lời trong thâm tâm: 'Đồ khốn nạn, mày làm gì bảo đảm tao sống được thêm một tiếng đồng hồ nữa?'

Thế là ông thoát được cơn thử thách và tìm lại được bình an. Đó là lần đầu tiên ông gặp thử thách sau khi thay đổi cuộc sống. Chuyện này xảy ra trong khi đang vào nhà thờ nơi ông đi dự lễ hát, giờ kinh chiều và kinh tối cử hành trọng thể, ông đã tham dự sốt sắng và rất lấy làm phấn khởi. Khi đi xem lễ hằng ngày, ông thường đọc gẫm bài Thương Khó và được an vui trong lòng.

21. Tuy nhiên sau cuộc thử thách kể trên, I Nhã bắt đầu cảm nghiệm sự thay đổi trong tâm hồn, có khi cảm thấy khô khan, không còn thấy thích dự lễ hay đọc kinh nữa. Đôi khi bất thình lình ông cảm thấy ngược lại và có cảm tưởng là sự khô khan và buồn phiền được cất đi như khi người ta cởi áo choàng ra. Thấy sự thay đổi đó, mà từ xưa đến giờ chưa bao giờ xảy đến, I-Nhã tự hỏi: “Cuộc đời mới này làm sao đây?”

Hồi đó, tại Manrêsa có một bà rất già về số tuổi cũng như về số năm phục vụ Chúa. Khắp cả Tây Ban Nha ai cũng biết tiếng, cả vua công giáo (danh hiệu là hoàng đế Carlos V) đã từng mời vào yết kiến. Một hôm đang đàm dạo với lính mới của Chúa, bà nói với ông: 'Ước gì một ngày nào, Chúa tôi, Đức Giêsu Kitô sẽ hiện ra cho chú!' Hiểu câu nói theo nghĩa đen, I-Nhã kinh ngạc trả lời: 'Lẽ nào Đức Kitô lại hiện ra cho cháu?' Ở Manrêsa, I-Nhã tiếp tục giữ thói quen xưng tội và rước Mình Thánh Chúa mỗi tuần một lần (19).

22. Tuy nhiên trong đời sống thiêng liêng, I-Nhã đã phải khổ sở rất nhiều vì lòng bối rối (20). Mặc dù tại Monserrate đã xưng những tội đã phạm suốt đời rất cẩn thận sau khi viết tất cả trên giấy như đã kể trên. Nhưng đôi khi I-Nhã vẫn cảm thấy đã quên không xưng vài tội, do đó ông rất khổ tâm. Mặc dù xưng tội lại lần nữa, ông vẫn chẳng hài lòng. Ông đi tìm vài người đạo đức có thể giúp ông chữa trị tâm trạng bối rối nhưng không có cách nào thoát khỏi. Cuối cùng một linh mục giáo sư hay giảng tại nhà thờ chính toà, và là một người đạo đức đã bảo ông trong toà giải tội là cứ viết ra tất cả những gì nhớ được. I-Nhã đã làm như vậy, nhưng sau khi xưng tội rồi thì cơn bối rối lại còn phức tạp hơn nữa, khiến ông phải rất khổ sở.

Mặc dù ý thức lòng bối rối gây hại cho mình, và nên vượt qua tình trạng đó, ông cũng không làm sao thoát khỏi. Đôi khi ông nghĩ cách chữa trị là nhờ Cha linh hướng nhân danh Chúa Kitô ra lệnh đừng xưng lại tội cũ nữa, nhưng lại không dám đề nghị với Cha linh hướng như thế.

23. Tuy nhiên, mặc dù không đề nghị, Cha linh hướng ra lệnh đừng xưng lại các tội cũ nữa, trừ khi nhớ tội nào rõ ràng. Nhưng đối với ông tội nào cũng nhớ rõ ràng lắm, cho nên lệnh đó hoàn toàn vô hiệu quả và ông vẫn cảm thấy khổ sở.

Hồi đó I-Nhã ở trong một phòng nhỏ mà các Cha Đa-Minh đã dành cho ông trong tu viện, mỗi ngày ông quì gối cầu nguyện suốt bảy tiếng đồng hồ, nửa đêm thức dậy và tiếp tục tất cả các việc đạo đức trình bày trên. Tuy nhiên, những việc đó không giải quyết được lòng bối rối đã gây khổ sở cho ông trong nhiều tháng.

Một hôm quá khổ tâm đang khi cầu nguyện sốt sắng, I-Nhã rên rỉ lớn tiếng cầu cùng Thiên Chúa: 'Lạy Chúa, xin Chúa cứu thoát con vì con không tìm thấy giải pháp nhờ loài người hay bất cứ cái gì khác. Nếu hy vọng tìm được, con sẵn sàng chịu mọi cực khổ không tiếc. Xin Chúa chỉ cho con tìm ra giải pháp, dù phải chạy theo một con chó con để nó giúp con tìm thấy, con cũng sẵn sàng chạy!' (21).

24. Khi bận tâm với những tư tưởng đó, nhiều lần I-Nhã bị cám dỗ kịch liệt muốn tự tử bằng cách lao mình xuống vực thẳm qua một lỗ lớn trên tường phòng ở gần nơi ông quỳ gối cầu nguyện. Nhưng biết việc tự tử là tội, ông lại kêu lớn tiếng rằng: 'Lạy Chúa, con không muốn làm điều gì mất lòng Chúa.' Rất nhiều lần ông lặp lại câu đó, cũng như những lời nói trước. Một hôm, ông nhớ lại một vị Thánh rất ao ước được Chúa ban cho một ân huệ nào đó, thì đã nhịn ăn nhiều ngày cho đến khi được ơn ấy. Sau khi đã suy nghĩ một lúc lâu, ông đã quyết định làm như vậy cho tới khi Chúa giúp ông và chỉ xin bánh mì ăn cho đến khi sắp chết đói.

25. Đó là vào một ngày Chúa Nhật sau khi rước Mình Thánh Chúa. Suốt cả tuần, ông giữ ý định không ăn uống gì hết mà vẫn tiếp tục cầu nguyện như thường, dự các lễ nghi ở nhà thờ, quì gối cầu nguyện và thức dậy lúc nửa đêm. Vào Chúa Nhật sau là ngày xưng tội, vì có thói quen kể cho Cha linh hướng nghe chi tiết các việc ông làm, ông có trình bày vụ nhịn ăn cả tuần qua, Cha linh hướng ra lệnh cho ông chấm dứt vụ nhịn ăn. Mặc dù thấy khoẻ mạnh, I-Nhã cũng vâng theo. Ngày hôm đó cũng như ngày hôm sau ông thoát khỏi cảnh bối rối. Nhưng ngày kế tiếp, tức ngày thứ Ba đang khi cầu nguyện, ông lại nhớ đến từng tội cũ, từ tội này đến tội khác và cảm thấy phải xưng tội đó lại một lần nữa. S au những tư tưởng đó, I-Nhã cảm thấy chán ngấy đời sống khắc khổ và ao ước dứt khoát bỏ cuộc luôn.

Nhưng lúc đó, Chúa thương giúp ông tỉnh trí khỏi ác mộng. Nhờ Chúa đã dậy vài bài học và cho thu lượm kinh nghiệm về cách thức nhận định các thần loại khác nhau, I-Nhã bắt đầu phân tích các tư tưởng vừa qua từ đâu mà đến, và cuối cùng dứt khoát không còn xưng tội cũ nữa (22). Từ ngày hôm đó, I-Nhã thoát được cơn bối rối và xác tín rằng chính lòng thương xót của Chúa đã cứu thoát ông.

26. Ngoài việc cầu nguyện suốt bảy tiếng đồng hồ mỗi ngày, I-Nhã dùng thời giờ giúp đỡ những người ông đến thăm để nói chuyện về đời sống thiêng liêng. Thời giờ còn lại trong ngày, ông nghĩ đến Thiên Chúa và nhớ lại những điều đã suy gẫm hoặc đọc trong sách.

Khi sắp sửa đi nghỉ, nhiều lần ông khám phá ra những điều mới lạ, có những an vui thiêng liêng, thành ra hay mất những giờ ngủ vốn đã quá ngắn ngủi. Đôi khi suy nghĩ về việc trên, ông thấy đã dùng những giờ nhất định để kết hợp với Thiên Chúa rồi, lại còn nhiều giờ khác trong ngày nữa. Do đó, ông nghi ngờ các tư tưởng thiêng liêng trên không bắt nguồn từ một thần tốt và kết luận không nên để ý tới nó nữa, nhưng tốt hơn là ngủ theo những giờ giấc đã quyết định. I-Nhã vẫn kiêng thịt và quyết định không ăn thịt vì bất cứ lý do nào. Nhưng một buổi sáng, khi mới thức dậy ông thấy rõ ràng trước mắt ông một

miếng thịt, mặc dù trước đó không hề nghĩ đến nó, đồng thời ông ý thức từ nay sẽ sẵn sàng ăn thịttrở lại (23).

27. Mặc dù nhớ rõ sự cam kết dứt khoát kiêng thịt, lần này không thể nghi ngờ phải quyết định ăn thịt trở lại. Sau đó trình bày vấn đề trên cho Cha linh hướng, thì Cha bảo nên xét xem ý định đó có phải là do ma quỉ cám dỗ chăng. Và sau khi phân tích ý định rõ ràng, I-Nhã thấy rõ, không thể nào nghi ngờ quyết định điều đó là phải.

Hồi đó Chúa đối sử với I-Nhã như thày giáo dạy học trò (24). Có lẽ vì I-Nhã còn chậm hiểu, hoặc vì không có ai hướng dẫn, hoặc vì chính Chúa đã ban cho ông ý muốn phụng sự Thiên Chúa. Ông tin tưởng và không nghi ngờ chính Chúa muốn đối xử với ông như vậy. Và nếu nghi ngờ điều đó, ông cho là xúc phạm đến Thiên Chúa cao cả. Điều đó có thể thấy được qua năm bằng chứng sau đây:

28. Thứ Nhất: Ông rất sùng kính Ba Ngôi Chí Thánh. Mỗi lần I-Nhã cầu nguyện với từng ngôi, nhưng vì cũng cầu nguyện với cả Ba Ngôi cùng một lúc, nên ông hay tự hỏi Thiên Chúa có Ba Ngôi, sao lại cầu nguyện tới bốn lần? Tuy nhiên, vì cho đó là một thắc mắc không đáng kể, nên ông ít bận tâm đến.

Một hôm đang đứng trên bậc thang nhà thờ Thánh Đa Minh đọc giờ kinh Đức Mẹ, trí tuệ của ông được nâng cao hầu như nhìn thấy Ba Ngôi thiên Chúa Chí Thánh dưới hình thức ba phím đàn, khiến ông rớt nước mắt đến độ không còn cử động nổi (25). Sáng hôm đó ông theo đám rước kiệu từ trong nhà thờ đi ra, và suốt buổi sáng đến giờ cơm, ông không thể nói chuyện về đề tài nào khác trừ Ba Ngôi Chí Thánh, bằng nhiều ví dụ và câu ví khác nhau, lòng tràn ngập hạnh phúc và an vui. Từ đó đến suốt đời, mỗi lần cầu nguyện cùng Ba Ngôi Chí Thánh, ông cảm thấy phấn khởi và hết lòng sùng kính.

29. Thứ Hai: Một hôm hiện ra trong trí I-Nhã về cách thức Chúa đã tạo tác nên muôn vật, khiến ông cảm thấy sung sướng tâm hồn. Ông có cảm tưởng nhìn ra một vật trắng, từ đó có những tia sáng tỏa ra, như Thiên Chúa dùng vật đó để tạo thành ánh sáng. Tuy nhiên ông cũng không biết cách giải thích những điều đó, và không nhớ rõ được những hiểu biết thiêng liêng mà Thiên Chúa đã in vào tâm hồn ông.

Thứ Ba: Sau khi ở lại Manrêsa chừng độ một năm, được Thiên Chúa nâng đỡ và hướng dẫn một số linh hồn có kết quả khả quan (26), I-Nhã lại bỏ bớt những hình thức khắc khổ quá mức, rồi cắt móng tay, móng chân và cắt tóc trở lại.

Một hôm đang khi xem lễ ở một nhà thờ trong tu viện (vẫn ở Manrêsa) vào lúc linh mục nâng Mình Thánh Chúa lên, ông thấy bằng mắt tâm hồn vài tia sáng từ trên cao xuống. Trong nhiều năm, ông vẫn không giải thích được hiện tượng đó, tuy nhiên những gì ông thấy rõ bằng trí tuệ, đó là cách thức Chúa Kitô, Chúa chúng ta hiện diện trong bí tích chí thánh.

Thứ Tư: Nhiều lần đang khi cầu nguyện, mỗi lần trong một lúc khá lâu, I-Nhã đã thấy bằng mắt tâm hồn, nhân tính của Chúa Kitô. Đó là hình ảnh một thân thể trắng tinh, vóc dáng trung bình không phân biệt rõ chân tay. Tại Manrêsa, vì ông đã thấy hình ảnh đó từ hai mươi đến bốn mươi lần nên không dám cho là ảo giác nữa. Ông đã thấy hình đó một lần nữa tại Giêrusalem và một lần khác nữa trên đường đi tới Pađôva. Ông còn thấy Đức Mẹ dưới hình thức tương tự không phân biệt rõ chân tay.

Tất cả những điều ông thấy đã củng cố niềm tin của ông đến độ ông nghĩ bụng: dù Thánh Kinh không dạy những chân lý về đức tin đi nữa, thì chỉ dựa trên hình ảnh ông đã thấy, ông vẫn sẵn sàng từ bỏ mạng sống để bênh vực các chân lý đó.

30. Thứ Năm: Một hôm ông đi đến một nhà thờ (27), cách Manrêsa chừng một dặm để cầu nguyện. Trên con đường song song với một con sông, ông vừa đi vừa đọc kinh, rồi lại ngồi xuống, mắt hướng về dòng

nước chảy dưới thung lũng. Đang khi ngồi tại đó, mắt tâm hồn ông dần dần mở ra. Mặc dù không thấy hình ảnh nào, ông đã am tường nhiều điều, vừa thuộc đức tin vừa văn hoá, dưới một luồng sáng rực rỡ khiến mọi điều trở nên mới mẻ (28). Không thể trình bày chi tiết những điều ông đã lĩnh hội được lúc đó, mặc dù rất nhiều, chỉ biết rằng ông đã hiểu những điều đó hết sức rõ ràng. Tính chung, tất cả những gì Chúa ban và những điều ông học hỏi suốt cả cuộc đời, tức là 62 năm qua, cũng không bằng những điều ông đã lĩnh hội qua các thị kiến tại Manrêsa. (29)

31. Sau khi hiện tượng trên kéo dài được một lúc lâu, I-Nhã quì gối trước một thập giá gần đó để cảm tạ Thiên Chúa. Lúc ấy ông lại nhìn thấy hình bóng mà ông đã thấy nhiều lần trước mà chưa hiểu rõ, tức là hình bóng có vẻ rất đẹp và có nhiều mắt. Nhưng lần này đang lúc quì gối trước thập giá, ông thấy rõ ràng hình bóng đó không có nhiều màu sắc đẹp đẽ như những lần trước, và hiểu biết hết sức rõ rệt, cũng như xác tín cương quyết đó là ma quỉ. Sau đó nhiều lần hình trên lại hiện ra trong một lúc lâu, nhưng I-Nhã khinh chê và xua đuổi nó bằng cây gậy mà ông thường cầm nơi tay (30).

32. Một hôm tại Manrêsa I-Nhã bị sốt nặng tưởng sắp chết. Ông có cảm tưởng rõ rệt linh hồn sắp lìa khỏi xác. Đột nhiên một tư tưởng hiện ra trong đầu óc rằng ông là người công chính (31). Ông cảm thấy rất đau buồn và chỉ lo chống lại tư tưởng đó. Nhưng mặc dù cố gắng hết sức, ông không tài nào đánh bại được nó. Khi cơn sốt đã bớt phần nào và không còn nguy hiểm nữa, ông bắt đầu kêu lớn tiếng cho một số các bà thường đến thăm ông, và ông yêu cầu họ vì tình thương của Thiên Chúa, lần sau khi thấy ông sắp chết, xin các bà kêu lớn tiếng bên tai ông: "Đồ đầy tội lỗi!" để giúp ông nhớ lại các tội đã phạm đến Chúa.

33. Vào một dịp khác, đang đi tàu biển từ Valencia tới Italia, một cơn bão nổi lên, bánh lái tàu bị gãy. Theo I-Nhã cũng như nhiều người khác trên tàu, nếu không có phép lạ thì không thể nào thoát chết được. Trong khi đang xét mình ăn năn tội và dọn mình chết, tuy không quá sợ sệt tội lỗi của mình hay sợ mất linh hồn, I-Nhã cảm thấy vô cùng xấu hổ và đau buồn vì đã không xử dụng đúng cách những ân huệ mà Thiên Chúa ban tặng cho (32).

Một lần khác, khoảng năm 1550, I-Nhã trải qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh mà theo ý ông cũng như nhiều người khác thì khó lòng thoát khỏi. Lần đó nghĩ mình sắp chết, I-Nhã vui mừng đến độ chảy nước mắt dòng dòng và ông phải cố không dám nghĩ đến sự chết nữa, để bớt phần hứng khởi quá mức.

34. Lập đông năm 1522, I-Nhã bị bệnh nặng. Nhà chức trách địa phương chở ông vào nhà thân phụ của một ông tên là Ferrere. Họ săn sóc ông rất chu đáo. Nhiều bà quý phái đã đến gác đêm vì kính phục ông. Mùa đông năm ấy, trời lạnh cắt da nên người ta đã tặng ông áo ấm, giầy và nón. Hơn nữa, dù khỏi bệnh, ông vẫn còn rất yếu và hay đau dạ dày. Vì thế, I-nhã phải mặc hai cái áo ấm, một tấm vải thô và một cái nón trùm đầu làm bằng vải gai. Cũng trong thời gian đó, ông hay gặp những người đạo đức để trao đổi về những vấn đề thiêng liêng. Tuy nhiên ông chẳng gặp được nhiều người vì ngày lên đường đi Giêrusalem đã điểm.

35. Đầu năm 1523, ông lên đường đi tới Barcelôna để lên tàu. Mặc dù một số người đã tình nguyện đi với ông cho có bạn, nhưng ông quyết định đi một mình. Nại cớ là ông không biết tiếng Ý và cũng không biết tiếng La-Tinh, vài người khác nài ép ông nhận họ làm bạn đi đường. Họ cố thuyết phục để ông thấy cho họ đi cùng có lợi như thế nào và họ có thể giúp đỡ ông ra sao. Ông trả lời, dù con của công tước Cardôna xin đi theo, ông cũng không chấp nhận vì ông muốn thử tập ba nhân đức tin, cậy và mến. Nếu đem theo một người bạn, khi đói sẽ nhờ người đó giúp đỡ, lúc ngã sẽ nhờ người đó nâng lên, và như thế, ông sẽ tin cậy và thương mến người đó. Trong khi ông chỉ muốn tin cậy và yêu mến vào một mình Chúa mà thôi. Những điều này, I-Nhã không chỉ nói ra miệng, nhưng còn xác tín trong lòng nữa.

Với những tư tưởng đó, ông không những có ý định đi một mình mà còn muốn không đem theo lương thực nữa. Ông điều đình với một chủ thuyền và được cho lên tàu không mất tiền (vì I-Nhã không có tiền). Nhưng vị này ra điều kiện là I-Nhã phải mang theo một số lượng bánh khô đủ sống, nếu không thì cứ ở mãi trên bờ.

36. Lúc đi xin bánh, I-Nhã chợt thấy bối rối và tự trách mình: "Thế mà gọi là tin Chúa ư? Thế là trông cậy rằng Chúa không bỏ rơi anh sao?" Câu tự trách đó thấm sâu vào lòng khiến I-Nhã cảm thấy rất khổ sở. Không biết phải quyết định ra sao vì thấy bên nào cũng hợp lý, ông bèn đến xin ý kiến của Cha linh hướng. Ông trình bày lòng ao ước sống trọn lành bằng cách làm mọi việc hầu danh Chúađược cả sáng (33), những lý lẽ khiến ông phải do dự, và xin Cha cho biết có nên đem theo lương thực hay không. Cha linh hướng khuyên cứ đem theo lương thực.

Khi đang xin một người phụ nữ, thì bà này hỏi ông sắp sửa lên tàu đi đâu. Ông do dự một lúc trước khi trả lời rồi không dám nói sự thật, ông chỉ nói sắp đi Italia và Roma. Nghe vậy, với vẻ mặt ái ngại bà nói: "Ông định đi Roma sao? Bao nhiêu người đã đi Roma về mà cũng không biết ra làm sao nữa." I-Nhã không dám nói đi hành hương tới Giêrusalem vì sợ bị hư danh (34). Đó cũng là lý do tại sao ông không bao giờ dám nói với ai quê mình ở đâu và thuộc gia đình nào.

Kiếm được đủ bánh rồi ông lên tàu. Tới bên bãi biển, thấy trong túi còn năm, sáu đồng, ông móc ra bỏ trên một ghế đá gần bờ biển (35).

37. Trước khi tàu nhổ neo, I-Nhã lưu lại Barcelôna trên hai mươi ngày. Trong thời gian đó theo thói quen, ông tìm cách liên lạc với các người đạo đức, dù họ sống ẩn dật xa thành phố để trao đổi với họ. Tuy nhiên, tại Barcelôna cũng như tại Manrêsa lúc trước, ông không tìm được người nào có thể giúp đỡ ông như lòng mong ước, trừ một người đàn bà tại Manrêsa, người đã nói với ông rằng bà sẽ cầu xin Thiên Chúa cho Chúa Giêsu hiện ra cho ông như đã nhắc ở trên. Theo ý ông, bà đó đã tiến xa trong đời sống thiêng liêng. Sau khi rời khỏi Barcelôna, ông không còn khao khát tìm kiếm những người đạo đức nữa.

CHƯƠNG 4

HÀNH HƯƠNG ĐẾN THÁNH ĐỊA

1523

38. Suốt chuyến tàu từ Barcelôna tới Gaeta gió thuận thổi rất mạnh. Dù tất cả mọi người đều sợ hãi vì bão lớn, chỉ trong vòng năm ngày đêm, tàu đã cặp bến an toàn. Đang khi khắp vùng sợ dịch hạch và người người tìm cách né tránh không muốn đi xa, (36) I-Nhã lại hối hả xuống tàu đi Roma ngay. Trong số hành khách cùng đi trên tàu, có một người đàn bà, một cô gái mặc quần áo con trai và một thanh niên. Họ theo ông vì họ cũng vừa đi vừa xin ăn.

Tới một nông trại, họ thấy có nhiều binh lính đứng chung quanh một đống lửa. Đám lính này mời họ ăn và nài ép họ uống rượu như muốn cho họ say. Rồi lính cho người mẹ và cô gái lên lầu ngủ, còn người lữ khách và anh thanh niên thì ở dưới chuồng ngựa. Khoảng nửa đêm, ông ra ngoài và thấy hai mẹ con bà kia chạy tới khóc lóc kể rằng lính toan hãm hiếp họ. Ông nổi giận thét lớn: "Chuyện

này không thể nào chịu đựng được," và những câu tương tự khác. Ông nói đanh thép đến nỗi mọi người đều khiếp sợ và không ai dám làm gì ông, trong khi đó chàng thanh niên nọ sợ bị liên lụy lặn mất tiêu. Ba người còn lại lên đường ngay giữa đêm hôm ấy (37).

39. Tới một thành kế bên thì trời hãi còn tối và cửa thành còn khóa kín. Vì không sao vào được, họ đành ngủ đêm trong một nhà thờ dột nát ở bên ngoài. Sáng hôm sau, dân chúng nội thành cũng không cho họ vào. Ở ngoài thì chẳng kiếm được gì ăn, dù họ đã tới xin trọ tại một nông trại cách đó không xa. Rồi phần vì chuyến tàu vất vả, phần vì những chuyện đã xảy ra, người lữ khách cảm thấy kiệt sức. Không đi được nữa, ông đành phải ở lại và để hai mẹ con bà kia lên đường đi Roma.

Hôm đó nhiều người ra khỏi thành. Nghe nói bà chủ đất nơi ông tá túc sắp tới, ông ra đón bà, bảo đảm với bà rằng ông chỉ đau vì kiệt sức thôi, và xin bà cho phép vào thành để tìm cách dưỡng sức (38). Bà cho phép ngay. Ông liền vào thành hành khất và kiếm được khá nhiều. Nghỉ ngơi hai hôm, ông lại lên đường và tới Roma vào Chúa Nhật Lễ Lá.

40. Tại đó, người ta gặp ông và khi nghe ông nói ông không có một xu dính túi để trả tiền tầu, họ liền đưa ra nhiều lý lẽ cho ông hiểu rằng, nếu không có tiền, thì đừng hòng đi được. Tuy nhiên, ông xác tín mãnh liệt không do dự chút nào rằng ông sẽ tìm được cách đi Giêrusalem. Tám chín ngày sau Lễ Phục Sinh, sau khi được Đức Giáo Hoàng Adrianô VI ban phép lành, ông lên đường đi Venezia (39). Ông mang theo sáu, bảy đồng tiền vàng mà vài người biết chuyện thương tình cho ông để trả tiền vé (40). Ông bằng lòng lấy vì sợ nếu không có tiền thì không đi được.

Nhưng hai ngày sau khi rời khỏi Roma, ông thấy rằng mình đã bằng lòng lấy tiền chỉ vì thiếu lòng tin và hết sức hối hận. Ông tự hỏi có nên bỏ lại không. Rốt cuộc ông phân phát rộng rãi cho những người ông gặp, thường là những người nghèo, và phân phát gần hết. Khi gần tới thành phố Venezia ông chỉ còn vài chục đồng cắc. Tối hôm đó, chút đỉnh tiền cắc đã giúp ông rất nhiều.

41. Suốt buổi hành trình đến Vênêzia, ông phải ngủ ở ngoài đường, bởi vì người ta dùng mọi biện pháp đề phòng dịch hạch. Một buổi sáng tỉnh dậy, ông thấy mình đang nằm sát một người. Đột nhiên, người này đứng dậy và hốt hoảng chạy mất. Có lẽ vì thấy người lữ khách mặt xanh nhợt giống như người mắc dịch.

Đi tới Chioggia, I-Nhã cùng với một số người khác bị từ chối không cho vào thành phố Vênêzia. Cả nhóm quyết định đi Pađôva để lấy chứng chỉ sức khỏe (41). Người lữ khách đi theo họ nhưng không theo kịp vì họ đi quá nhanh. Thế là họ bỏ ông bên một cánh đồng khi trời gần tối.

Tại đó Chúa hiện ra cho ông như mọi khi, khiến ông được an ủi rất nhiều (42). Vững tin vào Chúa, sáng hôm sau, ông tới Pađôva. Dù không có giấy chứng nhận của bác sĩ, lính gác đã không hỏi han chi. Ông vào thành được ngay và lúc trở ra cũng vậy. Những người đồng hành hết sức ngạc nhiên. Họ đã lấy giấy sức khoẻ trong khi I-Nhã đã không hề bận tâm tới điều đó.

42. Ngay cả ở Vênêzia, lính tới xét giấy của từng người, nhưng không ai đụng đến ông. Tại đó, ông xin ăn và ngủ đêm tại công trường Thánh Marcô. Không lần nào ông tới nhà vị đại sứ của hoàng đế, và cũng chẳng quan tâm đến việc tìm phương tiện qua biển đi Giêrusalem, vì ông xác tín vững vàng rằng Thiên Chúa sẽ lo cho, và không hề nghi ngờ dù, người ta đưa ra nhiều lý do và đặt nhiều nghi vấn.

Một hôm ông tình cờ gặp một người Tây Ban Nha giầu có, người này hỏi ông định làm gì và định đi đâu. Biết ý định của I-Nhã, ông này mời I-Nhã về nhà dùng bữa và lưu lại ít hôm chờ ngày lên tàu. Từ khi còn ở Manrêsa, người lữ khách đã tập thói quen lúc dùng cơm không nói chuyện gì mà chỉ trả lời

vắn tắt thôi, nhưng nghe kỹ câu chuyện và để ý đến một số vấn đề, rồi sau bữa ăn, mới tìm cơ hội nói chuyện với người ta về Thiên Chúa. Mỗi lần dùng bữa, ông thường làm như vậy.

43. Nhờ thói quen đó mà người ta rất quý mến và nài ép ông ở lại luôn. Rồi vị chủ nhà đã dàn xếp cho I-Nhã yết kiến quan tổng trấn thành phố Vênêzia. Sau buổi nói chuyện với ông, quan tổng trấn thành phố đã truyền cho tầu của thủ hiến đi tới đảo Cyprus cho I-Nhã đi theo.

Năm đó, rất đông người hành hương tập họp tại Vênêzia để lên tàu đi tới Giêrusalem. Phần đông phải quay về không đi được vì tình hình mới. Số là sau khi đảo Rhodes bị thất thủ, mỗi tàu chỉ chịu chở tối đa 13 khách hành hương. Còn tàu trấn thủ thì chỉ chở 8, 9 người. (43)

Khi tàu trấn thủ sắp nhổ neo, người lữ khách bị sốt nặng ít hôm rồi khoẻ lại. Vào ngày tàu ra khơi, I-Nhã đang uống thuốc sổ. Người nhà hỏi y sĩ xem ông có thể lên tàu đi Giêrusalem được không. Y sĩ trả lời rằng nếu muốn đi để được chôn cất tại đó thì cứ việc. Tuy nhiên I-Nhã vẫn lên tàu và đi liền. Ông ói mửa nhiều, thấy đỡ và bắt đầu khỏi hẳn.

Trên tàu người ta làm nhiều chuyện bậy bạ dơ bẩn công khai, I-Nhã khiển trách họ nghiêm khắc (44).

44. Những người Tây Ban Nha khuyên ông không nên nói gì, vì các thủy thủ định bỏ ông trên một đảo hoang. Nhưng Chúa đã thương cho tàu tới Cyprus an toàn. Xuống tàu, hành khách đi đường bộ đến một bến khách gọi là Salinas cách đó khoảng 10 dặm và lên tàu hành hương. Trên tàu này I-Nhã không đem theo lương thực gì trừ niềm hy vọng nơi Thiên Chúa như trong chuyến trước.

Suốt thời gian này, Chúa đã hiện ra cho ông nhiều lần, khiến ông cảm thấy phấn khởi và vững tin. Ông thấy một vật gì tròn lớn giống như vàng. Ông thấy như vậy từ khi tàu rời Cyprus đến khi tàu cập bến ở Giapha.

Trên đường đi Giêrusalem, theo phong tục, họ cưỡi lừa con. Tới chỗ cách thành phố chừng hai chục dặm, một người Tây Ban Nha thuộc dòng quí tộc tên là Điêgô Manes, sốt sắng nói với đám người hành hương là hãy chuẩn bị tâm hồn và giữ thinh lặng bởi vì sắp đến chỗ có thể trông thấy Thành Thánh.

45. Mọi người cho đó là ý kiến hay, nên tất cả đều cầm trí. Trước khi tới nơi có thể trông thấy Thành Thánh, họ thấy các tu sĩ tay cầm Thánh giá đang đứng chờ họ. Mọi người xuống lừa đi bộ. Lúc trông thấy thành phố, người lữ khách cảm thấy hết sức phấn khởi và vui vẻ khác thường. Mọi người cũng đều cảm thấy như vậy. Mỗi lần đi viếng các nơi thánh ông cũng đều cảm thấy thế (45).

I-Nhã có ý định ở lại Giêrusalem để viếng các nơi Thánh và đồng thời giúp đỡ các linh hồn (46). Vì thế ông đã đem theo sẵn vài lá thư giới thiệu với các Cha bề trên dòng. Ông trình các thư cho Cha bề trên và tỏ ý định ở lại thành phố vì lòng đạo đức. Tuy nhiên về việc giúp các linh hồn, ông không nói gì cả. Bởi vì ông không trình bày điều này với ai bao giờ, trong khi điều thứ nhất ông đã nói với nhiều người rồi.

Cha bề trên trả lời rằng ông không thấy có cách nào để I-Nhã ở lại. Hơn nữa, bởi tu viện quá thiếu thốn không đủ nuôi các tu sĩ hiện có, Cha còn quyết định gửi về Âu Châu một số người trong chuyến đi về với đoàn lữ hành (47). I-Nhã thưa lại là ông không muốn nhờ tu viện điều gì trừ việc thỉnh thoảng giải tội cho ông. Bề trên trả lời nếu thế thì được, nhưng yêu cầu ông đợi Cha bề trên giám tỉnh từ trụ sở của dòng ở Giêrusalem đến thăm.

46. Vì lời hứa đó, ông lữ khách cảm thấy vững tâm và bắt đầu viết thư cho một số người đạo đức tại Barcêlôna. Hôm trước ngày những người hành hương khởi hành trở về, ông đã viết xong một bức thư

và đang viết thêm một bức nữa thì có người đến mời ông vào gặp Cha giám tỉnh mới tới và Cha bề trên.

Cha giám tỉnh dùng lời lẽ nhã nhặn nói rằng đã nghe ý định của ông xin ở lại Đất Thánh. Cha đã cân nhắc điều đó kỹ lưỡng và theo kinh nghiệm của những người đến trước, Cha xét thấy không tiện. (48) Cha đã cho nhiều người ở lại, nhưng người này bị bắt, kẻ kia bị giết. Ngoài ra dòng còn phải chuộc lại những người bị bắt. Do đó, Cha yêu cầu I-Nhã chuẩn bị lên đường ngày hôm sau với nhóm hành hương. Ông trả lời ông đã nhất quyết rồi và sẽ không thay đổi ý kiến vì bất cứ lý do gì. Ông dùng lời hoà nhã để Cha giám tỉnh hiểu rằng, dù Cha không bằng lòng ông cũng sẽ không bỏ ý định và sẽ không sợ bất cứ lời đe dọa nào trừ khi có lệnh buộc lương tâm thôi (49).

Nghe vậy, Cha giám tỉnh cho ông hay Cha có văn thư Tòa Thánh ủy quyền cho Cha ra lệnh trục xuất, hoặc cho phép ở lại những người Cha muốn và rút phép thông công những người không vâng lời. Trong trường hợp người lữ khách, Cha cho rằng ông không được ở lại.

47. Vì Cha tỏ ý muốn đưa văn thư của Tòa Thánh ủy quyền rút phép thông công cho ông coi, thì ông nói ông tin lời hai Cha đáng kính, khỏi cần coi văn thư. Vì Tòa Thánh phán xét như thế nên ông vâng theo(50).

Xong vụ này rồi, đang khi về nhà trọ I-Nhã cảm thấy ước ao viếng Núi Cây Dầu một lần chót trước khi ra đi, bởi vì Chúa không muốn ông ở lại Đất Thánh. Trên núi có một phiến đá Chúa đã đứng trước khi lên trời, ngày nay còn được thấy dấu chân của Chúa. Ông muốn trở lại coi dấu chân của Chúa. Không nói gì với ai và không nhờ người hướng dẫn, ông lén lút bỏ đám người hành hương và tới núi cây dầu một mình.

Lính gác không muốn cho ông vào, ông cho họ một con dao nhỏ mang theo. Sau khi đọc kinh rất sốt sáng ông lại nảy ý định muốn đi tới Bethphage và ông đi liền. Tại đó ông mới nhớ ra rằng khi ở trên núi cây dầu, ông đã quên không nhìn kỹ dấu chân Chúa hướng về phía nào, nên ông trở lại coi. Lần này, hình như ông cho lính gác cái kéo để họ cho vào.

48. Ở tu viện người ta khám phá ông đi một mình, các tu sĩ lo lắng sai người đi tìm (51). Đang khi từ trên núi cây dầu xuống, ông gặp một người thắt đai giúp việc tại tu viện. Ông này cầm một cây gậy to tướng với vẻ mặt hung dữ như muốn đánh. Tới gần I-Nhã, ông ta tóm lấy, nắm chặt lấy tay kéo theo. I-Nhã không chống cự nhưng người này vẫn cứ nắm chặt và kéo. Trong khi đi như thế về tới tu viện, I-Nhã được thấy Chúa liên miên như từ trên cao và lòng cảm thấy tràn đầy hạnh phúc (52).

CHƯƠNG 5

TRÊN ĐƯỜNG TRỞ VỀ

1523 - 1524

49. Họ ra khơi ngày hôm sau. Tới đảo Cyprus, họ lên những tầu khác nhau. Lúc đó có ba bốn tầu đi Vênêzia, một cái của ông Thổ Nhĩ Kì, một cái khác rất nhỏ và cái thứ ba rất sang trọng và lớn mạnh của một người Vênêzia giầu có. Một số hành khách xin ông chủ tàu thứ ba này cho I-Nhã lên tàu của ông. Mặc dù nhiều người năn nỉ và ca tụng người lữ khách, nhưng khi biết ông không có tiền trả, người chủ

tàu từ chối. Ông ta bảo rằng nếu là một ông Thánh thì hãy cứ vượt biển theo lối Thánh Giacôbê (53), và những câu tương tự. Những người bạn kia lại xin ông chủ tàu nhỏ và ông này bằng lòng cho I-Nhã đi nhờ.

Ba cái tàu đều nhổ neo vào cùng một buổi sáng. Suốt sáng, gió thuận thổi ào ào, nhưng vào buổi chiều, bão nổi lên khiến ba cái tàu bị đẩy xa nhau. Tàu lớn bị chìm gần đảo Cyprus, nhưng tất cả hành khách đều thoát nạn. Tàu Thổ Nhĩ Kì bị đắm cùng với tất cả hành khách trên tàu. Tàu nhỏ bị thử thách rất nhiều nhưng cuối cùng cũng ghé vào bờ được an toàn tại vùng Puglie (phía đông nam nước Ý). Đó là vào một mùa đông giá buốt, người lữ khách chỉ mặc một cái quần phùng phình, vải thô che thân tới gối, chân đi giầy, thân mang một áo nịt vải mầu đen cũ rách ở nhiều nơi trên vai, và một cái áo choàng ngắn đã sờn.

50. I-Nhã tới Vênêzia vào giữa tháng 1 năm 1524, sau khi đã đi biển trọn hai tháng 11, 12 và nửa tháng giêng. Tại Vênêzia, ông lại gặp người đã đón ông về nhà trước khi đi Giêrusalem. Người này cho ông một số tiền là 15, 16 đồng Giuli và một miếng vải khá lớn. Ông lấy vải gấp lại nhiều lần và buộc trên mạng mỡ cho đỡ lạnh. Sau khi thấy rõ ý Chúa không muốn cho ông ở lại Giêrusalem, người lữ khách luôn luôn cầm trí suy nghĩ phải làm gì bây giờ, và ông thấy hướng về việc đi học một thời gian để giúp đỡ các linh hồn.

Vì thế, từ Vênêzia, ông quyết định đi Barcelôna qua ngả Gênôva. Một hôm đang đọc kinh trong một nhà thờ lớn tại Ferrara, có một người nghèo đến xin tiền, ông cho một đồng tiền. Liền sau đó lại có một người khác đến xin, ông cho anh ta một đồng có giá trị cao hơn; rồi lại một người thứ ba đến xin, ông lại cho một đồng. Thấy ông cho tiền nhiều, những người ăn mày bu lại xin cho tới khi ông không còn một xu dính túi. Ông thành thật xin lỗi họ vì không còn gì để cho họ nữa!

51. Thế rồi ông lại lên đường từ Ferrara đi Gênôva. Trên đường ông gặp một toán lính Tây Ban Nha. Họ đối xử tử tế với ông, và khi nghe biết đường ông định đi, họ bắt đầu ái ngại cho ông vì đó là đường đi xuyên qua cả hai trại quân của Pháp và Hoàng Đế. Vào năm đó, quân đội của vua Pháp Francois I và HoàngĐế. Vào năm đó, quân đội của vua Pháp Francois I và Hoàng Đế Charles V (54) đánh nhau để chiếm công quốc Milan. Họ khuyên ông bỏ đường cái và đi vào một con đường nhỏ họ chỉ cho. Nhưng không nghe lời khuyên của lính, ông cứ đi theo đường cái. Người lữ khách đi tới một làng bị thiêu rụi, và chẳng tìm được một bóng người để xin ăn.

Lúc mặt trời lặn, ông lọ mọ tới một làng có đắp lũy. Lính gác bắt ông ngay vì tưởng ông đến dò thám. Nhốt ông vào căn nhà nhỏ gần cổng làng, họ bắt đầu điều tra như vẫn thường làm khi nghi ngờ. Ông trả lời mọi câu hỏi rằng ông không biết gì hết. Họ lột quần áo của ông ra, rồi khám xét thật kỹ từ đôi giầy cho đến khắp mình ông xem có thư từ gì không. Cuối cùng, thấy không có cách nào để biết điều gì, họ xích ông lại và dẫn tới chỉ huy trưởng. Ông xin lại áo choàng nhưng họ không cho và dẫn ông đi, chỉ cho mặc quần và áo nịt mà thôi.

52. Trong khi đi như vậy người lữ khách có cảm tưởng như thấy được Chúa Kitô lúc Ngài bị bắt đem đi như thế, tuy nhiên đó không phải là một thị kiến như các thị kiến khác. Ông bị đem đi qua con đường rộng, lòng không thấy buồn mà trái lại, cảm thấy vui và bình an.

Ông có thói quen khi nói chuyện với bất cứ người nào thì thưa gởi cách đơn sơ tự nhiên không kính trình gì cả, vì muốn noi gương Chúa Kitô và các Thánh tông đồ. Tuy nhiên đang khi bị bắt đi như vậy, ông nghĩ có lẽ nên đổi cách xưng hô mà trình bẩm đàng hoàng với vị trưởng đồn, để may ra không bị tra tấn. Nhưng thấy rõ đó là do ma quỉ xúi dục, ông liền tự nhủ: “Mình sẽ không kính trình gì hết, không khom lưng và cũng chẳng dở nón."

53. Tới dinh chỉ huy trưởng, họ để ông đứng chờ trong một phòng thấp. Một lúc sau vị trưởng đồn đến, ông không làm cử chỉ nào kính cẩn, chỉ trả lời một vài tiếng cộc lốc và hết sức chậm chạp. Vị chỉ huy trưởng cho là khùng và bảo lính: "Thằng này khùng rồi. Trả đồ cho nó và đuổi nó đi." Rời khỏi dinh ông liền gặp một người Tây Ban Nha sống tại đó. Ông này cho I-Nhã ăn uống và cho ngủ qua đêm.

Sáng hôm sau I-Nhã lại lên đường và đi suốt ngày. Tối đến lính gác trên một cái chòi thấy ông liền xuống bắt. Họ đưa ông tới chỉ huy trưởng người Pháp. Vị này hỏi ông nhiều câu và muốn biết quê ông ở đâu. Khi biết quê ông ở Guipuzcoa, chỉ huy trưởng liền nói: "Quê tôi cũng ở gần đó, chắc quê ông gần Bayonna." Rồi ông bảo lính: "Đưa ông này đi, cho ăn uống và đối xử tử tế với ông."

Trên đường đi từ Ferrara đến Gênôva, người lữ khách còn gặp nhiều chuyện rắc rối khác nữa, nhưng cuối cùng thì cũng tới được Gênôva. Ở đó có một người quê tại Viscaya, tên là Portunđô, nhận ra ông. Hồi trước khi làm việc trong triều đình Vua Công Giáo họ đã từng gặp nhau. Nhờ ông ta giới thiệu, người lữ khách được lên một tàu đi Barcelôna. Chuyến đi này rất nguy hiểm vì bị một tàu khác đuổi theo và suýt nữa bị bắt (55).

CHƯƠNG 6

NHỮNG NGÀY HỌC TẠI BARCELÔNA VÀ ALCALA

1524 - 1527

54. Về tới Barcelôna, I-Nhã trình bày ý muốn đi học với cô Isabel Roser (56) và một thày giáo tiểu học tên là Ardêvol. Cả hai đồng ý với I-Nhã và cho đó là một ý định tốt. Thầy giáo Ardêvol tình nguyện dạy không công cho I-Nhã, còn cô Isabel tình nguyện kiếm phương tiện sống cho ông (57).

Hồi trước ở Manrêsa, người lữ khách quen một tu sĩ, hình như thuộc dòng Bernađô. Tu sĩ này là một người thánh thiện và bây giờ I-Nhã ước ao được sống gần người đó để tiếp tục học hỏi, trau dồi thêm về đời sống thiêng liêng và giúp đỡ các linh hồn. Ông nói với cô Isabel và thầy giáo rằng, nếu ở Manrêsa không được giúp đỡ theo sự mong muốn, ông sẽ trở về và nhờ hai người giúp đỡ. Về tới Manrêsa ông mới biết tu sĩ đó đã qua đời rồi. Ông trở về Manrêsa và bắt đầu học rất chăm chỉ. Tuy nhiên, có một vấn đề gây khó khăn cho ông: mỗi lần ông bắt đầu cố gắng học thuộc lòng một bài nào, thì lại có những tư tưởng mới về đời sống thiêng liêng và những tư tưởng này làm cho ông thích thú đến độ không thể nào học thuộc bài được. Ông cố gắng xua đuổi tư tưởng đó mà không được.

55. Suy nghĩ nhiều về vấn đề này ông nghĩ bụng: "Lúc cầu nguyện hay đi xem lễ, không bao giờ có những hiểu biết mới đó." Như thế, dần dần ông hiểu rằng đó là do ma quỷ cám dỗ. Sau khi cầu nguyện, ông đến gặp thầy giáo và xin thầy đi với ông vào nhà thờ Đức Bà Biển Khơi gần nhà thầy, để nói chuyện. Ông trình bày với thầy giáo kinh nghiệm nội tâm của ông với đầy đủ chi tiết và giải thích lý do tại sao ông rất chậm tiến trong việc học hành. Rồi ông hứa với thầy giáo rằng: "Suốt hai năm, bao lâu còn kiếm được bánh mà ăn và nước để uống tại Barcelôna, tôi quyết sẽ không bao giờ bỏ học với thầy." Sau khi cương quyết hứa như vậy, ông không bao giờ còn bị cám dỗ nữa (58).

Từ hồi sống tại Manrêsa, ông vẫn đau dạ dày vì vậy ông bắt đầu đi giầy. Nhưng từ khi lên đường đi Giêrusalem ông không còn đau nữa. Do đó, trong thời gian học hành tại Barcelôna, ông lại nảy ý muốn

sống khắc khổ như trước. Ông đục một cái lỗ ở đế giầy, và từ từ nới rộng cái lỗ cho tới khi mùa lạnh đến thì đôi giầy chỉ còn lại cái mũi mà thôi.

56. Học xong hai năm, theo nhận xét của một số người thì ông đã tiến bộ rất khá. Thầy giáo nói bây giờ ông có thể theo lớp trung học được và nên đi học tại Alcala. Tuy nhiên ông muốn nhờ một tiến sĩ thần học khảo thi, và ông này cũng khuyên ông như vậy.

Mặc dù lúc bấy giờ hình như ông đã qui tụ được một số bạn bè rồi nhưng lại lên đường đi Alcala một mình (59).Tới nơi ông bắt đầu xin ăn, và đã xin như thế lối chừng mười, mười hai ngày, thì một linh mục cùng vài người đi theo thấy I-Nhã xin ăn liền bắt đầu chế nhạo và chọc tức như thiên hạ thường hay nhạo cười những người khoẻ mạnh mà cứ xin ăn. Lúc ấy, có một người đi ngang qua đường (ông này phụ trách nhà thương Antezana mới mở) thấy cảnh khó chịu đó liền mời người lữ khách về nhà thương của mình, dành cho một phòng và cung cấp cho mọi đồ dùng cần thiết.

57. Ông ở lại Alcala học hành chừng độ một năm rưỡi. Vì ông đã tới Barcelôna vào Mùa Chay năm 1524 và học ở đó hai năm, nên chắc hẳn ông đã đến Alcala vào năm 1526. Tại đó ông học ba cuốn giáo khoa là Luân Lý Học của tác giả Đa Minh Soto, Vạn Vật Học của Albertô Cả và Sách Luận Đề là tác phẩm thần học nổi tiếng thời đó của tác giả Petrus Lombardus, giáo sư thần học tại Paris, sáng tác vào giữa thế kỷ thứ 12 (60).

Tại Alcala, qua việc hướng dẫn Linh Thao (61) và dạy giáo lý, ông gặt được nhiều hoa trái thiêng liêng và Danh Chúa vì thế được cả sáng. Có nhiều người tiến khá xa trong đời sống thiêng liêng và trở nên sốt sắng. Nhiều người khác lại bị thử thách, mỗi người mỗi khác. Có người muốn đánh tội mà không được vì như có ai cầm tay họ lại. Các chuyện tương tự như thế gây náo động trong dân chúng, vì có rất đông người tụ họp nơi ông lữ khách dạy giáo lý.

Ngay khi mới về Alcala, I-Nhã làm quen với ông Diego Guia (62) đang sống tại nhà người anh. Người anh này có một nhà in tại Alcala và khá sung túc. Cả hai anh em giúp đỡ I-Nhã có phương tiện để giúp người nghèo, và người anh cho ba người bạn của người lữ khách trọ tại nhà ông. Một hôm người lữ khách xin Deigo cho tiền để giúp người nghèo, Deigo trả lời là không có tiền nhưng lại mở một cái rương chứa nhiều đồ đạc và cho I-Nhã lấy nhiều thứ chăn mền màu sắc khác nhau, cùng giá đèn và nhiều đồ khác. Người lữ khách lấy đồ, gói vào một cái khăn và đưa đi giúp người nghèo.

58. Như đã kể trước, thiên hạ khắp vùng đồn đãi rất nhiều về người lữ khách. Người nói thế này kẻ nói thế khác. Những tiếng đồn đó đến tai viên thanh tra tại Tôlađa. Khi họ tới Alcala, chủ nhà báo tin ngay cho người lữ khách biết và còn mật báo thêm rằng họ gọi nhóm của I-Nhã là "những người mặc áo len thô" và hình như "kẻ giác ngộ nữa," (63) Họ thề sẽ tiêu diệt cả nhóm. Quả thực các nhân viên thanh tra mở ngay cuộc điều tra về lối sống của nhóm, nhưng không tra hỏi I-Nhã vì lần này họ chỉ đến để điều tra thôi, rồi lại trở về Tôlêđô. Họ trao vụ án cho một linh mục đại diện tên là Figueroa (64) hiện có chân trong hội đồng cố vấn của hoàng đế. Vài ngày sau linh mục Đại Diện triệu tập anh em lại và cho họ biết các nhân viên thanh tra đã điều tra về lối sống của họ. Vì không tìm được gì sai lầm trong giáo lý và lối sống, nên anh em được phép tiếp tục làm việc không ai làm khó dễ. Tuy nhiên vì không phải là tu sĩ nên không ai được mặc đồng phục. Ông ra lệnh cho hai người - ông đưa tay chỉ người lữ khách và Artêaga - phải nhuộm áo màu đen và hai người kia, tức Galixtô và Caceres, nhuộm màu hung hung; còn Juanico, là một thanh niên Pháp, thì có thể giữ nguyên quần áo (65).

59. Người lữ khách hứa tuân theo và nói tiếp: "Họ điều tra chúng tôi làm gì? Hôm nọ một linh mục không chịu trao Mình Thánh cho một người trong nhóm chúng tôi, lấy cớ là người ấy chịu Mình Thánh

hàng tuần. Và họ còn làm khó dễ chúng tôi cũng chỉ vì lý do đạo đức. Chúng tôi muốn biết họ có thấy chúng tôi có rối đạo về điểm nào không?" Ông Figueroa trả lời: "Không, nếu họ tìm thấy thì họ đã thiêu sống các anh." Người lữ khách đáp lại: "Họ cũng sẽ thiêu sống ông luôn nếu họ thấy ông rối đạo." Nhóm của I-Nhã nhuộm quần áo theo lệnh trên. Mười lăm hoặc hai mươi ngày sau, ông Figueroa chỉ thị cho người lữ khách không được đi chân không, nhưng phải đi giầy. Ông lặng lẽ tuân theo, như trong trường hợp có lệnh rõ rệt.

Bốn tháng sau lại họ mở cuộc điều tra. Ngoài những lý lẽ cũ có một vụ mới là một phụ nữ quí phái có chồng tỏ ra kính phục riêng người lữ khách. Vào sáng sớm bà đến gặp ông tại nhà thương, và để người ta khỏi nhận ra, bà lấy khăm trùm đầu theo phong tục Alcala. Lúc vào nhà thương bà cởi khăn ra vào phòng ông. Tuy nhiên lần đó họ không làm khó dễ nhóm I-Nhã, không đòi ra toà và không nói năng gì cả sau khi vụ án chấm dứt.

60. Bốn tháng sau, khi I-Nhã đang ở trong một căn nhà nhỏ ở ngoài nhà thương, một người tùy phái đến gõ cửa và bảo: "Mời anh đi với tôi." Tới nhà giam, người này xô I-Nhã vào và nạt: "Anh không được ra khỏi đây cho tới khi có lệnh mới!" Đó là vào mùa hè. Vì không bị kiểm soát gắt gao nên có đông người đến thăm. Ông vẫn tiếp tục làm việc như trước, tức là dạy giáo lý và hướng dẫn linh thao.

Dù nhiều người tình nguyện giúp đỡ, ông không bao giờ chấp thuận nhờ luật sư hay tham tá nào. I-Nhã còn nhớ một bà tên là Têrêsa Cardênas đã sai người đến thăm và đề nghị nhiều lần can thiệp để ông được tha. Tuy nhiên, ông không nhận, và luôn nói rằng: "Tôi vào đây vì yêu mến ai, thì Đấng ấy sẽ lo cho tôi ra, nếu việc ấy hữu ích để phục vụ Ngài."

61. Ông ở nhà tù 17 ngày không ai hỏi han điều gì, và cũng không biết tại sao bị bắt (66). Sau cùng, linh mục đại diện đến nhà tù hỏi I-Nhã nhiều chuyện kỳ lạ, như có phải ông dậy môn đệ nghỉ ngày thứ bảy không? (67) Ông hỏi thêm I-Nhã có quen với hai mẹ con người đàn bà nọ chăng? (68) I-Nhã trả lời có, và trước khi họ lên đường ông có biết ý định của họ ra đi không? I-Nhã trả lời không biết vì đã hứa với họ! Nghe vậy, vị đại diện đặt tay lên vai I-Nhã và vui vẻ nói: "Tôi đến đây để chỉ biết có bấy nhiêu thôi."

Quả thực trong số những người theo I-Nhã có hai mẹ con người đàn bà kia, cả hai đều góa chồng, hai người đã tiến khá xa trong đời sống thiêng liêng, đến độ mặc dù thuộc một gia đình quí tộc, họ đã đi bộ đến đền thờ Veronica tại Ruen và không nhờ ai đi theo giúp. Vụ đó đã gây xôn xao tại Alcala. Giáo sư Ciruêlô là người có trách nhiệm giám hộ hai phụ nữ. Vì đinh ninh chính người lữ khách khuyến khích họ đi hành hương, nên đã tố cáo để ông bị bắt giam. Sau khi nghe vậy, ông lữ khách nói: "Ông có muốn tôi nói thêm về vụ này không?" Ông đại điện đáp: "Được anh cứ nói." "Tôi muốn cho các ông biết hai phụ nữ này đã năn nỉ tôi nhiều lần, bởi vì họ muốn đi phục vụ người nghèo tại khắp các nhà thương nhưng tôi luôn luôn ngăn cản họ. Vì người con gái còn rất trẻ và khiến nhiều người chú ý tới cô ta. Tôi đã khuyên họ, nếu muốn thăm viếng người nghèo thì có thể làm ngay tại Alcala, và cũng có thể viếng Thánh Thể Chúa nữa." Cuộc gặp gỡ chấm dứt. Ông Figueroa mang toàn biên bản của cuộc thẩm tra và ra về với vị lục sự.

62. Hồi đó Calixtô (69) đang ở Segovia. Mới nghe người lữ khách bị bắt giam. Mặc dù mới khỏi bệnh anh ta đến ngay, và ở lại luôn tại nhà giam. Nhưng người lữ khách bảo anh nên trình linh mục đại diện. Ông tiếp đón anh ta ân cần và cho biết ông sẽ nhốt anh ta luôn, cho đến khi hai phụ nữ trở về xem họ có khai đúng như như lời người lữ khách không. Thế là Calixtô ở tù ít bữa. Nhưng thấy anh ta khó chịu vì chưa khỏi bệnh hẳn, người lữ khách nhờ một người bạn thân can thiệp cho ra.

Từ khi vào tù đến khi ra, ông bị nhốt 42 ngày. Hai phụ nữ trở về, lục sự tới nhà giam đọc bản án rằng: "Tù nhân được tự do nhưng ông và các bạn phải ăn mặc như các sinh viên khác, đồng thời không được giảng dạy đức tin cho đến khi học hành đủ trong thời gian bốn năm, vì xét thấy chưa đủ kiến thức." Công bình mà nói, dù I-Nhã là người có học thức khá hơn các bạn, nhưng ông vẫn chưa có căn bản vững chắc. Điều đó ông nói ngay khi có người hỏi đến.

63. Bản án khiến ông phân vân không biết phải làm gì. Người ta vô cớ ngăn cản không cho ông giúp các linh hồn chỉ vì chưa học hành đầy đủ. Sau cùng ông đến gặp Tổng Giám Mục Tôlêđô tên là Fonsêca để nhờ giải quyết vấn đề.

Ông rời khỏi Alcala và gặp Tổng Giám Mục tại Valladolid. Ông kể tỉ mỉ câu chuyện, rồi nói thêm rằng mặc dù bây giờ ông không còn dưới quyền của Tổng Giám Mục nữa và không còn bị ràng buộc theo bản án, ông vẫn sẽ vâng theo chỉ thị của Tổng Giám Mục. Tổng Giám Mục tiếp đón ông niềm nở và khi nghe I-Nhã có ý định đi Salamanca, nơi ông có một số bạn và trường học, thì ông đề nghị nhờ họ giúp đỡ I-Nhã. Trước khi I-Nhã lên đường, ông lại cho bốn đồng tiền vàng.

CHƯƠNG 7

BỊ ĐIỆU RA TÒA TẠI SALAMANCA

1527

64. Sau khi I-Nhã tới Salamanca, một hôm đang lúc cầu nguyện trong một nhà thờ, một phụ nữ đạo đức nhận ra ông, và bà cho biết bốn người thuộc nhóm ông đã kết nạp đang ở đó mấy hôm rồi, và đưa ông đến nhà các bạn ở.

Ở Alcala, khi người ta ra bản án buộc các bạn ăn mặc như sinh viên, người lữ khách đã nói: "Quý ông bảo chúng tôi nhuộm quần áo và chúng tôi đã tuân theo. Nhưng bây giờ chúng tôi không thể tuân theo lệnh của các ông được vì không có phương tiện mua quần áo mới." Vậy chính linh mục đại diện đã cho họ quần áo, nón và tất cả đồ dùng sinh viên. Lúc rời Alcala họ ăn mặc theo kiểu đó.

Tại Salamanca, người lữ khách đã nhờ một Cha Dòng Đa Minh thuộc tu viện Thánh Stêphanô làm linh hướng. Mười hai ngày sau khi I-Nhã tới nơi, Cha linh hướng nói với ông: "Một số Cha trong tu viện muốn gặp anh." Ông trả lời: "Vì Danh Chúa con sẽ đến." Cha nói thêm: "Vậy thì anh đến dùng bữa trưa ngày Chủ Nhật. Tôi nói trước cho anh hay các Cha muốn biết rất nhiều chuyện về anh."

Ngày Chúa Nhật, ông đi với Calixtô. Dùng cơm xong, Cha phụ tá viện trưởng - vì viện trưởng vắng mặt - mời hai Cha khách cùng Cha linh hướng và hình như một Cha khác nữa vào nhà nguyện. Cha phụ tá dùng lời lẽ nhã nhặn nói rằng các Cha đã nghe nhiều điều hay về đời sống đạo đức của các anh và nghe nói các anh đi rao giảng như các Thánh Tông Đồ. Tuy nhiên, các Cha muốn được biết tỉ mỉ hơn. Vậy trước tiên Cha hỏi họ đã học hành đến trình độ nào. Người lữ khách đáp: "Trong nhóm, tôi là người học nhiều nhất." Rồi ông nói rõ ràng những điều ông đã học, cũng như về nền tảng học vấn bấp bênh của ông.

65. Rồi các Cha hỏi tiếp: "Bây giờ xin các anh cho biết các anh đã giảng những gì?" Người lữ khách đáp: "Chúng tôi không giảng nhưng nói chuyện đơn sơ sau bữa tối với một số người đã mời chúng tôi

dùng cơm.” Cha hỏi tiếp: “Được rồi, nhưng các anh nói về những điều thiêng liêng nào? Đó là những điều các Cha muốn biết.” Người lữ khách đáp: “Có khi chúng tôi nói về nhân đức này hoặc nhân đức khác và khuyến khích người ta theo; có khi lại nói về các thói xấu khác nhau và lên án.” Cha lại nói tiếp: “Các anh không có học, mà lại nói về các nhân đức và các thói xấu à. Người ta chỉ có thể nói về các đề tài đó hoặc vì đã học hoặc vì Chúa Thánh Thần soi sáng. Nhưng các anh không có học nên chỉ nói vì có Chúa Thánh Thần soi sáng. Vậy chúng tôi muốn biết Chúa Thánh Thần đã soi sáng những gì?” Nghe vậy, I-Nhã bắt đầu dè dặt vì nhận thấy cách lý luận đó có gì không ổn (70). Im lặng một lúc, I-Nhã nói ông không muốn bàn thêm về vấn đề đó nữa. Nhưng Cha phụ tá nói tiếp: “Sao vậy? Trong lúc tư tưởng của ông Êrasmô và nhiều người khác đang đầu độc thiên hạ, thì các anh lại không muốn biện minh cho giáo lý các anh dạy sao?" (71).

66. Người lữ khách đáp dứt khoát: “Thưa Cha, tôi sẽ không nói gì thêm trừ khi các bề trên buộc tôi phải nói trước mặt các ngài.” Trước đó, Cha phụ tá có hỏi tại sao Calixtô lại ăn mặc như vậy. Anh ta mặc một chiếc áo ngắn, đầu đội một chiếc nón rộng, tay cầm một cây gậy và chân đi giầy ống cao đến đầu gối. Vì anh này có vóc dáng lều khuều nên càng có vẻ vụng về. Người lữ khách giải thích rằng tại sao ở Alcala họ đã bị bắt giam và được lệnh ăn mặc như sinh viên, nhưng vì mùa nắng, anh bạn đã lấy áo rộng nhường cho một sinh viên nghèo. Nghe vậy, với vẻ không bằng lòng, Cha phụ tá lẩm bẩm: “Bác ái thì phải bắt đầu với bản thân chứ!"

Nhưng để trở lại câu chuyện, thấy rằng không thể bắt ông nói thêm điều gì, Cha phụ tá kết luận: “Được, đã vậy thì cứ việc ở lại đây. Chúng tôi sẽ tìm cách bắt các anh khai hết.” Lập tức các Cha vội vã ra về. Trước đấy, I-Nhã hỏi rằng họ sẽ ở lại trong nhà nguyện hay ở đâu, thì Cha phụ tá nói là ở trong nhà nguyện. Khóa tất cả các cửa rồi, các Cha đem nội vụ đi trình các thẩm phán. Tuy nhiên, hai ông ở lại trong tu viện ba ngày, ăn uống tại phòng cơm của các tu sĩ, nhưng không được biết gì về quyết định của các thẩm phán đối với họ.

Phòng hai ông ở luôn luôn có đông các tu sĩ đến thăm. Người lữ khách vẫn nói về các đề tài đạo đức như thói quen. Hình như các tu sĩ chia làm hai phe và có khá nhiều vị thông cảm với người lữ khách.

67. Ba ngày sau lục sự đến đưa họ tới nhà giam. Họ không bị nhốt ở phòng dưới với các phạm nhân thường, nhưng ở trên lầu trong một phòng cũ kỹ lâu năm không ai ở nên hết sức dơ dáy. Cả hai bị xiềng chung bằng một cái xích, mỗi người bị buộc một chân, và cái xích bị buộc quanh cái cột ở giữa phòng. Xích chỉ dài chừng hai thước rưỡi nên mỗi khi một trong hai người làm gì thì người kia cũng phải lết theo. Hôm đó hai người thức suốt đêm. Mờ sáng hôm sau, khi biết tin hai người bị giam, dân trong thành chở tới nhà giam giường ngủ và mọi đồ dùng cần thiết. Nhiều người tuốn đến thăm. I-Nhã tiếp tục nói về Chúa và giúp đỡ họ.

Ông tú Frias đến thẩm tra riêng mỗi người. Người lữ khách trao cho ông tất cả tập vở, tức là bản Linh Thao (72) để ông xem xét. Khi được hỏi có bạn cùng nhóm không, thì hai người trả lời có và chỉ chỗ họ ở. Lập tức, ông tú ra lệnh cho người đi bắt và đưa Caceres và Artêaga vào nhà giam. Riêng cậu Juniatô không bị bắt và sau đó cậu đi tu. Hai người kia không bị nhốt ở phòng trên, nhưng tại phòng dưới với các phạm nhân khác. Lần này, người lữ khách vẫn không nhờ luật sư hay trợ tá toà án giúp đỡ.

68. Vài ngày sau, người lữ khách bị điệu đến trước mặt bốn thẩm phán, gồm ba tiến sĩ là: Santisiđôrô, Paravinhas, Frias và ông tú Frias. Cả bốn người xem xét bản Linh Thao và dò hỏi nhiều câu, không những về đề Linh Thao mà còn cả về những vấn đề thần học nữa. Thí dụ về Thiên Chúa Ba Ngôi và về phép Thánh Thể, để xem hai ông hiểu biết như thế nào.

Trước hết, người lữ khách xin được tự giới thiệu, rồi theo lệnh của họ, ông nói rành mạch mọi điều đến độ các thẩm phán không thấy có điều chi đáng trách. Riêng ông tú Frias - trong cuộc tra hỏi thường tỏ vẻ khắt khe hơn những người khác - hỏi thêm cách thức giải đáp thắc mắc về giáo luật (73). Hỏi bất cứ điều gì, người lữ khách vẫn giải đáp, nhưng mỗi lần, ông đều nói rằng ông không biết các tiến sĩ nghĩ như thế nào về các vấn đề ấy.

Sau đó, họ bảo ông cắt nghĩa điều răn thứ nhất theo cách thức ông hay giảng dạy. Ông bắt đầu ngay và nói khá dài dòng. Bởi thế, các thẩm phán chẳng còn muốn hỏi thêm điều gì nữa.

Trước đó, khi hỏi về Linh Thao, họ hỏi nhiều lần về một điểm trong phần mở đầu của bản thảo là: "Một tư tưởng xấu, lúc nào là tội trọng, lúc nào là tội nhẹ?" Họ muốn xem ông không có học, làm sao quyết định được vấn đề đó. Ông trả lời: "Tôi nói phải hay trái, tùy các ông định liệu. Nếu tôi nói không phải thì các ông cứ kết án lời tôi." Cuối cùng họ được đưa về nhà giam và không ai bị kết án điều gì.

69. Trong số những người đến thăm I-Nhã tại nhà giam có Cha Phanxicô Menđôza, hiện là Hồng Y thành phố Burgos, đi với ông tú Frias. ĐHY thân mật hỏi ông ở tù thấy làm sao, có lấy làm khó chịu không? I-Nhã trả lời: "Hôm nay có một bà thấy tôi ở tù cũng tỏ ra thương cảm tôi giống như Cha. Tôi có thể thưa với Cha như đã trả lời bà ấy rằng: Nói thế chứng tỏ là Cha không thích ở tù vì lòng mến Chúa. Tù đâu phải là một tai họa? Thật ra, ở Salamanca này có bao nhiêu xiềng xích, vẫn chưa đủ để tôi ao ước chịu đựng hầu tỏ lòng mến Chúa đâu."

Hồi đó, có một lần tất cả các tù nhân đều vượt ngục, trừ người lữ khách và người bạn của ông. Sáng hôm sau, người ta thấy hai ông ngồi trước một cánh cửa mở toang không còn người nào khác. Vụ đó đã gây xôn xao trong thành phố, khiến nhiều người thán phục. Lập tức người ta dành cho họ cả một nhà lầu lớn gần đó làm nhà giam.

70. Sau khi bị tù hai mươi hai ngày, họ được mời để nghe bản án. Trong lối sống cũng như trong giáo lý của họ, các thẩm phán không tìm thấy lỗi lầm nào. Vậy họ được tiếp tục dạy giáo lý và nói về Chúa như trước, với điều kiện là không bao giờ được quả quyết: "Đây là tội trọng, đây là tội nhẹ" cho tới khi học xong bốn năm thần học.

Sau khi đọc bản án, vì muốn hai ông tuân theo, nên các thẩm phán tỏ ra rất ân cần với họ. Người lữ khách nói rằng: họ sẽ tuân phục bản án nhưng không đồng ý, bởi vì mặc dù không lên án họ về điểm nào, nhưng ngăn cản không cho phép họ nói để giúp đỡ tha nhân theo khả năng của họ. Tiến sĩ Frias tỏ ra xúc động và cố gắng thuyết phục hai ông. Nhưng người lữ khách không bàn thêm điều gì nữa, chỉ nói rằng họ sẽ tuân theo bản án bao lâu còn trong địa phận Salamanca mà thôi (74).

Ngay lúc rời khỏi nhà giam, người lữ khách bắt đầu suy nghĩ và cầu xin Chúa chỉ cách giải quyết vấn đề. Ở lại Salamanca thì ông sẽ gặp khó khăn: muốn giúp đỡ các linh hồn thì gặp trở ngại vì lệnh không cho quyết định đâu là tội trọng đâu là tội nhẹ.

71. Do đó ông quyết định đi Paris học. Tại Barcelôna, khi suy xét có nên học hành và học trong thời gian bao lâu, I-Nhã cũng nghĩ đến vấn đề là sau khi học xong, ông nên đi tu hay đi khắp thiên hạ? Lúc suy tư về đời tu, ông thường nghĩ đến một dòng nào suy đồi, chưa cải tổ để được gặp nhiều thử thách, đồng thời nghĩ có lẽ Chúa sẽ dẫn dắt các tu sĩ. Ông nhất mực tin rằng Chúa cũng sẽ cho ông đủ nghị lực để chịu đựng mọi sỉ nhục và xúc phạm sẽ gặp phải.

Suốt thời gian tại Salamanca, ông vẫn ao ước giúp đỡ các linh hồn. Và để làm việc đó, ông phải học hành đầy đủ hơn, đồng thời qui tụ thêm một số bạn bè cùng chí hướng, ngoài những người đã theo ông

từ trước. Sau khi quyết định đi Paris, ông điều đình với các bạn ở lại chờ ông trong khi ông đi tiền phong tìm phương cách để mọi người học hành.

72. Nhiều người có địa vị cố thuyết phục ông đừng đi nhưng vô ích. Lối chừng mười lăm, hai mươi ngày sau khi ra tù, ông lên đường một mình kéo theo một con lừa nhỏ chở ít sách trên lưng. Tới Barcelôna, tất cả những người quen tìm cách thuyết phục ông đừng đi sang Pháp vì chiến tranh đang diễn ra tại đó. Họ kể cho ông nghe nhiều chuyện cụ thể và còn nói rằng ở đó người ta nướng người Tây Ban Nha, nhưng ông không hề cảm thấy sợ sệt.

CHƯƠNG 8

NHỮNG NĂM ĐẠI HỌC VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN TIÊN KHỞI

1528 - 1535

73. Vậy I-Nhã lên đường đi bộ đến Paris. Ông tới nơi vào lối tháng hai và theo ông, đó là vào khoảng năm 1527 hay 1528. Ông trọ ở một căn nhà với một người Tây Ban Nha và đi học tại trường Montague để học lại chương trình trung học, vì hồi trước ông đã học quá vội, thiếu căn bản. Ông học chung với trẻ em theo phương pháp và chương trình áp dụng tại Paris (75).

Tại Barcelôna, có người đã tặng người lữ hành một chi phiếu, nhờ đó, tại Paris, một thương gia trả cho I-Nhã 25 đồng tiền vàng. Ông gửi số tiền này cho người Tây Ban Nha cùng trọ. Ít lâu sau người ấy tiêu hết tiền và không có tiền trả. Vào mùa Chay, I-Nhã không còn một xu dính túi, vì chính ông cũng đã tiêu chút đỉnh. Thế là ông phải ăn xin và rời khỏi nhà trọ luôn.

74. Ông được tiếp đón tại nhà thương Thánh Giacôbê, bên kia nhà thờ các Thánh Anh Hài. Trọ ở nhà thương rất bất tiện cho việc học hành, vì nhà thương cách trường học khá xa. Buổi chiều muốn vào kịp trước khi khóa cổng thì phải về trước giờ Kinh Truyền Tin, và buổi sáng thì phải sáng hẳn rồi mới được ra ngoài. Bởi thế, ông không thể dự tất cả các giờ học đầy đủ. Thêm vào đó, ông vẫn tiếp tục phải đi ăn mày để sống (76).

Vì từ gần năm năm nay không còn đau dạ dày nữa, I-Nhã lại sống khắc khổ và ăn chay. Ông trọ tại nhà thương và xin ăn một thời gian, nhưng thấy không mấy tiến bộ trong việc học hành, I-Nhã liền bắt đầy suy nghĩ xem phải làm gì. Thấy một số sinh viên vừa học vừa giúp việc cho các giáo sư quản lý các trường học, ông quyết định đi tìm một người mướn ông.

75. Ông tính toán và nghĩ bụng - điều này làm ông phấn khởi - sẽ coi giáo sư là Chúa Kitô, và trong số các học sinh, ông sẽ coi người này là Thánh Phêrô, người kia là Thánh Gioan, v.v.. mỗi người là một Tông đồ. Ông nghĩ khi giáo sư sai bảo điều gì ông sẽ nghĩ đó là lệnh của Chúa Kitô; khi người khác nói gì thì ông nghĩ đó là lời của Thánh Phêrô hay Thánh Gioan. Ông cố gắng hết sức đi tìm việc làm, chạy vạy nhờ vả khắp nơi, kể cả nhờ ông Castro, một tu sĩ thuộc đan viện Cartusiô vốn quen biết nhiều giáo sư, và một số người khác nữa.

76. Sau cùng, vì không tìm được việc gì, một tu sĩ gốc TBN góp ý kiến cho I-Nhã là mỗi năm đi tới xứ Flandres, ở lại đó hai tháng hoặc ít hơn, để quyên tiền sống suốt niên học. Sau khi cầu nguyện, ông thấy giải pháp này hay. Ông đi và mỗi năm đem về được một số tiền đủ để sống thanh bần. Có năm ông qua nước Anh và quyên về được nhiều hơn các năm trước (77).

77. Sau khi đi xứ Flandres về lần đầu, I-Nhã lại tiếp tục các cuộc đối thoại thiêng liêng hăng hái hơn trước. Đồng thời hướng dẫn Linh Thao cho ba người tên là Pêralta, Castro và một người khác gốc Bascô tên là Amador (78) đang ở trường Thánh Barbara. Cả ba người này thay đổi sâu xa. Họ phân phát tất cả của cải cho người nghèo (kể cả sách học), bắt đầu đi ăn xin khắp thành phố Paris, và ở những nơi người lữ khách trước đây đã ở, như đã kể trên. Vụ này gây xôn xao viện đại học, bởi vì hai người này trước đây có địa vị cao và được nhiều người biết đến. Những người TBN bắt đầu chống đối những người đó và đưa ra nhiều lý lẽ thuyết phục hai người trở về đại học nhưng vô ích. Thế rồi cả đám cầm vũ khí đến nhà thương lôi hai người ra, kéo về đại học và bảo rằng sau khi học xong mới được thực hiện ý định đó.

78. Một thời gian sau, Castro trở về Tây Ban Nha giảng tại Burgos và cuối cùng tu dòng Cartusiô tại Valencia. Pêralta thì đi hành hương tới Giêrusalem, nhưng khi đi qua Italia thì bị một người bà con là sĩ quan trong quân đội bắt đem đến Tư Dinh Đức Giáo Hoàng và được lệnh trở về Tây Ban Nha. Việc này xảy ra mấy năm sau chứ không phải ngay thời đó.

Tại Paris, có nhiều người nói xấu người lữ khách, đặc biệt trong giới người Tây Ban Nha. Giáo sư Gouvera cho hay rằng vì đã làm cho Amador ra điên, nên lần sau I-Nhã đến trường Thánh Barbara, ông sẽ bị "đánh đòn công khai" vì tội mê hoặc học trò.

79. Về phần người bạn cùng trọ với I-Nhã lúc ban đầu, vì đã tiêu hết tiền của ông và không trả nổi nên đã trốn về Tây Ban Nha qua ngả Rouen. Đang khi chờ tàu nhổ neo thì ông lâm bệnh. Người lữ khách hay tin qua một lá thư ông gửi, và nẩy ý muốn đi thăm và giúp đỡ ông này, hy vọng rằng nhờ dịp này có thể lôi kéo ông ta bỏ thế gian, để hoàn toàn phục vụ Thiên Chúa (79).

Để được ơn đó, I-Nhã có ý muốn đi bộ từ Paris tới Rouen, khoảng 25 dặm, đi chân không, nhịn ăn uống. Lúc cầu nguyện về ý muốn này, ông cảm thấy sợ sệt. Sau cùng ông vào nhà thờ Thánh Đa Minh cầu nguyện và nhất quyết lên đường theo dự định và không còn sợ là làm như vậy là thử thách Thiên Chúa nữa.

Hôm lên đường, ông thức dậy và khi bắt đầu mặc quần áo, ông cảm thấy run sợ đến nỗi không mặc nổi áo. Dù kinh hãi như vậy ông lên đường và rời khỏi thành phố khi trời vừa sáng. Ông vẫn sợ sệt cho đến khi đến ấp Argenteuil, cách Paris chừng hai dặm, ở đó theo tục truyền có giữ áo Chúa Giêsu. Sau khi đi qua ấp này và bắt đầu leo đồi, thì cơn thử thách tiêu tan. I-Nhã cảm thấy hết sức phấn khởi đến độ ông gào thét và nói chuyện với Chúa trên cánh đồng.

Ngày hôm đó, sau khi đi mười bốn dặm, ông ở nhà thương với một người ăn mày; ngày thứ hai ngủ trên một đống rơm và ngày thứ ba tới Ruen. Suốt ba ngày, ông không ăn uống và đi chân không, như đã quyết định. Tại Ruen ông an ủi người bệnh, giúp ông ta lên tàu trở về Tây Ban Nha và viết thư giới thiệu ông ta với các bạn ở Salamanca tức là Calixtô, Caceres và Arteaga.

80. Về những người bạn này, xin kể vắn tắt về họ. Trong thời gian ở Paris, theo như đã điều đình với nhau, người lữ khách viết thư cho họ nhiều lần và trình bày vấn đề khó tìm cách cho họ tới Paris học hành. Ông còn viết thư gửi bà Lêônor Mascarenhas (80) nhờ bà giới thiệu Calixtô đến triều đình vua Bồ Đào Nha để anh ta kiếm được học bổng theo chương trình cấp học bổng tại Paris của Vua Bồ Đào Nha. Bà Lêônor cấp cho Calixtô thư giới thiệu và tiền bạc tiêu sài.

Calixtô tới triều đình vua Bồ Đào Nha, nhưng cuối cùng không đi tới Paris, trái lại anh trở về Tây Ban Nha và đi Châu Mỹ thuộc quyền Hoàng Đế với một phụ nữ đạo đức. Ông trở về Tây Ban Nha rồi lại đi Châu Mỹ lần thứ hai, khi trở về thì giầu to, mọi người quen anh ta trước kia đều ngạc nhiên.

Caceres trở về quê ở Segovia và bắt đầu sống như đã quên hẳn ý định tốt lành trước kia.

Artêga thì được phong chức huân tước. Về sau khi có dòng tại Roma rồi, ông được phong chức Giám Mục và được trao phó cho một địa phận tại Châu Mỹ. Ông viết thư gửi người lữ khách và xin nhường địa phận đó cho một anh em trong dòng. Sau khi nhận được thư từ chối, ông chịu chức Giám Mục và đi Châu Mỹ. Cuối cùng ông chết cách bất ngờ. Số là khi đang nằm trên giường bệnh, có hai chai nước, một chai đựng nước uống theo lệnh y sĩ, còn chai kia đựng thuốc độc. Người ta lấy lầm chai và đưa cho ông uống thuốc độc khiến ông chết.

81. Lúc đi Rouen trở về Paris, người lữ khách thấy người ta xôn xao rất nhiều về mình, do câu chuyện liên can đến Castro và Pêralta, và nghe rằng viên thanh tra đã tỏ ý muốn gặp ông. Ngay tức khắc, người lữ khách tìm gặp ông thanh tra và nói rằng hình như ông đã được mời đến, và sẵn sàng tuân theo lệnh ông thanh tra nếu ông có gì dạy bảo. Tuy nhiên, ông xin giải quyết vấn đề mau chóng, và mong rằng vụ này sẽ kết thúc trước ngày lễ Thánh Rêmy là ngày khai giảng (81). Ông có ý định ghi tên đại học và mong vụ đó sớm kết thúc để tập trung vào việc học. Tuy nhiên, viên thanh tra không gọi I-Nhã nữa, nhưng chỉ nói rằng đã có người kể cho ông ta nghe về công việc của I-Nhã.

82. Ít lâu sau là lễ Thánh Rêmy, tức là ngày đầu tháng mười, I-Nhã bắt đầu học với một ông thày tên là Gioan Pêna. Lúc đó ông có ý duy trì nhóm người đã quyết tâm phụng vụ Thiên Chúa, nhưng không muốn tìm thêm người để tiện việc học hành.

Khi bắt đầu đi học, ông lại bị thử thách như khi còn học tiểu học tại Barcêlôna. Mỗi lần nghe giảng ông không thể tập trung được vì các tư tưởng đạo đức dồi dào đến với ông. Thấy học như thế không có lợi ích bao nhiêu, ông tới gặp giáo sư và hứa sẽ không bao giờ bỏ một giờ học nào bao lâu còn kiếm được bánh mì ăn và nước uống đủ sống. Sau khi hứa như thế, tất cả các tư tưởng đạo đức đến với ông vào các lúc bất lợi đều tiêu tan, và ông có thể tiếp tục học hành đều đặn (82).

Thời đó ông thường nói chuyện với hai cử nhân Phêrô Fabre và Phanxicô Xavier. Về sau, qua Linh Thao ông thuyết phục được hai ông này quyết tâm phục vụ Thiên Chúa (83).

Hồi đó, không ai làm khó dễ I-Nhã như trước. Có lần tiến sĩ Fragô nói với ông là ông lấy làm lạ vì thấy I-Nhã được bình yên không bị ai gây khó khăn gì. Ông trả lời: "Đó là vì tôi không nói với ai về đời sống thiêng liêng; nhưng một khi học xong chúng tôi sẽ tiếp tục như cũ."

83. Hai ông đang nói chuyện với nhau thì có một tu sĩ đến xin tiến sĩ Fragô kiếm giùm một căn phòng. Vì tại nhà ông trọ, đang có nhiều người chết, có lẽ vì dịch hạch thời đó đang lan tràn tại Paris. Tiến sĩ Fragô và người lữ khách muốn đi xem nhà đó và mời một phụ nữ có kinh nghiệm đi theo họ. Bà vào nhà quan sát một lát thì nói là dịch hạch.

Người lữ khách cũng vào nhà, thấy có một người nằm đau thì an ủi người ta, và tay đụng đến vết thương của người ấy, một lúc sau ra về một mình. Tự nhiên tay ông bắt đầu đau như đã bị mắc dịch hạch. Cảm tưởng này in sâu vào tâm trí ông đến độ không thể thoát nổi, cho đến khi ông cương quyết đút tay vào miệng và xoay đi xoay lại nhiều lần, tự nhủ rằng nếu tay bị mắc dịch hạch thì bây giờ cho miệng mắc luôn xem sao. Sau khi làm như vậy, ông hết còn cảm tưởng mắc bệnh và tay hết đau.

84. Tuy nhiên, lúc về trường Thánh Barbara nơi ông đang trọ và học, người nhà biết ông đã vào căn nhà có dịch hạch thì tránh xa ông và không muốn ông vào nhà. Ông phải ngủ ở ngoài mấy ngày. Theo phong tục tại Paris, các sinh viên đại học năm thứ ba muốn lấy bằng Tú Tài thì phải "lấy đá" như họ nói. Vì muốn "lấy đá" phải mất một số tiền, nên sinh viên không lấy nổi (84). Người lữ khách do dự có nên lấy hay không. Vì không quyết định được nên ông nhờ Giáo Sư giúp ý kiến (85). Giáo sư khuyên ông lấy thì ông lấy. Tuy nhiên, vẫn có người chỉ trích ông, ít nhất một người Tây Ban Nha để ý đến việc đó.

Tại Paris, I-Nhã bị đau dạ dày trở lại. Cứ mười lăm ngày ông lại đau và kéo dài suốt hơn một tiếng. Có lần ông đau suốt mười sáu, mười bảy tiếng (86). Khi học hết trung học, vài năm thần học ở đại học (87) và qui tụ được một số bạn bè thì bệnh tình trở nên càng ngày càng trầm trọng, không tìm được cách nào chữa trị, mặc dù đã thử nhiều cách.

85. Các y sĩ nói rằng chỉ có khí hậu ở quê nhà mới có thể giúp ông khỏi bệnh. Các bạn bè cũng bảo như thế và khuyên ông về quê (88).

Hồi đó tất cả các bạn bè đã quyết định họ sẽ làm gì. Họ sẽ đi Vênêzia và từ đó sẽ đến Giêrusalem. Nếu không được phép ở lại Giêrusalem họ sẽ trở về Roma trình diện vị đại diện Chúa Kitô để Ngài sai họ làm việc những nơi Ngài nhận thấy Thiên Chúa sẽ được vinh quang hơn và các linh hồn được lợi ích hơn (89). Họ cùng đồng ý, tại Vênêzia, họ sẽ chờ tàu một năm, nếu trong năm đó không có tàu đi Trung Đông, họ sẽ không bị ràng buộc bởi lời khấn đi Giêrusalem nữa, và sẽ trình diện Đức Giáo Hoàng (90).

Cuối cùng người lữ khách chiều ý các bạn. Vì có một số bạn gốc Tây Ban Nha cần giải quyết một số vấn đề nên ông tình nguyện lo giùm (91). Rồi họ điều đình với nhau rằng: Sau khi I-Nhã khỏi bệnh, sẽ lo giải quyết các vấn đề đó rồi tới Vênêzia chờ các bạn tại đó.

86. Đó là vào năm 1535, và theo dự định của các bạn thì ông sẽ lên đường vào năm 1537 vào ngày lễ Thánh Phaolô Trở Lại. Tuy nhiên chiến tranh lại bùng nổ và ông phải lên đường vào tháng 11 năm 1536. Trước khi lên đường, I-Nhã nghe biết rằng, có người tố cáo với các thẩm phán với những lời cáo buộc chống lại ông. Biết được sự kiện, mặc dù người ta đã không nhắm đích danh ông, ông vẫn đích thân đến viên thẩm phán (92) và bảo ông này về những gì ông đã nghe, về cuộc hành trình ông sắp đi và về các bạn của ông. Vậy ông xin các thẩm phán một bản án. Ông thẩm phán nói rằng ông cũng có nghe những điều cáo buộc nhưng chẳng thấy có gì là quan trọng. Ông chỉ muốn xem những gì I-Nhã đã viết, tức là bản Linh Thao. Khi xem xong, ông nhiệt liệt khen ngợi, và xin một bản như người lữ hành đã đưa cho ông. Mặc dù vậy, người lữ hành vẫn khẩn khoản xin ông ta một bản án. Vì ông thẩm phán từ chối nên người lữ khách lại trở lại nhà của ông này với vài nhân chứng và viên chưởng khế để làm biên bản chứng thực sự kiện (93).

CHƯƠNG 9

VỀ THĂM QUÊ NHÀ

1535

87. Xong việc, các bạn mua cho I-Nhã một con ngựa và cho ông cỡi ngựa một mình. Trên đường đi ông thấy khoẻ hơn nhiều. Tới quê hương Guipuzcoa, ông bỏ đường cái và rẽ vào một con đường vắng vẻ hơn. Đi một quãng, ông gặp hai người cầm vũ khí tiến về phía ông (đường này có tiếng nhiều kẻ cướp). Đi ngang qua ông một quãng xa, hai người đó lại hấp tấp trở lại đuổi theo ông khiến ông hơi sợ.

Dù vậy, ông hỏi thăm ra thì mới biết họ là gia nhân của ông anh đến đón ông về. Hình như khi ông tới thành Bayonne bên Pháp, có người nhận ra ông và báo tin cho ông anh. Rồi gia nhân chạy trước còn I-Nhã đi theo sau trên cùng một con đường. Lúc sắp đến nơi, I-Nhã lại gặp hai người gia nhân nọ. Họ nài ép ông vào nhà ông anh, nhưng ông không chịu. Ông vào ở trong nhà thương và lúc thuận tiện ông đi ăn xin trong vùng đó.

88. Tại nhà thương, có nhiều người đến thăm ông. Ông nói chuyện với họ về Thiên Chúa. Nhờ ơn Chúa ông đã gặt hái được nhiều kết quả. Ngay lúc tới nơi ông đã quyết định dạy giáo lý cho trẻ em. Nhưng ông anh chống đối kịch liệt và bảo rằng sẽ chẳng có ai đến học. Ông trả lời là nếu chỉ có một đứa thôi cũng đủ. Ngay khi bắt đầu, người người tuốn đến nghe trong đó có cả ông anh nữa. Ngoài việc dạy giáo lý vào các ngày Chủ Nhật và Lễ Trọng, ông còn giảng cho những người từ các nơi ở xa đến và giúp đỡ linh hồn họ. Thêm vào đó, ông còn cố gắng sửa một số tệ đoan. Nhờ ơn Chúa, ông dàn xếp được vài chuyện. Thí dụ như thuyết phục được người giữ an ninh áp dụng được biện pháp cấm đánh bài.

Còn một tệ đoan nữa như sau. Số là theo phong tục, các cô gái chưa chồng tại miền đó không bao giờ đội khăn, chỉ khi nào lấy chồng mới được đội. Nhưng có nhiều cô sống chung với linh mục, hay những người khác như là vợ của họ. Việc này coi như cơm bữa đến nỗi những cô đó không mảy may hổ thẹn mà còn nói công khai họ đội khăn vì người nọ, người kia, và mọi người đều biết như thế (94).

89. Phong tục ấy gây nhiều tai hại. Người lữ khách thuyết phục tỉnh trưởng, và xin ông ra lệnh để tất cả những ai nếu không phải là vợ chính thức mà đội khăn thì sẽ bị phạt theo luật. Nhờ đó mà tệ đoan trên mới bớt dần. Đối với người nghèo, ông được chính quyền hứa là sẽ cung cấp thường xuyên cho họ. Ông dạy thêm rằng: Ba lần trong ngày tức là sáng, trưa, chiều nên kéo chuông "Kính Mừng" để nhắc dân chúng cầu nguyện theo phong tục tại Roma.

Lúc đầu I-Nhã cảm thấy khoẻ mạnh, nhưng về sau lại đau nặng. Khoẻ lại ông quyết định đi lo công việc mà các bạn giao phó. Ông đi bộ mà không đem theo một đồng xu nào. Ông anh thấy vậy rất bực mình vì bất bình và xấu hổ (95). Tuy nhiên, vào buổi chiều I-Nhã bằng lòng cùng ông anh và bà con cỡi ngựa đến ranh giới tỉnh.

90. Qua ranh giới tỉnh, ông xuống ngựa, không lấy gì của bà con và đi bộ hướng về Pamplôna. Ông ghé Almazan, quê của Laynez, rồi Saigonuenza, Tolêđô và Valencia. Mặc dù tại mỗi nơi, người ta nài nỉ ông nhận nhiều món quà, nhưng ông không lấy gì hết. Ở Valencia, ông gặp Castro, tu dòng Cartusiô. Khi ông tỏ ý muốn lên tàu đi Gênôva, nhiều người đạo đức tại Valencia khuên không đừng đi vì trên biển đang có nhiều tàu của tên giặc Râu Đỏ hoành hành. Dẫu cho người ta cố tình kể nhiều câu chuyện rùng rợn để ông sợ không dám đi, nhưng ông vẫn không do dự chút nào.

91. Ông lên một con tàu và gặp bão như đã kể về việc ông suýt chết ba lần (96). Tới thành phố Gênôva, ông lên đường đi Bologna (97). Trong chuyến này ông gặp nhiều gian khổ, đặc biệt lúc lạc đường. Ông rẽ vào một con đường ở ven sông, đường thì dốc cheo leo còn sông thì ở dưới thung lũng. Càng đi, đường càng hẹp cho đến lúc ông tiến tới cũng chẳng được mà lùi cũng không xong. Vậy ông bắt đầu bò, ông phải bò một khúc dài, mỗi lần nhích lên ông rất sợ té xuống sông. Trong đời ông, đó là lúc gian khổ nhất về thể xác mà ông gặp phải, nhưng cuối cùng ông cũng thoát được.

Sắp sửa vào thành phố Bologna, đi qua một chiếc cầu gỗ nhỏ, ông lại té xuống. Lúc chỗi dậy, người ông ướt nhẹp và dính bê bết đầy bùn từ đầu đến chân khiến cho nhiều người qua lại gần đó cười rộ. Vào thành phố ông bắt đầu đi xin ăn. Nhưng mặc dù đi khắp cả thành, ông không kiếm được đồng xu nào. Ông ở lại Bologna một thời gian vì bị bịnh, rồi cuốc bộ đi về phía Vênêzia.

CHƯƠNG 10

CHỜ ĐỢI HÀNH HƯƠNG ĐẤT THÁNH

1535 - 1537

92. Thời đó tại Vênêzia, I-Nhã tập trung vào việc hướng dẫn Linh Thao và nói về các đề tài thiêng liêng. Trong số những người đáng nhớ nhất đã tập Linh Thao có ông cử nhân Phêrô Cantarênô, ông cử nhân Gasparô Doctis và một người Tây Ban Nha nữa là ông tú Hoces (98). Ông tú Hoces hay đến nói chuyện với người lữ khách và cả Giám Mục thành Chieti cũng vậy. Dù thích tập Linh Thao, ông này vẫn trù trừ. Cuối cùng ông quyết định bắt đầu, và sau ba, bốn ngày, ông thú thật với người lữ khách rằng ông sợ Linh Thao sẽ dạy ông một giáo thuyết không tốt như lời một người nào đó đã nói với ông như vậy. Vì thế ông đem theo một số sách để tiện tra cứu trong trường hợp I-Nhã dẫn ông đi lạc hướng. Ông này tập linh thao có kết quả đáng kể và cuối cùng quyết định theo lối sống của người lữ khách. Trong số các bạn đồng hành, ông này là người qua đời trước tiên.

93. Cũng ở Vênêzia, người lữ khách lại bị chống đối vì có tin đồn rằng hình nộm của ông bị đốt tại Tây Ban Nha và Paris. Tiếng đồn này lan tràn đến nỗi người lữ khách lại phải ra tòa nhưng bản án lại bênh vực ông . . .

Chín người bạn đã tụ họp tại Vênêzia vào đầu năm 1537 và chia nhau giúp việc tại các nhà thương. Hai, ba tháng sau tất cả lên đường đi Roma nhận phép lành của Đức Thánh Cha để đi Giêrusalem. Tuy nhiên, người lữ khách không đi vì ở đó có tiến sĩ Ortiz và Hồng Y Têatinô (99). Nhóm các bạn đem theo chi phiếu 200 hoặc 300 đồng bạc mà người ta đã cho để đi Giêrusalem. Họ không lấy tiền mặt nhưng chỉ lấy chi phiếu thôi. Về sau, vì không đi Giêrusalem được, họ trả lại các chi phiếu rồi chia làm ba nhóm, mỗi nhóm có những người thuộc các quốc tịch khác nhau, vừa đi vừa xin ăn mà trở về Vênêzia như lúc đi. Tại Vênêzia, những người chưa làm linh mục thì được chịu chức thánh (100) do giấy phép của Sứ Thần Toà Thánh tại Vênêzia tên là Vêrallô (về sau lên Hồng Y). Họ chịu chức với tư cách các tu sĩ thanh bần (101) khấn đời khiết tịnh và nghèo khó.

94. Vì năm đó chính quyền Vênêzia đã đoạn giao với đế quốc Thổ Nhĩ Kì, nên không có tàu nào đi Trung Đông. Thấy không có hy vọng đi Giêrusalem trong một tương lai gần, nên các bạn đã chia nhau đi các vùng xứ Vênêzia mà chờ một năm như đã dự định trước kia; hết một năm mà vẫn không có tàu thì tất cả sẽ đi Roma.

Người lữ khách trúng thăm đi Vicenza với Favre và Laynez. Tại đó, họ tìm được một căn nhà không có cửa sổ và cửa lớn ở ngoại thành rồi kiếm ít rơm về làm giường ngủ. Mỗi ngày hai lần, hai người vào thành phố xin ăn, nhưng kiếm được rất ít, khó mà đủ sống. Họ thường ăn bánh mì khô khi kiếm được, người nào ở nhà thì lo nấu bánh mì. Họ sống theo kiểu đó trong bốn mươi ngày, chỉ lo việc cầu nguyện mà thôi.

95. Sau bốn mươi ngày, ông cử nhân Gioan Coduri về tới và cả bốn người quyết định bắt đầu giảng. Vậy cùng ngày và cùng giờ, bốn ông vào thành, mỗi ông vào phố chợ và bắt đầu lớn tiếng vừa gọi dân chúng vừa lấy nón ra hiệu mời họ tập họp nghe giảng. Nhờ các bài giảng mà người ta biết tiếng họ, trở nên đạo đức và cung cấp cho họ phương tiện vật chất dồi dào hơn trước.

Suốt thời gian ở Vicenza, người lữ khách có nhiều thị kiến thiêng liêng và thấy phấn chấn gần như thường xuyên, khác với thời gian ở Paris. Đặc biệt trong thời gian chuẩn bị chịu chức và dâng Lễ tại

Vênêzia, cũng như trong các chuyến đi các nơi, nhiều lần ông được các vị khách từ trời viếng thăm, giống như khi ở Manrêsa. (102)

Khi ở Vicenza, hay tin một người bạn ở Bassanô đau nặng sắp chết, (103) mặc dù chính ông lúc đó bị sốt, I-Nhã vẫn lên đường. Ông đi rất nhanh khiến Favre khó khăn lắm mới đi theo kịp. Trong chuyến đi, ông được Thiên Chúa bảo đảm là người bạn ông sẽ không chết vì bệnh đó, ông nói như vậy với Favre. Ông tới Bassanô thì bệnh nhân được an ủi lắm và chẳng bao lâu thì khoẻ lại. Sau đó, tất cả các bạn tập họp tại Vicenza. Cả mười người ở chung với nhau trong một thời gian và họ đi ăn xin tại các làng xã gần đó.

96. Hết năm chờ tàu, mà không đi được nên các bạn đồng hành quyết định đi Roma. Lần này người lữ khách cũng đi vì trong lần trước khi các bạn đi Roma (lần đó không có I-Nhã), hai người mà họ e ngại lại tỏ ra ân cần với họ (104). Họ chia làm ba, bốn nhóm. Người lữ khách đi với Favre và Laynez. Trong chuyến này, ông được Thiên Chúa thăm viếng một cách hết sức đặc biệt.

Ông đã quyết định sau khi chịu chức linh mục, sẽ không làm lễ suốt một năm, để chuẩn bị và cầu xin Đức Mẹ đặt ông đến cùng Chúa Con. Một hôm khi còn cách xa Roma mấy dặm, đang khi cầu nguyện trong một nhà thờ, ông nhận thấy một sự thay đổi lớn lao trong tâm hồn, và thấy rõ ràng là Chúa Cha gửi gắm ông cho Chúa Kitô, con của Ngài. Ông không thể nào nghi ngờ điều đó chỉ biết rằng Chúa Cha đã gửi ông cho Chúa Con (105).

97. Rồi lúc tới Roma (106), ông nói với các bạn ông thấy các cửa đều đóng lại, có ý muốn nói rằng tại đó, họ sẽ bị chống đối nhiều. Ông nói thêm: “Chúng ta nên thận trọng, không tiếp xúc với phụ nữ, trừ người quí phái."(107) Trong khi bàn về vấn đề này, tưởng cũng nên nhắc lại chuyện đã xảy ra chẳng bao lâu sau đó. Số là lúc ấy Phanxicô thường giải tội cho một phụ nữ, và đôi khi đi thăm bà để hướng dẫn về đời sống đạo đức. Sau một thời gian bà mang thai. Nhưng nhờ ơn Chúa, người ta tìm ra được thủ phạm. Gioan Coduri cũng gặp phải một chuyện tương tự, khi một cô, con thiêng liêng của ông bị bắt quả tang đang ăn ở với một người đàn ông.

CHƯƠNG 11

NĂM ĐẦU TẠI KINH THÀNH MUÔN THỦA ROMA

1538

98. Từ Roma, người lữ khách đi Monte Cassinô để hướng dẫn Linh Thao cho tiến sĩ Ortiz (108) và ở lại đấy bốn mươi ngày. Trong thời gian đó, một hôm ông thấy Hoces đang vào Thiên đàng, thì ông thấy tâm hồn phấn khởi hết sức và nước mắt tràn ra. Nếu nói khác, ông nhận thấy đó là nói dối. Từ Monte Cassinô trở về, ông đem theo Phanxicô Estrađa (109). Về Roma, ông ra sức giúp đỡ các linh hồn. Thời đó, các bạn còn ở lại vườn nho, ông hướng dẫn Linh Thao cho một số người cùng một lúc. Trong đó, có một người ở gần nhà thờ Đức Bà Cả và một người ở gần cầu Sixtô.

Sau đó ông bắt đầu gặp chống đối(110), và Miguel bắt đầu gây rắc rối qua việc nói xấu người lữ khách. I-Nhã làm cho ông ta bị ra toà trước mặt Tổng Trấn bằng việc trình cho vị Tổng Trấn coi một lá thư của Miguel, trong đó có nhiều lời ca tụng người lữ khách. Ông Tổng Trấn điều tra về Miguel và cuối cùng đuổi ông này ra khỏi Roma. Rồi đến lượt Muđarra và Berrêđa đi rêu rao rằng người lữ khách cùng các

bạn đã phải trốn khỏi Tây Ban Nha, Paris và Vênêzia. Cuối cùng, trước mặt ông Tổng Trấn và Sứ Thần lúc đó đang ở Roma, cả hai đều xác nhận nhóm các bạn đều không thấy có gì đáng chỉ trích về lối sống cũng như về giáo lý. Ông Sứ Thần ra lệnh chấm dứt vụ đó, nhưng I-Nhã không bằng lòng, và đòi phải có bản án đàng hoàng.

Điều này đã làm phật lòng ông Sứ Thần, ông Tổng Trấn và những người lúc trước đã ủng hộ người lữ khách. Cuối cùng, vài tháng sau Đức Giáo Hoàng trở về Roma. Người lữ khách đi gặp Đức Thánh Cha tại Frascati và trình bày mọi lý lẽ. Đức Thánh Cha trực tiếp lo vấn đề và ra lệnh cho làm bản án; bản án ủng hộ I-Nhã.

Tại Roma, với sự giúp đỡ của người lữ khách và các bạn, người ta thực hiện một số việc bác ái, như việc dạy giáo lý, mở các cô nhi viện và nhà Thánh Marta dành cho những người phụ nữ lầm lỡ. Còn về những chuyện khác Nadal có thể kể thêm (111).

99. Sau khi kể tất cả các việc trên, ngày 20 tháng 10 tôi đã hỏi người lữ khách về Linh Thao và hiến pháp để tìm hiểu Cha đã soạn thảo hai tài liệu đó như thế nào. Cha trả lời Linh Thao không được soạn liên tục, nhưng mỗi lần Cha nhận xét thấy điều gì trong tâm hồn có ích lợi và có thể giúp được người khác, thì Cha viết ra, thí dụ cách thức ghi việc xét mình trên các vạch ngang. Riêng về cách chọn lựa, Cha đã nói với tôi rằng Cha đã rút ra từ những thay đổi trong tâm hồn và tư tưởng từ khi còn ở Loyola, lúc còn đau chân. Về hiến pháp Cha nói tối nay sẽ kể chuyện.

Ngày hôm đó, trước cơm tối Cha gọi tôi. Cha có vẻ như đang cầm trí hơn lúc bình thường, và một lúc lâu như là để thanh minh, Cha nói rằng: khi kể các chuyện trên, Cha chỉ có ý ngay lành và đơn sơ, và bảo đảm chắc chắn Cha không thêu dệt thêm điều gì. Cha nói thêm rằng từ khi bắt đầu phụng sự Chúa, Cha đã xúc phạm đến Chúa nhiều lần, nhưng không bao giờ Cha cố ý phạm tội trọng mà trái lại, Cha càng thêm sốt sắng, nghĩa là ngày càng tìm thấy Chúa dễ dàng. Lần nào, lúc nào muốn gặp Chúa, Cha được gặp ngay. Lúc này, Cha vẫn có nhiều thị kiến đặc biệt như đã kể trước, thấy Chúa Kitô như hình mặt trời. Cha hay thấy các thị kiến này như khi Cha bàn luận về các công việc quan trọng: thị kiến này chuẩn xác các quyết định (112).

100. I-Nhã cũng hay nhận được các thị kiến lúc đang làm Lễ và khi soạn thảo hiến pháp dòng. Điều này có thể xác định chắc chắn, bởi vì mỗi ngày Cha đều viết ra những biến chuyển trong tâm hồn và hiện giờ các tài liệu ghi chép về chúng vẫn còn đó. Vậy Cha cho tôi thấy một chồng giấy khá lớn và đọc cho tôi nghe một phần đáng kể. Phần nhiều diễn tả các thị kiến chuẩn xác những điều lệ trong hiến pháp, có khi thấy Chúa Cha, có khi cả Ba Ngôi, có khi Đức Mẹ đang cầu bầu hoặc đang phê chuẩn các điều lệ.

Đặc biệt, Cha kể về một lần khi đang nhận định về một điều lệ trong luật dòng là các nhà thờ của dòng có nên có nguồn lợi riêng không. Lần đó, Cha đã dùng 40 ngày để nhận định và làm lễ mỗi ngày cho ý chỉ trên. Trong suốt những Thánh Lễ ấy, Cha đã khóc rất nhiều

101. Lúc soạn hiến pháp Cha thường áp dụng phương pháp dưới đây: Mỗi ngày, Cha dâng Lễ, trình bày ý định điều lệ đang viết và cầu nguyện về điều đó. Mỗi lần dâng Lễ và cầu nguyện thì không cầm được nước mắt.

Tôi mong nhìn xem tất cả các giấy tờ viết về Hiến Pháp, và xin Cha để cho tôi xem một thời gian, nhưng Cha không cho.

CHÚ THÍCH PHẦN LỜI TỰA

(1) Lễ này được bãi bỏ sau Công Đồng Vaticanô II.

(2) Trong năm thánh 1550-1551 thánh Phanxicô Borja, lúc ấy đã vào Dòng Tên rồi, nhưng còn giữ kín, nên người ta vẫn gọi là Công Tước xứ Gandía, đến Rôma hành hương và để gặp thánh I-Nhã. Trong thời gian ấy, thánh nhân lưu trú tại một căn nhà trong khuôn viên Dòng Tên ở Rôma. Từ đó, người ta quen gọi căn nhà ấy là *nhà công tước*.

(3) Hành hương Giêrusalem là một việc chỉ những người đạo đức lắm mới làm; thánh I-Nhã sợ người ta sẽ coi mình là người đạo đức, và như vậy là rơi vào hư danh.

(4) Các cha trong Dòng cố thuyết phục thánh I Nhã kể lại cuộc đời của ngài như là một di chúc cho anh em trong Dòng. Lúc đó việc soạn thảo Hiến Chương Dòng Tên đã xong nên ngài cũng bớt bận rộn. Hơn nữa, thánh I-Nhã cũng đã suy yếu nhiều.

(5) Cha Câmara đã không ghi lại những điều này vì chỉ muốn tập hồi ký mang tính cách một di chúc và giáo huấn cho anh em trong Dòng.

(6) Học viện Rôma, nay là Đại Học Grêgôriana

(7) Việc Đức Thánh Cha ủy thác cho nhà Dòng gửi một thượng phụ sang Êthiôpia.

(8) Tên của ngôi nhà mới mua, ngay sát trụ sở nhà Dòng.

(9) Một trong những qui tắc do thánh I-Nhã soạn, theo đó không được nhìn thẳng vào mặt người khác khi nói chuyện

CHÚ THÍCH

Trần Minh Quân, s.j.
Kevin Dyer, s.j.

(1) Nếu tinh ý, chúng ta sẽ thấy có một vài chi tiết không nhất quán về năm tháng mà Thánh I-Nhã phạm phải khi kể lại câu chuyện về cuộc đời của Ngài cho Cha Câmara. Chiếu theo lời chứng của bà đỡ, Thánh I-Nhã sinh năm 1491. Nhưng theo I-Nhã, tại Pamplona, vào tháng 5 năm 1523, Ngài được 26 tuổi. Điều này có nghĩa là Người sinh năm 1495. Chỉ vài chương sau (đoạn 30), Ngài lại cho rằng mình đã 62 tuổi vào năm 1555, hay nói khác đi, Ngài sinh năm 1493. Cùng một con người, ba năm sinh khác nhau. Bạn và tôi có thể không quan tâm lắm về sự khác biệt ấy, nhưng các nhà sử học đã có một lý do chính đáng để tự hỏi: năm nào mới là năm sinh thực của I-Nhã? Có lẽ I-Nhã đã không nhớ ngày tháng cách chính xác khi kể chuyện (human error), hoặc đối với Ngài, ngày tháng không quan trọng cho bằng những gì Chúa đã làm trên bản thể đời mình.

(2) Đam mê võ thuật hoặc danh tiếng trước mặt người đời, tự bản chất không phải là điều xấu. Nhưng nếu không được xử dụng đúng mức, chúng có thể thành thứ vũ khí không tên, lôi kéo ta ra khỏi quỹ đạo của lòng yêu thương, tin cậy và khiêm hạ trước Nhan Thánh của Thiên Chúa.

(3) Xưng tội với một người giáo dân khi không tìm thấy một linh mục là một thói quen mà dân chúng thời trung cổ thường làm. Nó diễn tả hành vi sám hối và sự khao khát muốn giao hòa cùng Thiên Chúa của họ. Hành vi này được các vị giáo quyền thời trung cổ khuyến khích. Tuy nhiên, giáo hội thời ấy không bắt buộc giáo dân phải xưng tội với nhau.

(4) Các bác sĩ phẫu thuật khi giải phẫu cho I-Nhã đã không dùng thuốc mê vì y khoa thời bấy giờ chưa phát triển như hiện nay.

(5) Cuốn "Cuộc Đời Chúa Kitô" được viết bởi Ludolph of Saxony và cuốn kia do Jacobus de Voragine viết. Chúng ta có thể tìm các cuốn sách của hai tác giả này ở các thư viện Dòng Tên.

(6) Không ai biết chắc danh tánh của vị tiểu thơ nọ. Có lẽ nàng chính là công chúa Catalina, em gái của hoàng đế Charles V. Vị công chúa này sau kết hôn với John III, vua nước Bồ Đào Nha.

(7) Ở thời điểm này, chúng ta nên thông cảm với Ngài. Vì như một tân binh tập tễnh theo chân Thày Chí Thánh, I-Nhã còn chưa hiểu rõ con đường nào là con đường Thiên Chúa thực sự muốn ông đi. Bởi đó, I-Nhã đam mê được trở nên giống mọi thánh nhân mà ông đọc được.

(8) Các tu sĩ Dòng Tên đồ đệ của Thánh I-Nhã luôn mong ước được hiểu rõ bằng cách nào mà I-Nhã đã viết ra những bài tập Linh Thao để đời. Ở đây, chúng ta bắt đầu được nghe chính Thánh nhân kể lại những kinh nghiệm người rút tỉa được từ những năm tháng đầu theo Chúa. Cũng chính từ giờ phút ấy, mà các phần nhận định và phân biệt thần loại được thai nghén và thành hình. Theo ngôn từ của I-Nhã, nhận định là một hành vi nhìn thẳng vào đáy thẳm của nội tâm hầu tìm cho ra và phân biệt cho được. Ở đây, kinh nghiệm của những lần nghĩ về vinh quang trần thế chỉ cho Ngài một chút cảm giác thoáng qua. Chúng chẳng tồn tại lâu và mong manh chóng vỡ như bọt nước. Nhưng những tư tưởng về các điều lành thánh lại đem đến cho Ngài niềm an ủi và hoan lạc vô song, chẳng những trong hiện tại mà còn kéo dài đến tương lai. Thiên Chúa là Đấng quyền năng. Ân huệ của Người bền vững đến thiên thu. Chẳng có gì thuộc về Thiên Chúa mà lại chóng tàn cả. Từ suy nghĩ đó, I-Nhã đã đi đến một kết luận vô cùng hữu ích cho những ai muốn học hỏi cách phân biệt thần loại: những khao khát, những tư tưởng chỉ đem lại sự bình an mang tính cấp thời và mau chóng vỡ tan như bong bóng là những tư tưởng đến từ thần dữ , vì thần dữ chẳng có gì để cho đi, mà chỉ chấp nhận sự nhượng bộ tạm thời hầu vĩnh viễn chiếm đoạt hồn ta mà thôi. Trái lại, tư tưởng kia đến từ Thiên Chúa. Một trong những suy tư đến từ Thiên Chúa trong kinh nghiệm riêng của I-Nhã là tư tưởng được hành hương về Đất Thánh – một hành vi đạo đức đáng trân trọng thời bấy giờ.

(9) Thế mới hay sức mạnh của các truyện và các sách đạo đức. Vì lý do này, I-Nhã luôn luôn khuyến khích kẻ theo người hãy trau dồi lòng yêu mến Chúa bằng việc đọc các sách thiêng liêng. Dù chẳng phải là mục đích, nhưng chúng là những phương tiện giúp ta yêu mến và gần gũi Chúa nhiều hơn.

(10) Thị kiến này là một trong những ví dụ cụ thể mà I-Nhã muốn đưa ra để minh chứng điều đến từ Thiên Chúa luôn luôn kèm theo tính kiên định và trường tồn. Tuy nhiên, ta cần phân biệt giữa ân sủng Chúa ban và ơn huệ ta muốn nài xin. I-Nhã không xin Chúa ban cho ông được ơn chẳng còn đam mê những thú vui xác thịt. Điều ông nhận được đến cách nhưng không từ Thiên Chúa. Rất có thể có lúc bạn và tôi cũng ước mong được ơn như I-Nhã. Nhưng một lần nữa, mong rằng chúng ta không hiểu lầm ông khi cho rằng I-Nhã khuyến khích mọi người hãy xin cho được một ơn là chẳng còn chút đam mê xác thịt nào. Đọc lại những trang tự thuật của Ngài, I-Nhã không nói các đam mê xác thịt không bao giờ đến. Ngài chỉ nói, Ngài chẳng lấy làm thích thú nữa mà thôi. Thế nên cám dỗ có thể vẫn còn đó, nhưng điều

quan trọng là ta làm gì đối với chúng. Ngoài ra, hy vọng chúng ta cùng đồng ý ở một điểm: xin là việc của ta, biến đổi và trao tặng là việc của Chúa.

(11) Dù chẳng nói ra nhưng ông anh của I-Nhã phần nào cũng đoán ra ý định của em mình. Thế nên ông đã đưa I-Nhã rảo qua các phòng trong lâu đài Loyola, nơi chứa đựng những chứng tích và vinh quang của dòng họ. Hồi ấy, việc hành hương đi Jerusalem là một việc vô cùng gian khổ. Kẻ lữ hành phải từ bỏ tất cả và nhiều khi phải sống như những người ăn mày. Có hai loại người đi hành hương. Một là những người phạm tội thật nặng như chối đạo, giết người hay hãm hiếp. Họ bị các cha giải tội bắt đi hành hương trong một thời gian như là việc đền tội. Hai là những kẻ thật thánh thiện muốn làm điều này vì yêu mến Chúa và khao khát nên thánh. I-Nhã thuộc loại người thứ II. Nhưng bất kể thuộc loại nào, việc ra đi bỏ lại đằng sau tất cả danh vọng và tiếng tăm là điều mà gia đình ông sẽ khó lòng chấp nhận. Đấy là lý do tại sao anh của I-Nhã chẳng muốn ông ra đi.

(12) Người Lữ Khách ở đây ám chỉ Thánh I-Nhã.

(13) Cách suy nghĩ này không thể coi là kim chỉ nam cho việc nhận định ý Chúa. Khi kể lại chuyện này, I-Nhã muốn ta nhận ra rằng vào thời điểm ấy, khả năng nhận định của Ngài còn rất đơn sơ, nếu không muốn nói là khá thô thiển.

(14) Cha giải tội của I-Nhã lúc đó tên là Cha Dom Jean Chanones. Chính vị linh mục này đã giúp I-Nhã xưng tội tổng quát (xưng mọi tội đã phạm từ lúc có trí khôn đến ngày hôm ấy) và đưa cho Ngài cuốn Cẩm Nang Thực Tập Đời Sống Thiêng Liêng, được viết bởi một Cha Dòng Biển Đức tên là Cha García Jiménes de Cisneros. Một vài điểm trong tuần thứ nhất và trong phương pháp xét mình của cuốn sách Các Bài Tập Linh Thao của I-Nhã sau này đã phần nào chịu ảnh hưởng từ các tư tưởng của Cha Dòng Biển Đức nói trên. Nhà thờ I-Nhã đến hôm ấy là nhà thờ Black Virgin thuộc một tu viện Biển Đức ở Monserrate. Đây là một trong những trung tâm hành hương nổi tiếng thời đó cũng như hiện nay.

(15) Cũng từ sự kiện này mà ở nhiều tập viện Dòng Tên, vào vài đêm trước ngày khấn trọn của các tập sinh năm cuối, các tập sinh năm đầu và các tu sĩ khác sống ở tập viện thường thay nhau canh thức suốt đêm trước tượng Đức Mẹ Monserrate để cầu nguyện cho những người sắp khấn. Bản thân những người dự khấn thì đang tĩnh tâm tại một nhà tĩnh tâm nào đó trong Dòng.

(16) Chẳng những thế, chính những tập vở này đã trở nên tài liệu vô giá cho I-Nhã khi viết lại những bài tập linh thao và các phần chỉ dẫn.

(17) Hình ảnh của con rắn đem lại sự phấn chấn lúc ban đầu, nhưng lại đẩy Người đến chỗ phiền muộn về sau. Từ tính không kiên định của nó, I-Nhã nhận định rằng hình ảnh nói trên đến từ thần dữ (xem Bản Tự Thuật No. 31 ở dưới). Chính con rắn này sẽ tái xuất hiện trong trí óc của I-Nhã khi Ngài ở Paris và ở Rome.

(18) Khi thấy ta mỗi ngày tiến triển trên đường nhân đức, ma quỷ sẽ vô cùng tức giận và làm việc hăng say hơn hầu làm ta mất lòng trông cậy nơi Chúa và thả mình trong tội. Nhiều người trong chúng ta rất có thể sẽ suy nghĩ là thà sống tàn tàn, giữ đạo cách cầm chừng để ít bị cám dỗ còn hơn. Đây chính là điều mà thần dữ mong mỏi. Nhưng hãy nhớ rằng các chước cám dỗ đến trong đời ta sẽ chẳng bao giờ làm ta mất đi tình yêu của Thiên Chúa hay làm ta nên xấu hơn. Chúng là vũ khí của ma quỷ nhằm đánh gục ta trên đường nên thánh. Nếu biết dĩ độc trị độc, biết xử dụng chúng, ta sẽ tốt hơn mỗi ngày. Còn nhớ đường về Đồi Sọ không là đường phủ hoa và trải thảm. Đường ấy trái lại là con đường của sỏi đá và mạo gai. Tình yêu không thương đau là tình yêu vô nghĩa.

(19) Đây là thói quen mà I-Nhã làm trong giai đoạn này. Về sau, ông mong mỏi thói quen ấy lan rộng đến mọi người, một thói quen xem ra khá lạ lẫm đối với dân tình thời trung cổ.

(20) Sự bối rối này có lẽ bắt đầu từ trung tuần tháng năm hay đầu tháng sáu và kéo dài đến cuối tháng bảy cùng năm (1522). Bối rối là một trong những vũ khí vô cùng nguy hiểm mà ma quỷ thường dùng. Đối với những người chưa tiến nhiều trên đường nhân đức, ma quỷ chỉ cần dụ dỗ: đó không phải là tội hoặc cứ phạm đi rồi đi xưng tội thế là đủ. Nhưng đối với những ai có lòng khao khát nên thánh lớn lao như trường hợp của I-Nhã, chúng thường đánh họ bằng cách xử dụng sự bối rối: "Mày chẳng bao giờ nên thánh nổi vì mày luôn luôn dấu tội . . ."

(21) Dù đang ở trong giai đoạn đau khổ thiêng liêng như thế, ta vẫn nhận ra sự tiến triển không ngừng của I-Nhã trên đường nhân đức – từ một người chẳng chấp nhận có mái tóc kém bồng bềnh hay mặc những bộ quần áo không xứng đáng, I-Nhã đã sẵn sàng hạ mình chạy theo một con chó nếu nó có thể dẫn ông đến với Chúa. Thế mới hay cũng có khi trong cuộc đời, ta cứ mải miết tìm cách sống tốt hơn theo cách nghĩ của mình mà chẳng nhận ra ân sủng và sự biến đổi phi thường mà Chúa đã làm trên bản thể đời ta.

(22) Kinh qua chính kinh nghiệm này, I-Nhã đã đề nghị chúng ta nghĩ lại những gì xảy đến trong ngày qua phút hồi tâm. Ngài khuyến khích ta nghĩ về những khiếm khuyết đã vấp phải chẳng phải với câu hỏi tại sao tôi lại làm thế, mà là làm thế nào mà tội lỗi đã làm chủ được đời tôi trong giây phút ấy. Bằng cách hỏi làm thế nào, mỗi người chúng ta từ từ hiểu được chiến thuật của ma quỷ mà tránh được, hoặc thậm chí vô hiệu hóa chúng.

(23) Sự bối rối dẫn Ngài đến chỗ muốn bỏ cuộc và chẳng còn ham làm vui lòng Chúa nữa. Rồi những an ủi thiêng liêng đã lấy đi những giấc ngủ ngắn ngủi cần thiết. Từ ảnh hưởng của chúng, ông đi đến kết luận là nỗi an ủi thiêng liêng cám dỗ ông chìm vào suy tư và bỏ cả giấc ngủ là nỗi an ủi giả tạo đến từ thần dữ. Những kinh nghiệm ấy từng bước giúp I-Nhã hiểu rõ hơn về cách làm việc của các thần. Khả năng nhận định của ông bắt đầu phát triển và bén nhạy hơn. Sự hiểu biết này chính là nền tảng của nguyên tắc phân loại các thần trong cuốn Các Bài Tập Linh Thao về sau (LT # 313-336).

(24) Lúc này, I-Nhã bắt đầu đi qua giai đoạn thứ III ở Monserrate: giai đoạn mạc khải thiêng liêng. Chính trong thời gian đó, Người đã trải qua 5 cảm nghiệm thần bí (Xem Bản Tự Thuật No. 28 – 30). Nếu để ý, ta sẽ thấy có một sự biến chuyển đột ngột trong cách kể của I-Nhã (sự chuyển văn trong No. 27). Thật vậy, I-Nhã đã kể cho Cha Câmera nghe lại chuyện này qua ba giai đoạn: lần I vào tháng 8 hay tháng 9 năm 1553, lần II, mười bảy tháng sau, vào tháng 3 năm 1555 và lần III vào ngày 20 đến 22 tháng 10 năm 1555.

(25) Ba phím đàn dương cầm, mỗi phím tạo một nốt nhạc, nhưng cả ba lại hòa hợp trong một cung điệu thuần nhất.

(26) Khao khát của I-Nhã lúc này đã chuyển sang hướng muốn phục vụ tha nhân và đồng thời thánh hiến bản thân.

(27) Hình như đó là Nhà Thờ Thánh Phaolô.

(28) Đây là một trong những cảm nghiệm thiêng liêng quan trọng đã biến đổi cả tầm nhìn của I-Nhã. Có lẽ chúng ta sẽ thấy cả năm cảm nghiệm thiêng liêng đều khó hiểu và chẳng có ý nghĩa. Thật ra, không phải ai cũng được Chúa ban cho ân sủng được trải qua một cảm nghiệm thiêng liêng. Chính vì lẽ đó,

những kinh nghiệm mà I-Nhã trải qua khó có thể diễn tả trên giấy trắng mực đen như những câu chuyện bình thường khác. Một cảm nghiệm thiêng liêng (mystical experience) theo truyền thống thường bắt đầu bằng một trạng thái lâng lâng khó tả, cảm giác mất thời gian và không gian tính. Tất cả trong chốc lát được phủ tràn bằng những cảm nghiệm tuyệt vời - mọi suy tư, nghi hoặc, lắng lo, phiền muộn và ước mơ chợt tan biến chỉ còn lại dấu ấn của hoàn hảo, tự do, thánh thiện và nên một giữa hồn và xác. Nhưng điều quan trọng hơn cho sự mạc khải ấy là thứ cảm giác tan biến, quên mình đi - bản ngã bị triệt tiêu, cái tôi đi vào quên lãng. Cần phân biệt cảm nghiệm này với kinh nghiệm tương tự mà người xử dụng thuốc phiện có thể trải qua. Những người dùng thuốc phiện chắc hẳn sẽ chẳng có khao khát cho cái "tôi" được quên đi để chữ "người" lớn dậy.

Theo truyền thống, Giáo Hội Công Giáo luôn luôn cảm nhận sức mạnh của các ơn của Chúa Thánh Thần. Ở đây, I-Nhã đã được Chúa Thánh Thần ban cho ơn hiểu biết, và bởi đó, ông ngộ ra những điều mà trước đây ông chưa bao giờ hiểu hay nghĩ tới. Ơn hiểu biết đặc biệt này tuy không phải ai cũng được ban, nhưng không phải là điều họa hiếm. Trong các câu truyện về cuộc đời của các thánh, hẳn chúng ta còn nhớ thánh nữ Catharina thành Siena, thánh Teresa Avila hay thánh Fanstina Kowalska. Tất cả các vị thánh này đã có một sự hiểu biết sâu rộng về nền tảng của sự thật và đức tin dầu họ là những con người chưa bao giờ được học hành đến nơi đến chốn.

(29) I-Nhã thường nhấn mạnh về chất lượng hơn là số lượng của những lần cảm nghiệm.

(30) Như đã dẫn ở chú thích 17 và 23, bây giờ, sau 4 tháng suy tư, I-Nhã mới dám quả quyết là hình ảnh con mắt rắn kia đến từ ma quỷ. Sau này, người xử dụng kinh nghiệm nói trên cho các nguyên tắc nhận định của tuần thứ II trong Linh Thao (LT # 328-336): "Khi kẻ thù của bản tính nhân loại bị cảm biết và bị nhận ra do cái ***đuôi con rắn*** của nó và do mục đích xấu mà nó dẫn tới . . . (ng. tắc 6)." Đối với I-Nhã, nhận định ý Chúa là một quá trình lâu dài đòi hỏi nhiều kiên nhẫn và lòng cậy trông.

(31) Từ công chính ở đây nên hiểu là I-Nhã đang được sống trong ân nghĩa của Thiên Chúa – the state of Grace. Thông thường, không ai có thể thấy hay chỉ ra được tình trạng thật của linh hồn mình mà phải dựa vào tình yêu và lòng nhân hậu của Chúa hay vào sự hướng dẫn khôn ngoan của Giáo Hội qua các bí tích hoặc qua các giáo huấn. Ở đây, I-Nhã chợt nhận được một sự linh hứng đặc biệt mách bảo ông rằng linh hồn ông rất gần gũi với Thiên Chúa. Thế nhưng điều này lại làm ông hãi kinh. Chẳng phải vì ông không ao ước sống trong tình yêu của Thiên Chúa nhưng vì I-Nhã lo rằng điều ấy sẽ dẫn ông đến chỗ kiêu căng và ham danh.

(32) Ta thấy, I-Nhã đã tiến triển rất nhiều trên đường nhân đức. Tội lỗi chẳng còn là lực cản ông đến với Chúa nữa.

(33) Làm tất cả những gì có thể để danh Chúa được cả sáng hơn bởi thế chẳng những là phương châm sống của I-Nhã cho đến suốt cuộc đời, mà còn là phương châm của toàn Dòng Tên Chúa Giêsu sau này. Ở đây ta thấy dù khao khát sống phó thác trọn vẹn vào Chúa đến độ không màng mang bạc tiền hay lương thực, nhưng sau khi nhận định và tìm hiểu ý Chúa qua cầu nguyện và qua sự hướng dẫn của cha linh hướng, I-Nhã đã không ngại bỏ ý riêng (không mang lương thực) để ý Chúa được thể hiện. Đây cũng là một ví dụ của việc thực tập từ bỏ ý riêng. Còn nhớ trước khi trở lại sống đời đạo đức, I-Nhã rất mê danh. Nay người cố tập sống khó nghèo và khiêm hạ để chiến thắng sự yếu đuối của mình.

(34) Như đã dẫn ở ghi chú thứ 11, mọi người có thể nhận biết rằng I-Nhã không phải là hạng người phạm tội tày trời. Và nếu vậy khi được biết Ngài muốn đi hành hương Đất Thánh, họ sẽ gán ghép Ngài vào loại người thứ hai: kẻ vô cùng đạo đức. Lúc đó, mọi người sẽ chú tâm, kính trọng và đồn thổi về ngài.

Khao khát được thực thi những ước mơ làm vui lòng Chúa sẽ chẳng còn thực hiện nổi cách kín đáo. Hư danh trở thành lực cản và sự chú tâm quá mức của người đời sẽ làm hỏng kế hoạch dự tính. Bởi thế, I-Nhã cố gắng dấu tất cả. Tuy vậy, đừng hiểu lầm là I-Nhã dối gạt những ai muốn hỏi ông, bởi không nói rõ lý do đôi khi không đồng nghĩa với dối trá.

(35) Loại tiền xu bằng đồng có mệnh giá rất thấp, chỉ bằng vài xu nhỏ.

(36) Khắp Âu Châu lúc đó đang phải trải qua một trận dịch hạch lớn, trận dịch đã lấy đi ¼ dân số toàn vùng.

(37) Có lẽ vì sự quan phòng và gìn giữ của Thiên Chúa mà I-Nhã cùng hai người phụ nữ kia đã có thể ra đi bằng yên. Bởi nếu không, bọn lính nọ đã có thể thủ tiêu I-Nhã để thực hiện những mưu đồ đen tối của chúng.

(38) I-Nhã phải bảo đảm với bà điều này vì ai ai lúc đó cũng sợ tiếp đón những người bệnh hoạn như ông. Biết đâu chừng ông là một trong những kẻ đang mang mầm dịch hạch.

(39) Theo thói quen thời bấy giờ, những người đi hành hương sang Đất Thánh thường ghé Roma để xin phép lành của Đức Giáo Hoàng và đón tàu đi Jerusalem.

(40) Có lẽ bạn và tôi sẽ tự hỏi tại sao người ta lại cho I-Nhã nhiều tiền đến như vậy. Thật ra, những kẻ đến Roma thường mang trong thâm tâm một khao khát muốn làm điều thiện. Thêm vào đó, khi được biết ý định của ngài muốn đi Giêrusalem, họ đã không quản ngại hỗ trợ bạc tiền, phần vì nể phục lòng đạo đức, phần khác, họ cũng mong được ngài cầu nguyện cho khi đến thành Thánh Giêrusalem.

(41) Để đề phòng dịch hạch lan tràn vào nội thành, chính quyền sở tại đã bắt những ai muốn nhập thành phải có giấy chứng nhận của bác sĩ là không mang mầm bệnh mới được vào. Tất nhiên, điều này chỉ giới hạn sự lan tràn đại dịch cách tương đối, vì y khoa thời ấy chưa phát triển, hẳn sẽ có một số người mang mầm bệnh nhưng chưa phát triệu chứng lọt lưới kiểm soát của giới y khoa

(42) Sự hiện ra này không nhất thiết phải hiểu là sự hiện ra bằng xương bằng thịt, mà chỉ là thị kiến theo nghĩa thiêng liêng như những lần trước (xem Bản Tự Thuật No. 28 – 30).

(43) I-Nhã rời Venice trên con tàu Negrona ngày 14 tháng 7 năm 1523. Tàu ấy dừng tại Jaffa ngày 31 tháng 8 để dỡ hàng và thả khách, rồi đến Giêrusalem ngày thứ sáu mùng 4 tháng 9. Dầu I-Nhã không kể lại chi tiết này cho cha Câmera, nhưng các nhà sử học biết được qua nhật ký của hai người cùng đi hành hương Jerusalem năm đó là những người Thụy Sĩ tên Peter Fussly và Philip Hagen thành Strasbourge.

(44) Điều mỉa mai là đã có khá nhiều gái làng chơi đi theo tàu, chẳng phải để hành hương mà để phục vụ các thủy thủ và hành khách trên đó (kể cả những người lữ hành). Còn nhớ một chuyến viễn dương qua biển từ Venice đến Giêrusalem kéo dài đến 51 ngày, một thời gian khá dài đủ làm lòng người nhàm chán và ma quỷ quấy động. Thấy những điều tệ hại đó, I-Nhã đã buồn lòng không ít. Nhưng để ý là ông nghiêm khắc khiển trách và khuyên nhủ họ chứ không lên án. Vì theo I-Nhã, việc kết án chẳng phải là việc của người đời mà là việc của Thiên Chúa.

(45) Vào ngày 5 tháng 9, I-Nhã cùng với nhóm hành hương đến viếng núi Sion, phòng Tiệc Ly, Nhà Thờ Đức Mẹ Sinh Thì, và Mộ Thánh. Hôm sau, mùng 6, họ đi theo con đường Thánh Giá khởi đầu từ tháp Antonia đến đồi Canvê. Ngày 7, họ viếng làng Bêtania và núi Cây Dầu. Hai ngày 8 và 9, thăm thành

Bêlem. Ngày 10 và 11 thăm làng Jehosaphat và vườn Cây Dầu. Nghỉ ngơi vài hôm, I-Nhã và đoàn lữ hành đi Jerico và ghé sông Jordan vào ngày 14. Từ 16 đến 22 tháng 9, họ dừng chân tại Jerusalem một lần nữa để rồi lại lên đường đi Jaffa ngày 3 tháng 10

(46) Đến lúc này, ngoài việc thánh hóa bản thân qua đời sống cầu nguyện và hãm mình phạt xác, I-Nhã còn đưa việc giúp đỡ tha nhân vào kế hoạch sống mỗi ngày.

(47) Vào thời bấy giờ, khách lữ hành thường trọ tại các tu viện và thường không phải trả lệ phí nào. Hơn nữa, họ lại còn được các Cha nuôi ăn uống mỗi ngày. Vì thế, đoàn lữ hành theo một nghĩa nào đó đã trở thành gánh nặng cho các Cha dòng Phanxicô ở Giêrusalem.

(48) Không tiện vì hai lẽ: một là Cha Bề Trên Giám Tỉnh chiếu theo kinh nghiệm của quá khứ sợ rằng chỉ vì tính bốc đồng nhất thời, I-Nhã muốn ở lại Thành Thánh và sau này sẽ đổi ý mà bỏ cuộc. Hai là sự căng thẳng giữa thế giới Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo thời bấy giờ. Cho phép quá nhiều người lữ hành ở lại có thể làm các người anh em Hồi Giáo nổi giận và từ đó, việc hành hương sẽ trở nên khó khăn hơn. Ngoài ra, đã có khá nhiều người lữ hành bị quân Thổ bắt, giết hoặc dùng họ như một phương tiện tống tiền các Cha.

(49) Đến lúc này, dựa trên kết quả của quá trình nhận định ý Chúa, I-Nhã khẳng định rằng việc ở lại Jerusalem là một việc làm đẹp lòng Chúa. Bởi đó, ông đã trả lời Cha bề trên giám tỉnh Dòng Phanxicô như trên. Việc trả lời thẳng thừng như thế không nên hiểu là một hành động khiếm nhã, coi thường hay thách thức các Cha dòng Phanxicô.

(50) Ở đây, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu cách thức I-Nhã nhận định ý Chúa khi không được phép ở lại Giêrusalem. Một mặt, qua cầu nguyện và kinh nghiệm bản thân, I-Nhã hiểu rất rõ rằng Chúa muốn ông đi đến và ở lại Jerusalem. Mặt khác, Cha Bề Trên Giám tỉnh dòng Phanxicô lại không cho phép và sẵn sàng rút phép thông công. Vậy đâu là ý thật của Chúa? Như chúng ta thấy, I-Nhã sau cùng cho rằng quyết định của Cha bề trên là Thiên Ý của Thiên Chúa. Thế thì chẳng lẽ Chúa lại không nhất quán trong quyết định của Người? Hay tại I-Nhã nhận định sai? Câu trả lời là I-Nhã nhận định đúng và ý của Cha Bề Trên cũng phản ánh một cách trung thành điều Chúa muốn trên bản thể đời ông. Thật vậy, từ những năm đầu sau khi trở về với đời sống tận hiến, I-Nhã đã biểu lộ lòng ao ước sống trung thành, tuân phục và yêu mến Giáo Hội, đặc biệt là các vị đại diện Thiên Chúa ở trần gian như Đức Giáo Hoàng và các đấng Giáo Quyền địa phương. Thế thì vâng phục các vị Đại Diện Đức KiTô ở trần gian phải là ưu tiên một và là điều Chúa mong ước nơi mọi người. Trường hợp của I-Nhã, trong giai đoạn nhất thời đó, dù chưa rõ điều gì tiềm ẩn đằng sau quyết định của Cha Giám Tỉnh, I-Nhã đã quả quyết và nhận định rằng lòng yêu mến và tuân phục Giáo Hội chính là điều làm danh Chúa thêm cả sáng. Thế nên Ngài vui vẻ tuân theo dù lòng rất buồn. Mãi đến sau này khi Dòng Tên hình thành, ta chợt ngộ ra lý do tại sao lại hiện hữu một điều xem ra trống đánh xuôi kèn thổi ngược: bản thân muốn ở, giáo hội bảo không cho. Quả thế, đúng là Chúa muốn I-Nhã hiện hữu và làm việc tại Giêrusalem. Nhưng Jerusalem ở đây không nhất thiết phải là một Jerusalem xương thịt nằm ở một góc nhỏ của nước Do Thái. Trái lại, nó có thể là một Jerusalem mở rộng, chẳng bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Điều này lại còn được minh xác cách rõ ràng hơn khi Đức Giáo Hoàng Phaolô Đệ Tam đã nói với I-Nhã và 10 thành viên đầu tiên của dòng khi họ trình bày ý tưởng muốn đi Jerusalem để giúp các linh hồn: “Các con có thể giúp các linh hồn ở bất cứ nơi đâu và Rôma cũng có thể là Jerusalem của các con vậy."

Ghi chú: mười thành viên đầu tiên và có thể coi là 10 vị đồng sáng lập dòng Tên là: Inigo López de Loyola (hay Ignatius of Loyola), Francis Xavier, Diego Laínez, Pierre Favre, Alfonso Salméron, Simão Rodrigues, Nicolás Bobadilla, Claude Jay, Paschase Broet, và Jean Codure.

(51) Vì họ sợ I-Nhã đi lạc hoặc bị quân Thổ bắt mà giết đi.

(52) Có một sự hiểu lầm giữa I-Nhã và nhà dòng Phanxicô. Các Cha đã ngỡ là I-Nhã cố tình trốn đi để tìm cách ở lại. Bởi thế, theo phong tục thời trung cổ và quyền năng được ủy phép cho, các Cha có toàn quyền tìm kiếm và bắt giam những ai bất phục tùng. Điều này thể hiện rõ qua hành vi kém gượng nhẹ của người giúp việc cho nhà dòng. Cũng chính vì lẽ ấy, I-Nhã cảm thấy mình bị hiểu lầm và xỉ nhục vì Chúa, nên ông trở nên vui vẻ khác thường. Người giúp việc tìm bắt I-Nhã hôm ấy là một người Syria đã trở lại đạo và làm việc cho các cha Phanxicô tại một tu viện gần núi Cây Dầu cận thành Jerusalem. Ông ta đeo một cái đai ngang hông như là một căn cước cho vai trò của mình.

(53) Vì theo truyền thuyết, xác của Thánh Giacôbê đã bay ngang qua biển như một phép lạ để đến thành phố Santiago de Compostela nước Tây Ban Nha.

(54) Hoàng Đế Charles V chính là vua Charles I của nước Tây Ban Nha. Đến ngày 12 tháng giêng năm 1519, Hoàng Đế La Mã Maximilian I qua đời. Vua Charles I nước TBN được chỉ định kế vị. Ngày 23 tháng 6 năm 1519, ông lên ngôi Hoàng Đế La Mã và lấy niên hiệu là Charles V.

(55) Tàu đuổi theo là tàu của Đô Đốc Andrea Doria người Gênôva. Nhưng về sau, vị Đô Đốc này lại trở thành đồng minh của Hoàng Đế Charles V. Chuyến đi trở về TBN như vậy là mất ngót 100 ngày.

(56) I-Nhã gặp cô Isabel Roser tại Barcelona vào hạ tuần tháng hai hay thượng tuần tháng ba năm 1523. Từ đó, cô trở thành con đỡ đầu của I-nhã và hết lòng giúp đỡ ông về tài chính trong thời gian ông trở lại trường (sự giúp đỡ ấy kéo dài đến năm 1536). Họ trở thành bạn thân cho đến ngày cô qua đời năm 1554. Cũng chính cô với tư cách của một cựu ân nhân đã nằng nặc đòi vào Dòng Tên, nhưng I-Nhã cương quyết từ chối. Tuy vậy, cô và hai người phụ nữ bạn đích thân nài xin Đức Giáo Hoàng Phaolô III cho họ được đến, ở lại tại Rôma và sống tuân phục I-Nhã như thành viên của nhánh dòng nữ. Đức Thánh Cha chấp thuận và ra lệnh cho I-Nhã nhận họ. Việc đã rồi, I-Nhã chẳng có cách gì khác hơn là vâng lệnh ĐGH. Ngày 24 tháng 12 năm 1545, họ dâng hiến tất cả những gì mình có cho nhà dòng rồi khấn trọn vào hôm sau, 25 tháng 12. Lúc này, Dòng Tên chỉ mới thành lập được 5 năm, luật dòng chưa viết xong và mọi sự vẫn còn trong bước thử nghiệm. Chỉ gần một năm sau, khoảng tháng 10 năm 1546, việc làm táo bạo của Isabel đã bắt đầu đem đến khá nhiều phiền toái và kết quả không thuận lợi cho toàn dòng. Sau khi khấn, cô đưa ra hết yêu sách này đến yêu sách khác. Nhiều điều cô đòi hỏi chẳng thể chấp nhận được. Cô vẫn tiếp tục sống theo ý mình và bắt các Cha phải linh hướng triền miên giờ này sang giờ khác cho cô. Số giờ cô được linh hướng nhiều hơn số giờ của tất cả các Cha sống tại Rôma cộng lại. Chẳng ai còn nhiều thời gian để làm các việc khác như xưa. Bởi thế, ngày mùng 1 tháng 10 năm 1546, Isabel cùng hai người phụ nữ kia được giải mọi lời khấn, mọi ràng buộc, mọi nghĩa vụ và được yêu cầu rời dòng. Theo các nhà sử học, Isabel về một nghĩa nào đó là người phụ nữ đầu tiên và là cũng một trong 4 nữ tu Dòng Tên trong lịch sử. Tuy nhiên, nhiều sử gia khác như Cha John Padberg, S.J. lại phủ nhận điều này. Vì theo Cha, dù I-Nhã nhận lời khấn của Isabel và hai người bạn, nhưng những ngôn từ được viết trong bản tuyên khấn của họ không giống như bản tuyên khấn của các nam tu sĩ khác. I-Nhã đã khéo léo viết lại và trong bản tuyên khấn ấy chẳng có chữ nào nhắc đến việc gia nhập Dòng Tên cả. Như vậy, về nguyên tắc họ chưa bao giờ chính thức là một nữ tu Dòng Tên. Cũng chính qua kinh nghiệm này, I-Nhã đã xin ĐGH Phaolô III ra một chiếu thư (năm 1547) ngăn cấm Dòng Tên được lập dòng nữ. Quyết định này sau được đưa vào luật dòng (*De foeminis in Societatam non admittendis*) và không ai còn bàn cãi đến việc nên hay không nên lập dòng nữ nữa.

Người phụ nữ thứ tư trong Dòng Tên là công chúa Juanna d' Austria. Cô công chúa này lập gia đình với 1 vị hoàng tử nước Bồ Đào Nha năm 17 tuổi (1552). Tiếc thay, chỉ 2 năm sau, chồng cô, người tưởng

chừng sẽ lên ngôi hoàng đế qua đời. Juanna trở về Tây Ban Nha. Khi anh của Juanna là hoàng thân Philip đệ nhị sang sống ở bên Anh với vợ là bà Hoàng Mary Tudor, ông đã chọn công chúa Juanna làm nhiếp chính. Từ năm 1554 đến năm 1559, cô thay anh cai trị nước TBN. Cũng như Isabel, Juanna khao khát được trở thành tu sĩ Dòng Tên. Chẳng tham khảo với bất cứ ai trong hoàng tộc, cô bí mật trình bày ước mơ của mình cho Cha Francis Borgia, một cha Dòng Tên người TBN. Tin này làm các cha Dòng Tên vô cùng lo lắng. Thật vậy, Dòng Tên khi ấy chỉ mới trên dưới 15 tuổi. Cha của cô, Hoàng Đế Charles V và anh cô hoàng thân Philip II đang dự định mai mối cô cho một gia tộc danh giá khác, nếu nhận cô thì có khác chi là tuyên chiến với họ. Mặt khác làm sao một dòng non trẻ lại có thể chối từ khao khát của một nhiếp chính nước TBN? Nhưng nếu mọi sự tốt lành, việc công chúa Juanna gia nhập dòng sẽ là một bảo đảm vô giá cho sự tồn tại và phát triển Dòng Tên tại TBN vốn vẫn còn yếu kém. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và nhận định đúng sai, năm 1554, I-Nhã đã nhận cô vào dòng (10 năm sau ngày Isabel, người phụ nữ thứ I như đã kể trên khấn trọn). Điều thú vị là vì Đức Phaolô III đã ra chiếu thư ngăn cấm Dòng Tên lập dòng nữ theo lời yêu cầu của I-Nhã, Juanna được nhận vào dòng như một thành viên chính thức ngang hàng với mọi nam tu sĩ khác mà không phải là một ngành nữ mới như các sơ Đaminh hay Phanxicô. Tuy nhiên, để hóa giải những căng thẳng có thể có với hoàng triều TBN, I-Nhã cho cô gia nhập dòng trong tư cách của một chủng sinh vĩnh viễn. Nói cách khác, cô là một tu sĩ Dòng Tên thực thụ, nhưng sẽ không bao khấn trọng (solemn vows) mà chỉ khấn trọn (simple perpetual vows) thôi, và lời khấn trọn có thể hóa giải dễ dàng. Bởi nếu không, chiếu theo luật Giáo Hội, mọi tài sản của cô sẽ chẳng còn được giữ; đồng thời, cô sẽ chẳng bao giờ được lập gia đình nữa. Ngày Juanna khấn trọn, mọi người bí mật vui mừng. Vì tư cách và vị thế danh giá của cô, I-Nhã muốn Juanna vẫn tiếp sống trong hoàng cung. Lời khấn khó nghèo của cô mang tính chất khó nghèo trong tinh thần hơn là vật chất. Lời khấn khiết tịnh có ý nghĩa là sẽ không lập gia đình nữa và lời khấn vâng lời được thể hiện qua những bức thư cô gửi cho I-Nhã và Cha Borgia sau này. Dù cẩn trọng đến thế, I-Nhã và các Cha Dòng Tên vẫn thấy một khả năng là sẽ có nhiều phụ nữ danh giá và quyền quý khác áp lực nhà dòng nhận họ. Thế nên tên tuổi của Juanna và việc cô nhập dòng được hoàn toàn dấu kín. Khi cần nói hay ám chỉ tên cô, các Cha thường dùng tên giả như Mateo Sanchez hay Montoya thay vì Juanna. Cô mất năm 1573 lúc 38 tuổi. Trong thời gian ở trong dòng, cô đã dùng ảnh hưởng của mình kín đáo giúp đỡ Dòng Tên phát triển mà không lộ tông tích tu sĩ của mình. Đúng là một phụ nữ, một tu sĩ khiêm nhượng. Và theo Cha John Padberg, S.J., Juanna mới thực sự là nữ tu sĩ Dòng Tên đầu tiên và duy nhất.

(57) Tiếng La Tinh hồi đó là ngoại ngữ bắt buộc cho những ai muốn theo học các môn triết và thần học. Vì I-Nhã không biết một chút gì về tiếng La Tinh nên cô Isabel đã giới thiệu Ngài cho thày giáo Ardèvol. Cứ tưởng tới hình ảnh của I-Nhã lúc bấy giờ: một thanh niên 34 tuổi ngồi chung với một đám lau thau đánh vần ê a mỗi ngày chắc bạn và tôi không khỏi phì cười.

(58) Kinh nghiệm này được phản ánh qua các quy tắc nhận định trong cuốn Các Bài Tập Linh Thao (LT # 326 & 332).

(59) Các bạn bè của ông là: Calixto de Sa, Lope de Cáceres và Juan de Arteaga. Lúc ấy I-Nhã bắt đầu tìm kiếm các bạn có cùng chí hướng sống đời mục vụ.

(60) Cuốn Luân Lý Học của Đaminh Soto có lẽ là bản thảo của tác phẩm *Summulae* in năm 1524. Cuốn Vạn Vật Học của Albertô Cả là những bài bình luận về những tư tưởng của Aristotle về khoa học tự nhiên. Còn cuốn Sách Luận Đề của Peter Lombard được dùng rộng rãi trong giới các nhà thần học kinh viện thời bấy giờ. Điều đáng tiếc là I-Nhã muốn học tất cả các môn này một lúc, nên ông không tránh khỏi những khó khăn trong việc tiếp thu chúng. Chính vì vậy mà sau này, I-Nhã muốn các chủng sinh Dòng Tên lấy các môn này một cách có hệ thống hơn.

(61) Trước đó I-Nhã có nhắc đến những cuộc đàm đạo về những vấn đề thiêng liêng (xem Bản Tự Thuật No. 34 và 37) tại Manrêsa và Barcelôna. Ở thời điểm này, đây là lần đầu tiên ngài nói đến việc hướng dẫn Linh Thao.

(62) Diego de Guína sau gia nhập Dòng Tên năm 1540 và đã có một thời gian dài làm Cha giải tội cho I-Nhã.

(63) Lúc đó toàn nhóm của I-Nhã dù không phải là linh mục hay tu sĩ và Dòng Tên cũng chưa ra đời nhưng họ đều mặc áo len thô giống nhau. Điều này đã tạo ra một sự nghi ngờ lớn. Các giới chức thần quyền và thế quyền địa phương cho rằng nhóm của đang I-Nhã mưu toan lập nên một đạo mới (như Martin Luther lập đạo tin lành). Hay thậm chí gán ghép nhóm của ông là nhóm những Kẻ Giác Ngộ - nhóm những người thuộc một phong trào thần bí nở rộ tại Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI. Một số trong nhóm này thực sự có đời sống rất đạo đức. Nhưng đa số lại mù mờ, dở hơi, không nhất quán lại luôn cho rằng mình được thấy những thị kiến lạ, hay những mạc khải đáng hồ nghi. Họ cho rằng họ đã tu tập đến một giai đoạn mà Giáo Hội trở nên dư thừa, không cần thiết. Vì lẽ đó, tòa án dị giáo của Giáo Hội bấy giờ rất nghiêm khắc và thẳng tay với họ. Chỉ trong năm 1526, tòa dị giáo đã kết tội 48 người trong phong trào đó. Và bởi thế, sự hồ nghi bao trùm khắp vùng Alcalá, một hành động lạ lẫm cũng dễ bị coi là hành động của nhóm Giác Ngộ.

(64) Cha Figueroa cũng là Cha tổng đại diện của Tổng Giáo Phận Tôlađa.

(65) Anh thanh niên người Pháp này đã gia nhập nhóm của I-Nhã tại Alcalá.

(66) Như đã dẫn ở chú thích số 63, I-Nhã bị bắt vì bị tình nghi là kẻ rối đạo. Hồi ấy đạo tin lành mới thành lập và bị coi là thệ phản - nhóm phản bội giáo hội. Vì ao ước muốn bảo toàn sự hiệp nhất và chính thống, giáo hội Công Giáo trở nên vô cùng nghiêm khắc và sẽ đem ra tòa, kết án, xử tù hay thậm chí thiêu sống những người rối đạo.

(67) Nếu I-Nhã dạy môn đệ ông như thế, thì đó là chứng cớ kết tội ông là theo Do Thái Giáo (nghỉ ngày Sabát vào thứ bảy). Nghĩ rằng người Do Thái có trách nhiệm trước cái chết của Chúa KiTô và họ là những người khước từ đạo thánh, Giáo Hội thời trung cổ rất kỳ thị người Do Thái.

(68) Hai mẹ con bà tên là bà María del Vado và cô Luisa Velázquez. Cãi lại lời khuyên của I-Nhã, hai mẹ con bà nhất quyết đi hành hương thăm Nhà Thờ Veronica (nơi theo tục truyền là có giữ khăn bà Veronica lau mặt Chúa) ở Jaen miền Nam nước TBN. Chính vì sự vắng mặt đột ngột của hai mẹ con bà, một số người bắt đầu nghi kỵ và cho rằng I-Nhã có ý muốn làm bậy hay chí ít xúi bẩy mẹ con bà bỏ nhà trốn đi.

(69) Một người bạn trong nhóm đồng chí hướng của I-Nhã tại Manrêsa. Xem chú thích số 58.

(70) Thánh I-Nhã dè dặt vì cách lý luận đó cho thấy Cha phụ tá nghi ngờ họ theo phe lạc giáo Alumbrađô đã bị kết án mấy năm trước (1523). Theo phe này thì quan trọng hơn hết là kết hợp với Chúa Thánh Thần, khỏi cần theo chỉ thị của hàng giáo phẩm.

(71) Êrasmô là một nhà nhân văn nổi tiếng thời bấy giờ. Ông này có khá nhiều người yêu thích và ủng hộ, nhưng cũng có rất nhiều kẻ thù. Kẻ không ưa Êrasmô cho rằng những lời chỉ trích mà ông đưa ra về những lạm dụng của Giáo Hội đương thời là thiếu tôn trọng và thậm chí có tính rối đạo nữa. Khi I-Nhã

ở Salamanca, có một số Cha dòng Phanxicô và Đaminh rất ghét Êrasmô và luôn nghi ngờ những ai có tư tưởng tương tự.

(72) Đây là lần đầu tiên I-Nhã nhắc tới các bản thảo Linh Thao của mình (trước đó Ngài có nhắc tới hướng dẫn LT mà không hề nói về các bản thảo).

(73) Ông tú này thường hỏi I-Nhã bằng cách đưa ra các trường hợp thật hay hư cấu để thử xem sự hiểu biết về luật giáo hội của I-Nhã đến đâu.

(74) Vì các thẩm phán này làm việc cho địa phận Salamanca, nên bản án của họ về nguyên tắc chỉ có hiệu lực trong nội bộ của địa phận ấy. Bên cạnh đó, chúng ta cần nhớ là bản án họ đưa ra chẳng có điểm nào kết tội những gì I-Nhã đã làm. Thế nên dù lòng khao khát tuân phục, I-Nhã cũng dứt khoát trình bày tư tưởng của mình, nhất là khi thấy quyết định của các thẩm phán kể trên không phải là quyết định phản ánh lập trường của toàn giáo hội.

(75) Khác với các vùng xung quanh, tại Paris, sinh viên được dạy theo phương pháp và thứ tự trước sau, không quá dễ dãi, cũng không quá nhồi nhét. Bởi thế chẳng những cậu sinh viên lớn tuổi I-Nhã (37 tuổi) mà mọi sinh viên đều tiếp thu rất nhanh. Vì lẽ đó, I-Nhã quyết định dùng phương pháp giáo dục ấy cho các trường của Dòng Tên say này.

(76) Chính vì kinh nghiệm thương đau ấy, I-Nhã đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các chủng sinh trong dòng. Và từ đó trở về sau, không chủng sinh nào phải quá vất vả với việc kiếm cơm qua ngày trong lúc cắp sách nữa.

(77) Ngài thực hiện các chuyến đi quyên tiền này vào các năm 1529, 1530 và 1531. Trong chuyến đi năm 1529, I-Nhã đã gặp gỡ và nói chuyện với nhà nghiên cứu nhân văn Luis Vives, một trong các nhà cải cách giáo dục nổi tiếng thời đó.

(78) Những đợt Linh Thao ấy đã biến đổi và ảnh hưởng sâu đậm cuộc đời của họ, đến mức mọi người coi họ là những tên sinh viên ngốc nghếch và I-Nhã bị cho là kẻ cầm đầu. Pêralta sau trở thành một nhà giáo luật của nhà thờ chính tòa Toledô, còn Castro thì vào dòng của các Cha Cartusiô.

Một yếu tố lịch sử cần nhớ là lòng đạo đức của dân chúng thời đó rất xa sút, một phần do sự lạm dụng và suy đồi của một thiểu số các linh mục, giám mục và tu sĩ khắp nơi. Nạn mua bán ân sủng và ơn toàn xá đã làm người người mù quáng sống chiều theo ý riêng hơn là chăm lo việc đạo đức. Nghĩ mà xem, nếu tôi có sống bê bối đi nữa thì giấy chứng nhận mua vài chục ngàn ngày ân xá từ tòa giám mục địa phương hẳn sẽ đem tôi ra khỏi luyện ngục sớm hơn, hay thậm chí cho tôi vào thẳng Thiên Đàng mà không cần quá cảnh nơi nào. Thế nên Thiên Đàng và ơn huệ Chúa ban chẳng còn là những món quà cho không biếu không xuất phát từ tình yêu nhân hậu của Thiên Chúa. Trái lại, những món quà ấy có thể mua bán, trao đổi qua các đại diện của Chúa ở trần gian là các tòa giám mục. Dân chúng đương thời hoặc chẳng hiểu biết cứ lao vào mua bán những tấm vé vô nghĩa những mong vào được Thiên Quốc. Họ cố công làm việc thiện chẳng vì yêu nhưng vì nghĩ rằng cũng như bao thứ khác, Thiên Đàng có thể mua được (vì các vị đại diện Giáo Hội dạy thế). Một số khác tỏ ra bất mãn tự sống xa đọa bỏ mặc mọi sự. Các nhà lãnh đạo thần quyền và thế quyền dẫu thấy cảnh chướng tai gai mắt đi nữa cũng không dám từ chối những món lợi nhuận khổng lồ đem lại qua các cuộc mua bán hay qua việc đánh thuế dân tình. Một số nữa lên án Giáo Hội, đòi hỏi một canh tân đổi mới và từ đó tách rời Giáo Hội mẹ mà thành lập giáo hội riêng như Martin Luther. Nhóm cuối âm thầm trung thành với mẹ mình nhưng quyết tâm sửa đổi khởi đi từ cung cách sống khiêm hạ của mỗi cá nhân, chuyên lo cầu nguyện, ăn chay hãm mình, giúp đỡ

các linh hồn và phó thác phần rỗi của mình trong tay Chúa như nhóm của I-Nhã. Dầu thế, hành động đó là một hành động đi ngược với trào lưu đương thời và bị coi là ngu dại.

(79) Từ đoạn này trở về sau, Cha Câmera thôi dùng tiếng TBN nhưng dùng tiếng Ý vì không có thư ký nào biết tiếng TBN để giúp Cha đánh máy lại các bản ghi chép câu chuyện tự thuật của Thánh I-Nhã.

(80) Bà Lêônor Mascarenhas là một người phụ nữ quý phái bạn của bà Isabella. Khi Isabella sang Bồ Đào Nha lấy Hoàng Đế Charles V, bà Lêônor đã đi theo vị Hoàng Hậu này. Vì mối quen biết đó mà I-Nhã mới nhờ bà can thiệp. Từ đó trở về sau, bà luôn luôn giúp đỡ nhà dòng và trở thành một ân nhân lớn của họ.

(81) Vào ngày lễ Thánh Rêmy, I-Nhã dự định sẽ chuyển sang trường đại học Thánh Barbê để theo học phân khoa triết. Trong hai năm đầu, các sinh viên khoa triết thường học môn logic, năm thứ ba họ sẽ học về triết Aristotle, triết siêu hình học, và đạo đức học.

(82) Việc làm này rất giống với điều ông đã làm hồi còn ở tại Barcelôna. Qua nhận định, I-Nhã nhận ra các kinh nghiệm của những cơn cám dỗ và bởi đó, ngài đã trình bày với một cố vấn khôn ngoan. Những kinh nghiệm này sau được đưa vào quy tắc phân biệt thần loại (xem LT # 325-327).

(83) Phanxicô Xavier đến từ Navarra, còn Phêrô Favre từ Savoy. Hai vị này là hai người đầu tiên trở thành môn đệ vĩnh viễn của I-Nhã. Ở Pari, I-nhã cũng kiếm được các môn đệ trung thành khác là Simão Rodrigues người Bồ Đào Nha (ông này là bạn thân của I-Nhã từ năm 1532), Diego Laínez, và Alfonso Salmerón các sinh viên người TBN. Diego và Alfonso biết I-Nhã từ hồi ông còn ở tại Alcalá. Cả hai đến Paris tìm I-Nhã vào năm 1533 rồi từ đó trở thành môn đệ của ngài. Người khác là anh chàng TBN tên là Nicolás Bobadilla (nhập nhóm năm 1533). Dầu vậy, lúc kể lại cho Cha Câmera chuyện này, I-Nhã chỉ nhắc tới tên của hai người đầu tiên. Có lẽ là tại vì hai vị này đã qua đời (Phêrô Favre qua đời năm 1546 còn Phanxicô Xavier vào năm 1552). Vào năm 1534, I-Nhã hướng dẫn Linh Thao cho tất cả bọn họ: cho Favre vào tháng giêng, Laínez và Salmerón vào mùa xuân, Rodrigues và Bobadilla ít lâu sau đó và cho Xavier vào tháng 9 (sau khi Xavier cùng khấn với cả nhóm vào ngày 15 tháng 8 ở Montmartre).

(84) Bao nhiêu tiền thì không ai biết rõ. Hồi đó tại Paris ở một số trường Đại Học, các sinh viên thường ngồi trên một tảng đá trong khi trả lời các giám khảo (như là một cử chỉ khiêm nhu). Lúc lấy bài thi này, I-Nhã đứng thứ 30 trên tổng số 100 thí sinh. Vào ngày 13 tháng 3 năm 1533, ông thi đậu một bài khảo thí cuối khó hơn và nhận được bằng cử nhân. Bằng này cho phép ông được dạy tại Paris hay bất cứ nơi nào trên thế giới (các tu sĩ Dòng Tên sau này cũng thường lấy một bằng tương tự. Nhưng theo bằng cấp thời nay, bằng này cao hơn cấp cử nhân và tương đương với một bằng cao học). Vào 14 tháng 3 năm 1534, I-Nhã thi đậu bằng cao học.

(85) Lý do I-Nhã do dự không biết có nên lấy bằng cao học hay không, ngài không nói ra. Nhưng có lẽ lấy bằng này sẽ là bằng chứng của việc ham danh. Hoặc cũng có thể việc trả lệ phí cho đợt thi đi ngược với khao khát sống thanh bần của ngài.

(86) I-Nhã bị đau như thế trong suốt cuộc đời. Bác sĩ nào cũng chẩn đoán là đau dạ dày. Nhưng sau ngày I-Nhã qua đời, người ta khám nghiệm tử thi và thấy rất nhiều sỏi trong túi mật của ngài. Đây mới chính là nguyên cớ thật làm I-Nhã đau bụng bao năm đằng đẵng.

(87) Vào tháng 4 năm 1534, I-Nhã bắt đầu học thần học tại một Dòng của các Cha Đaminh (chi Dòng Thánh Jacques) và Dòng của các Cha Phanxicô gần đó. Ông học với họ cho đến khi rời Paris vào tháng 4 năm 1535. Sau ông tiếp tục học thần học vào năm 1536 tại Venice.

(88) Hồi đó Y khoa chưa phát triển nên việc sống ở thôn quê, nơi có khí hậu trong lành đã trở thành toa thuốc cho nhiều thứ bệnh khác nhau.

(89) Cho đến lúc này, I-Nhã và các bạn cũng chưa hề có ý định muốn thành lập một dòng tu mới. Bản thân I-Nhã vẫn ướcmơ được sống và chết tại Giêrusalem. Ý kiến chờ một năm nếu không có tàu đi Đất Thánh thì trở về Roma trình diện Đức Giáo Hoàng là ý kiến của Phêrô Favre. Thế nên nhiều nhà sử học cho rằng nếu không có Phêrô Favre, Dòng Tên có thể sẽ không thành hình bởi I-Nhã và các sẽ tiếp tục chờ cho đến khi được qua và ở lại làm việc tại Giêrusalem.

(90) Ở đây có ý ám chỉ những lời khấn mà nhóm những người bạn trong Chúa đã hứa vào ngày 15 tháng 8 năm 1534 khi họ còn ở tại Montmartre. Cùng chính vì họ đã khấn vào ngày 15 tháng 8, các tu sĩ dòng tên về sau cũng thường chọn ngày này để khấn trọn (hay chí ít chọn một ngày gần ngày 15 tháng 8). Cho đến nay, không ai biết rõ chi tiết về những lời mà họ khấn hôm đó. Sau khi I-Nhã rời Paris để trở về quê vào tháng 4 năm 1535, sáu người còn lại đã nhắc lại lời khấn của họ một lần nữa vào ngày 15 tháng 8 năm 1535. Hôm ấy có ba người bạn khác gia nhập nhóm và cùng khấn với họ, đó là Claude Jay từ Savoy, Jean Codure và Paschase Broet từ Pháp. Như thế, nhóm của I-Nhã đã có 10 thành viên. Mười thành viên này sau trở thành 10 vị đồng sáng lập Dòng Tên Chúa Giêsu.

(91) I-Nhã cũng muốn dùng cơ hội này để sửa chữa những dư âm của những hành vi bất toàn mà ông đã làm trong thời trai trẻ phóng túng.

(92) Vị thẩm phán ấy là Cha Valentín Liévin.

(93) Chẳng phải I-Nhã cứng đầu, muốn thách thức hay muốn chống lại Cha thẩm phán. Nhưng kinh nghiệm của quá khứ đã dạy Ngài là những tiếng đồn kia nếu không được giải quyết ổn thỏa có thể trở thành chướng ngại các mục vụ của ông và toàn nhóm. Hơn nữa, I-Nhã muốn làm mọi sự cho xong hầu có thể tập trung vào việc ông khao khát là phụng sự Chúa và giúp đỡ các linh hồn. Nếu có một bản án hoặc một biên bản nói rằng Cha thẩm phán không thấy gì sai trái nơi ông, I-Nhã và các bạn có thể dập tắt ngay những tin đồn thất thiệt của người đời. Thật là một hành vi khôn ngoan nhìn xa trông rộng.

(94) Một hành vi gián tiếp các cô làm, hầu tự nhận mình là vợ của các linh mục mà các cô chung sống với.

(95) Một phần vì thương em, một phần vì danh dự gia đình, anh của I-Nhã hẳn không muốn em mình lang thang như một tên ăn mày không một xu dính túi.

(96) Xem phần tự thuật số 33.

(97) Lúc đầu, I-Nhã định học tiếp thần học tại Bologna, nhưng vì thấy tình hình bất tiện, ngài đi Venice và học ở đó từ tháng giêng năm 1536 đến mùa chay năm 1537. Ở Venice, I-Nhã ngụ nhờ nhà một người thông thái tốt bụng và được xử dụng các sách vở giá trị trong thư viện của ông. Ông bạn tốt bụng này có thể là Andrea Lippomani, tu viện trưởng tu viện Chúa Ba Ngôi, một đại ân nhân của Dòng Tên sau này.

(98) Ông Phêrô Cantarênô sau trở thành Giám mục địa phận Cyprus. Cần phân biệt vị giám mục này với một người khác tên là Gasparô Cantarênô, một hồng y hết lòng giúp đỡ I-Nhã khi I-Nhã về sống ở Rôma. Còn ông Gasparô Doctis sau làm khâm sứ tòa thánh ở Vinice. Ông tú Hoces quê ở Málaga qua đời rất sớm (1538) tại Padua.

Chú thích nhỏ: ở đây Cha Hoàng Văn Lục dùng bản văn cổ hơn nhiều tác giả khác nên hệ thống bằng cấp ngài dùng chưa được cập nhật hóa. Ví dụ như cử nhân trong bản dịch của ngài nên hiểu là tương đương với bằng cao học (Master of Art), còn tú tài thật ra là bằng cử nhân (Bachelor of Art) hiện nay.

(99) Tiến sĩ Pedro Ortiz là giáo sư Kinh Thánh tại Salamanca lúc đầu rất bực mình về vụ Castro và Peraltra đi theo lối sống của I-Nhã (xem bản tự thuật No. 77), nhưng sau ông đổi ý, trở thành thân thiết và hết lòng ủng hộ đường lối của nhà dòng. Còn Đức Hồng Y Têatinô tên thật Gian-Pietro Caraffa sau trở thành Đức Giáo Hoàng Phalô IV (đăng quang ngày 23 tháng 5 năm 1555). Hồi còn ở Venice, I-Nhã đã mấy lần đụng độ với vị hồng y này nên khi đến Rôma, ngài rất sợ gặp Đức Phalô IV (chẳng phải vì tự ái vặt, nhưng có lẽ vì tế nhị hoặc vì biết mình không hợp với ĐGH, nếu chường mặt ra e rằng sẽ gây nhiều trở ngại cho Dòng hơn).

(100) Hồi đó chưa có hệ thống chủng viện quy củ như hiện nay, người muốn chịu chức linh mục thường tự tìm học triết và thần học ở các trường ngoài (hoặc với một linh mục nào đó) rồi trải qua sát hạch trước khi được các Đức Giám Mục Địa phương phong chức thánh. Bởi thế, bên cạnh những vị xuất sắc, cũng có khá nhiều vị linh mục không được trải qua các huấn luyện cần thiết nên kiến thức rất hạn hẹp.

Lúc đến yết kiến ĐGH Phalô III để xin phép lành đi Jerusalem, ĐTC chẳng những đã ban phép lành, cho tiền đi đường mà còn cho phép họ được chịu chức linh mục với bất cứ giám mục nào họ chọn. Thế nên vào ngày 24 tháng 6 năm 1537, I-Nhã (lúc này đã 46 tuổi), Xavier, Laínez, Rodrigues, Bobadilla, và Condure được chịu chức linh mục bởi Đức Cha Vincenzo Nigusanti. Đức sứ thần tòa thánh tại Venice lúc ấy đã cho phép các tân linh mục được quyền hoạt động mục vụ (giảng dạy, dâng lễ và ban các phép bí tích) trong toàn nước Cộng Hòa Venice. Salmerón vì còn quá trẻ nên chưa được chịu chức. Còn Phêrô Faver đã làm linh mục từ trước khi chính thức gia nhập nhóm (Cha Faver được chịu chức từ tháng 7 năm 1534).

(101) Danh xưng kinh điển này cho phép các cha được quyền nhận sự trợ giúp vật chất vừa đủ để sống và chỗ để ở. Đối với các linh mục triều, điều này được hiểu là nguồn trợ giúp đến từ giáo xứ họ phục vụ, tiền thu nhập qua lương bổng, hay qua các khoản bổng lộc khác. Đối với các Cha Dòng, họ phải khấn (chứ không chỉ hứa như các Cha triều) và nghĩa của từ khó nghèo được thu hẹp hơn rất nhiều (ví dụ như không được sở hữu tài sản, chẳng được quyền nhận tiền thừa kế, vv…). Nhóm của I-Nhã khi được Đức Cha Vincenzo Nigusanti phong chức đã khấn khó nghèo, khiết tịnh và học hành đầy đủ. Nhiều người cho là đây là lời khấn uyên bác. Nhưng cần biết lời khấn học hành đàng hoàng tử tế, chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt kiến thức để phục vụ khác hẳn với lời khấn trở nên thông thái như nhiều người vẫn lầm lẫn. Điều đáng tiếc là hiện nay, trong hàng ngũ giáo dân, vẫn còn có nhiều người cho rằng các Cha Dòng Tên phải tuyên khấn trở nên thông thái và bởi đó, họ bắt buộc học đêm học ngày. Nhiều bạn trẻ qua lời đồn đoán này đã khựng lại và rất ngại không dám tìm hiểu ơn gọi và gia nhập Dòng Tên.

(102) Những cảm nghiệm thiêng liêng như hồi còn ở Manrêsa một lần nữa lại đến với I-Nhã. Kinh qua những cảm nghiệm ấy mà sau này I-Nhã đã đưa vào luật dòng một yêu cầu là các tu sĩ dòng tên trước khi hoàn tất quá trình huấn luyện (thường kéo dài từ 10 đến 14 năm) phải trải qua lần thử thách thứ ba cũng gọi là năm thứ ba nhà tập (tertianship). Mục đích của thời gian này là để các chủng sinh sau một thời gian học hành thật dài (xử dụng trí óc) biết trầm mình lại hầu lắng nghe tiếng nói của con tim, đồng thời tập thêm các nhân đức khiêm nhường, yêu mến Thiên Chúa và hăng say làm việc tông đồ.

(103) Người bạn bị đau nặng này chính là Rodrigues.

(104) Hai người mà I-Nhã tỏ ra e ngại chính là tiến sĩ Pedro Ortiz và ĐHY Gian Pietro Caraffa (xem chú thích số 99).

(105) Thị kiến này xảy ra vào giữa tháng 11 năm 1537 tại La Storta một làng nhỏ cách Rôma khoảng 8 dặm. Ngoài 5 thị kiến tại Cardoner, Manrêsa (xem phần tự thuật No. 28-30), thị kiến La Storta là một trong những thị kiến thần bí nhất mà I-Nhã trải qua. Trong suốt hành trình đức tin, I-Nhã mang trong lòng khá nhiều ưu tư, phiền muộn và lắng lo về những khó khăn có thể gặp phải ở Rôma. Thế nhưng Ngài luôn tin tưởng vào sự bảo vệ của Thiên Chúa. Trong một thời gian dài, I-Nhã ngày đêm cầu xin Đức Mẹ dắt ông đến cùng Chúa Con – một khao khát muốn nên một với Giêsu Cực Thánh. Năm 1559, Cha Laínez kể lại rằng có một lần I-Nhã thuật lại cho Cha nghe về biến cố La Storta. I-Nhã nói: "Lúc ấy dường như Chúa Cha đã đặt vào tim tôi hàng chữ: *Ta sẽ trở nên điềm lành cho con tại Rôma."* Lần khác I-Nhã nói với Cha Laínez rằng ông thấy Đức Kitô vai mang thập giá có Đức Chúa Cha đứng kề bên. Rồi Đức Chúa Cha bảo Chúa Con: "*Cha muốn con nhận người này(I-Nhã) như tôi tớ của con.*" Vì lẽ ấy, I-Nhã đã cương quyết đặt tên cho dòng mới của mình là Company of Jesus (Compagnia di Gesù, chữ Compagnia tiếng Latinh cũng có nghĩa là Societas, nên sau Dòng Tên dùng danh xưng chính thức là Society of Jesus)– Những người đồng hành của Đức Kitô. Thị kiến La Storta đã trở thành một minh xác sâu thẳm cho nền tảng và khuôn mẫu của Dòng Tên. I-Nhã cảm nhận sự kết hợp mật thiết giữa mình và Đức Kitô. Ngài muốn các đồ đệ của mình cũng có lòng khao khát kết hiệp với Chúa Giêsu trong cầu nguyện, làm việc dưới lá cờ của Thập Giá Đức Kitô, sẵn sàng làm mọi sự để danh Chúa nên cả sáng hơn và để đem lại lợi ích cho anh chị em đồng loại. Ước muốn ấy sau được đưa vào những hàng đầu tiên của bộ luật dòng. Qua thị kiến này, chúng ta có thể phần nào hiểu về linh đạo của I-Nhã – một linh đạo nhấn mạnh về Thiên Chúa Ba Ngôi và hướng về một mục đích: Cho Danh Cha Cả Sáng Hơn. Đồng thời nền linh đạo I-Nhã cũng đặt trọng tâm nơi Chúa Giêsu. Hình bóng của Đức Kitô trong thị kiến La Storta là hình bóng của một Giêsu vinh quang vẫn hiện hữu và cùng đồng hành với Giáo Hội (thân thể của Người), thông qua vị đại diện của Người ở trần gian là Đức Giáo Hoàng. Vì thế, tinh thần trung thành với Đức Thánh Cha vốn đã có từ thời ở Montmartre nay được phát triển thành lời khấn thứ tư: Hoàn toàn vâng phục ĐGH trong những vấn đề liên quan đến sứ mệnh phục vụ Nước Chúa (điều này làm các tu sĩ Dòng Tên khác hẳn với các tu sĩ các Dòng khác). Qua lời khấn này, các tu sĩ Dòng Tên sẽ sẵn sàng nhận bài sai đi bất cứ nơi nào mà ĐTC muốn. Nếu I-Nhã không trải qua thị kiến La Sorta thì có lẽ các tu sĩ Dòng Tên hôm nay ngoài ba lời khấn khó nghèo, vâng lời và khiết tịnh sẽ không khấn thêm lời khấn thứ tư và chức năng cùng hoạt động của nhà dòng có thể sẽ rất khác.

(106) Ở Rôma, cả ba người (I-Nhã, Favre, và Laínez) lập tức lao vào giảng dạy, làm việc tông đồ và hướng dẫn Linh Thao. Favre giảng về Lời Chúa, Laínez dạy thần học kinh viện tại đại học La Sapienza ở nội thành Rôma (trong nhóm 10 người đầu tiên, Laínez là vị xuất sắc nhất về triết và thần học. Sau này khi I-Nhã qua đời, Laínez được toàn dòng chọn làm bề trên cả). Còn I-Nhã hướng dẫn Linh Thao. Thỉnh thoảng, ĐGH Phaolô III vời họ vào tham dự các cuộc tranh luận thần học với các nhà thần học khác trong khi dùng cơm với Ngài.

Ngay sau lễ Phục Sinh, vào ngày 21 tháng 4 năm 1538, những người còn lại trong nhóm mười bạn đồng hành đến đoàn tụ với ba vị nói trên.

(107) Tại sao thì không thấy I-Nhã nhắc đến. Nhưng có lẽ tại các bà quý phái vì danh dự của bản thân, gia đình và dòng họ thường giữ mình cẩn thận hơn và không mấy khi dùng người khác làm dê tế thần nhằm chối tội (nếu có).

(108) Ở thời điểm này, tiến sĩ Ortiz (ông là một thần học gia và là một giáo sư Kinh Thánh) đã trở thành một nhân vật tín cẩn, có uy tín và ảnh hưởng lớn trong phủ Giáo Hoàng. Ông thành một người bạn thân hết lòng ủng hộ I-Nhã và các bạn trong nhóm. Xét về kiến thức thần học, tiến sĩ Ortiz có tầm hiểu biết rộng và xuất sắc hơn I-Nhã rất nhiều, nhưng ông quả quyết với I-Nhã là ông có thể học hỏi nơi I-Nhã điều mà ông không rút tỉa được qua sách vở: một nền thần học hướng về thực hành. Một vị khác cũng được I-Nhã hướng dẫn Linh Thao trong giai đoạn này là ĐHY Gasparo Contarini, chủ tịch ủy ban cải tổ Giáo Hội lúc bấy giờ.

(109) Chỉ ít lâu sau, vị này cũng gia nhập Dòng Tên.

(110) I-Nhã cho rằng đây là lần bị chống đối mạnh mẽ nhất mà ông phải trải qua. Agostini Mainardi, một tu sĩ Dòng Âucơtinh (vị tu sĩ này sau bỏ đạo mà theo Tin Lành với nhóm của Luther) và bạn ông là Mudarra, Miguel Landívar và Barreda vì bất bình với I-Nhã đã tung ra một tin đồn là I-Nhã cùng các bạn là những người phóng đãng, vô đạo đức chỉ đi khắp nơi để rao giảng những điều rối đạo. Nhiều người kể cả ĐHY Cupis tin theo lời đồn thổi ấy. Đến lúc này, I-Nhã và nhóm bạn mới bắt đầu thấy sự khôn ngoan cần thiết phải lập nên một dòng quy củ với sự phê chuẩn của ĐGH, có thế họ mới dễ dàng tránh được những đồn thổi và phiền phức không cần thiết. Thấy trước hậu quả tai hại mà lời vu khống này có thể đem đến, I-Nhã quyết định đem mọi việc ra trước công luận và tòa án. Ông trải qua 2 tiếng phỏng vấn với ĐHY Cupis và một tiếng nữa với chính ĐGH Phalô III. Cả ĐHY lẫn ĐGH đều khâm phục sự thành thật và lòng nhiệt thành của I-Nhã. ĐGH ra lệnh mở phiên tòa điều tra xem lời đồn thổi nọ có chính xác hay không. Sau cùng, vào ngày 18 tháng 11 năm 1538, tòa tuyên bố I-Nhã và các bạn vô tội còn lời đồn thổi kia chỉ là một ác ý vô căn cứ.

(111) Sở dĩ I-Nhã không kể trọn câu chuyện là vì Cha Câmera phải đi qua Bồ Đào Nha (ngày 23 tháng 10), còn Cha Nadal qua Tây Ban Nha. Họ sẽ đi chung một đoạn đường. Thế nên I-Nhã đề nghị Câmera nghe tiếp các chi tiết khác qua Nadal, vì Nadal rất gần gũi với I-Nhã và do đó biết rõ nhiều chuyện. Mặt khác, lúc ấy Dòng Tên còn chưa có một bộ luật dòng hoàn chỉnh. Các tu sĩ dòng khắp nơi đều muốn I-Nhã viết luật và cuốn hướng dẫn các bài tập Linh Thao cho xong. Đó cũng là lý do tại sao Cha Câmera hỏi I-Nhã về hai điều này (xem phần tự thuật # 99).

(112) Trong lần kể chuyện cuối cho Câmera, I-Nhã đã nói nhiều về đời sống nội tâm, và những ân sủng Chúa ban cho ngài. Những ân sủng đó bao gồm cả những ân huệ thiêng liêng xác tín cho những điều ngài đang nhận định, nhất là những điều liên quan đến luật dòng.